

TTT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

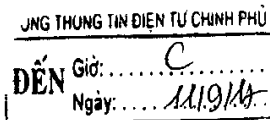
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ~~1314~~ /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp đổi, cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH, ngày 29 tháng 6 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 78/TTr-LĐTBXH ngày 31 tháng 8 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi, cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công" cho 2.058 liệt sĩ thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Vĩnh Phúc, Nghệ An, Ninh Bình, Trà Vinh, Hải Dương, Bắc Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Bắc Ninh, Đắk Nông, Sóc Trăng, Phú Thọ và Bình Định (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

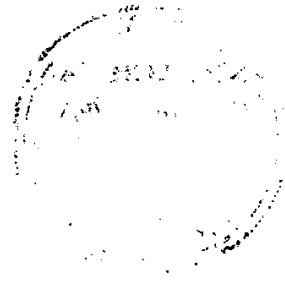
Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận :

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội,
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp,
- TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (2b), LHN (5 b).



Trương Hòa Bình





DANH SÁCH CÁN ĐỘI, CẤP LẠI BẰNG "TỔ QUỐC GHI CÔNG"

*Kèm theo Quyết định số 1314/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)*

TỈNH VINH PHÚC

- 1 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY TY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đại Tự, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 7Z 281 bt Quyết định số: 238/TTga ngày 6 tháng 4 năm 1979
- 2 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN SẴN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1972
Số bằng: GR 712 bm Quyết định số: 392/Ttga ngày 6 tháng 9 năm 1979
- 3 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÁC HÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 6N 794 bm Quyết định số: 1080/TTga ngày 25 tháng 9 năm 1978
- 4 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÁC QUẢNG**
Cán bộ xã, Nguyên quán: Xã Hiệp Lực, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 10 năm 1954
Số bằng: XA 1,623cp Quyết định số: 396/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 5 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HIỀU**
Giao thông viên huyện, Nguyên quán: Xã Hiệp Lực, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 2 năm 1953
Số bằng: XA 006 cp Quyết định số: 518/TTg ngày 2 tháng 12 năm 1958
- 6 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC NHU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Minh Tân, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OL 041 bm Quyết định số: 613/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 7 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGŨ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Minh Tân, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1967
Số bằng: MV 250 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1970
- 8 Liệt sĩ: **PHÙNG QUANG VUI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Minh Tân, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1968
Số bằng: GR 627 bm Quyết định số: 392/Ttga ngày 6 tháng 9 năm 1973
- 9 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN NGỚP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Minh Tân, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1968
Số bằng: SK 986 bm Quyết định số: 514/Ttga ngày 17 tháng 11 năm 1976

- 10 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NỞ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Minh Tân, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1972
Số bằng: OĐ 540 bm Quyết định số: 528/Ttga ngày 17 tháng 10 năm 1974
- 11 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Minh Tân, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 11 năm 1948
Số bằng: XR 825 bp Quyết định số: 396/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 12 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1969
Số bằng: LP 757 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 13 Liệt sĩ: **TẠ VĂN CƯỜNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZH 414 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 14 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THÁY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 11 năm 1953
Số bằng: ZD 444 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 15 Liệt sĩ: **HOÀNG QUỐC AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 11 năm 1953
Số bằng: ZD 445 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 16 Liệt sĩ: **TẠ VĂN LÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XU 906 bp Quyết định số: 074/TTg ngày 21 tháng 3 năm 1960
- 17 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC VỆ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1966
Số bằng: YK 023 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 18 Liệt sĩ: **TẠ XUÂN NỤ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GL 898 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 27 tháng 8 năm 1973
- 19 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG MẠCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1971
Số bằng: CL 947 bm Quyết định số: 334/Ttga ngày 15 tháng 8 năm 1972

- 20 Liệt sĩ: **KIM VĂN HOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 6 năm 1952
Số bằng: ZB 631 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 21 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1969
Số bằng: CP 816 bm Quyết định số: 327/Ttga ngày 10 tháng 8 năm 1972
- 22 Liệt sĩ: **KIM VĂN VƯỢNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 9 năm 1953
Số bằng: ZH 488 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 23 Liệt sĩ: **TẠ VĂN BẢNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1951
Số bằng: YZ 800 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 24 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN DƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1972
Số bằng: LQ 676 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974
- 25 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGƯ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 9 năm 1953
Số bằng: YZ 869 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 26 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THOẠI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1949
Số bằng: ZA 021 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 27 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỜI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1969
Số bằng: AU 772 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971
- 28 Liệt sĩ: **TẠ VĂN SÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GV 332 bm Quyết định số: 389/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 29 Liệt sĩ: **TẠ VĂN SẢN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1969
Số bằng: AO 675 bm Quyết định số: 137/Ttga ngày 9 tháng 6 năm 1971

- 30 Liệt sĩ: **TẠ QUANG HÙNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LO 424 bm Quyết định số: 150/TTg ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 31 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1972
Số bằng: LQ 830 bm Quyết định số: 207/TTg ngày 2 tháng 5 năm 1974
- 32 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT CHUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1974
Số bằng: QP 811 bm Quyết định số: 46/TTg ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 33 Liệt sĩ: **TẠ VĂN LUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 7 năm 1953
Số bằng: ZD 446 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 34 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 7Z 229 bm Quyết định số: 238/TTg ngày 6 tháng 4 năm 1979
- 35 Liệt sĩ: **TẠ QUỐC BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZH 407 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 36 Liệt sĩ: **TẠ VĂN XUYỀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XA 879 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 37 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NINH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1972
Số bằng: OL 179 bm Quyết định số: 613/TTg ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 38 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC BẢO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: CB 033 bm Quyết định số: 123/TTg ngày 11 tháng 4 năm 1972
- 39 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ CƯƠNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 1 năm 1954
Số bằng: XL 716 kp Quyết định số: 418/TTg ngày 31 tháng 10 năm 1961

- 40 Liệt sĩ: **TẠ VĂN NGU'**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XB 425 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 41 Liệt sĩ: **TẠ VĂN VỆ**
Ủy viên huyện huyện Yên Lạc, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 12 năm 1951
Số bằng: XA 021 cp Quyết định số: 518/TTg ngày 2 tháng 12 năm 1958
- 42 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG XUYỀN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1970
Số bằng: GV 480 bm Quyết định số: 389/TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 43 Liệt sĩ: **KIM VĂN DUNG**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1953
Số bằng: XA 2,121cp Quyết định số: 074/TTg ngày 21 tháng 3 năm 1960
- 44 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 9 năm 1952
Số bằng: ZA 013 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 45 Liệt sĩ: **TRẦN MINH THUẬT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1966
Số bằng: LP 738 bm Quyết định số: 211/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 46 Liệt sĩ: **TẠ VĂN THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XD 517 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958
- 47 Liệt sĩ: **TẠ VĂN NHÀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 9 năm 1952
Số bằng: YZ 880 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 48 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC QUANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1969
Số bằng: AS 380 bm Quyết định số: 197/TTGa ngày 16 tháng 8 năm 1971
- 49 Liệt sĩ: **TẠ VĂN PHÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 3 năm 1952
Số bằng: ZB 641 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

- 50 Liệt sĩ: **NGUYỄN NÓNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZG 555 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 51 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 8 năm 1967
Số bằng: QĐ 084 bp Quyết định số: 148/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1968
- 52 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỤNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 4 năm 1983
Số bằng: V 400 bt Quyết định số: 465/CTKT ngày 28 tháng 12 năm 1983
- 53 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHĨA**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1969
Số bằng: ML 742 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1970
- 54 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NĂNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1971
Số bằng: PR 634 bm Quyết định số: 399/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975
- 55 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỖNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1969
Số bằng: CB 093 bm Quyết định số: 123/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972
- 56 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 10 năm 1950
Số bằng: XL 040 bp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958
- 57 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quyết Tiến, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XX 279 bp Quyết định số: 105/TTg ngày 11 tháng 5 năm 1960
- 58 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỢI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1953
Số bằng: YZ 841 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 59 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG SỸ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 3 năm 1967
Số bằng: GX 016 bp Quyết định số: 410/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

- 60 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG TUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1951
Số bằng: KX 306 bp Quyết định số: 418/TTg ngày 31 tháng 10 năm 1961
- 61 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG CHIÊU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 4 năm 1952
Số bằng: XL 006 bp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958
- 62 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN KHOÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1965
Số bằng: CB 284 bm Quyết định số: 160/Ttga ngày 4 tháng 5 năm 1972
- 63 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XK 941 bp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958
- 64 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HÓT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: CB 096 bm Quyết định số: 123/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972
- 65 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1969
Số bằng: HE 502 bm Quyết định số: 577/Ttga ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 66 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1968
Số bằng: CB 146 bm Quyết định số: 123/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972
- 67 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM THUYẾT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1969
Số bằng: CB 152 bm Quyết định số: 123/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972
- 68 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐẠO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1972
Số bằng: QN 931 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 69 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỬ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1966
Số bằng: AF 785 bm Quyết định số: 284/CTKT ngày 29 tháng 8 năm 1984

- 70 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LOAN**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 9 năm 1987
Số bằng: CĐ 187 bt Quyết định số: 24/CTKT ngày 22 tháng 2 năm 1989
- 71 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG VĂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1968
Số bằng: TB 621 bm Quyết định số: 04/Ttga ngày 4 tháng 1 năm 1977
- 72 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NHIÊN**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 7 năm 1953
Số bằng: XB 167 cp Quyết định số: 418/TTg ngày 31 tháng 10 năm 1961
- 73 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG BỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1947
Số bằng: XL 616 bp Quyết định số: 483/TTg ngày 3 tháng 11 năm 1958
- 74 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN PHONG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1953
Số bằng: XL 718 kp Quyết định số: 418/TTg ngày 31 tháng 10 năm 1961
- 75 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU VĂN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1965
Số bằng: PX 388 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 12 tháng 5 năm 1966
- 76 Liệt sĩ: **TẠ VĂN KHIẾU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1953
Số bằng: AX 922 bp Quyết định số: 186/TTg ngày 23 tháng 8 năm 1960
- 77 Liệt sĩ: **TRẦN HÙNG KHANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 3 năm 1953
Số bằng: XL 720 bp Quyết định số: 418/TTg ngày 31 tháng 10 năm 1961
- 78 Liệt sĩ: **TRẦN DUY NHÃ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 4 năm 1952
Số bằng: XX 300 bp Quyết định số: 105/TTg ngày 11 tháng 5 năm 1960
- 79 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐỐI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1969
Số bằng: QN 946 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

- 80 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1967
Số bằng: CG 705 bm Quyết định số: 258/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1972
- 81 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ GANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: TB 172 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976
- 82 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ QUAY**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GL 879 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 27 tháng 8 năm 1973
- 83 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ TẤN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1968
Số bằng: GX 038 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973
- 84 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LIỄU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: KG 484 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1974
- 85 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ QUÝNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1969
Số bằng: SO 975 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1976
- 86 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TRI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1970
Số bằng: UR 279 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 87 Liệt sĩ: **VŨ VĂN BẢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CL 868 bm Quyết định số: 334/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972
- 88 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CƯỜNG**
Xã đội trưởng du kích, Nguyên quán: Xã Độc Lập, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 11 năm 1952
Số bằng: XG 222 kp Quyết định số: 396/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 89 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỰ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Độc Lập, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1949
Số bằng: YZ 977 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

- 90 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Độc Lập, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1949
Số bằng: XG 234 kp Quyết định số: 396/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 91 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÓNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1967
Số bằng: AL 802 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971
- 92 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG VI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GV 064 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973
- 93 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀN**
Trưởng ban công an xã, Nguyên quán: Xã Độc Lập, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1953
Số bằng: XA 1,636cp Quyết định số: 396/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 94 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CÒM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MS 838 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1970
- 95 Liệt sĩ: **VŨ VĂN PHÚ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1968
Số bằng: VQ 027 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 96 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỘP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1968
Số bằng: OL 135 bm Quyết định số: 613/Ttga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 97 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÌNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1973
Số bằng: QV 258 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976
- 98 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC THUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1969
Số bằng: HE 871 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973
- 99 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỤ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1974
Số bằng: PH 312 bm Quyết định số: 260/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1975

- 100 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ƯỚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 9C 669 bt Quyết định số: 841/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 101 Liệt sĩ: **HÀ VĂN MY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Độc Lập, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 9 năm 1951
Số bằng: XR 824 bp Quyết định số: 396/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 102 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1969
Số bằng: NT 652 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1974
- 103 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TUYẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu Đồng Đa, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1974
Số bằng: PE 754 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1975
- 104 Liệt sĩ: **HÀ THỊ TRỌNG**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: Xã Độc Lập, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XA 1,642cp Quyết định số: 396/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 105 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÙY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1974
Số bằng: TB 727 bm Quyết định số: 4/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1977
- 106 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOẠT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1973
Số bằng: YD 451 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 107 Liệt sĩ: **PHẠM THANH THỦY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1973
Số bằng: VP 644 bm Quyết định số: 246/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 108 Liệt sĩ: **PHÙNG ĐỨC CHÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HE 305 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973
- 109 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÍNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1968
Số bằng: VQ 175 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977

- 110 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1967
Số bằng: HL 960 bm Quyết định số: 15/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 111 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHÁI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XY 331 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 112 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CỎ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Độc Lập, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1953
Số bằng: XG 221 kp Quyết định số: 396/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 113 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: YH 242 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 114 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHỎM**
Trợ lý dịch vận tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1971
Số bằng: NO 172 bm Quyết định số: 366/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974
- 115 Liệt sĩ: **LƯU NHÂN BẠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LQ 610 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974
- 116 Liệt sĩ: **KIM VĂN HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968
Số bằng: QM 190 bm Quyết định số: 161/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1969
- 117 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1968
Số bằng: VO 404 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 13 tháng 5 năm 1977
- 118 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN PHÚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1968
Số bằng: GR 653 bm Quyết định số: 392/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1973
- 119 Liệt sĩ: **VŨ VĂN ÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VR 959 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

- 120 Liệt sĩ: **VŨ QUANG THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GV 221 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 18 tháng 8 năm 1973
- 121 Liệt sĩ: **LƯU NHÂN ĐÁO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Độc Lập, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 2 năm 1952
Số bằng: XA 832 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 122 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIỄN**
Cán bộ đảng, Nguyên quán: Xã Độc Lập, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 2 năm 1951
Số bằng: XB 166 cp Quyết định số: 418/TTg ngày 31 tháng 10 năm 1961
- 123 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AO 570 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971
- 124 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: HP 909 bm Quyết định số: 559/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973
- 125 Liệt sĩ: **TRẦN THẾ VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1968
Số bằng: VD 617 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 126 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN GAT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1968
Số bằng: VR 993 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 127 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hy Sinh, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 8 năm 1952
Số bằng: XB 436 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 128 Liệt sĩ: **TRẦN THẾ HIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: OH 728 bm Quyết định số: 619/Ttga ngày 12 tháng 12 năm 1974
- 129 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Hy Sinh, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 9 năm 1949
Số bằng: XA 936 cp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958

- 130 Liệt sĩ: **TRẦN TIẾN TRIỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QN 197 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976
- 131 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Duy Phiên, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1972
Số bằng: ER 678 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1973
- 132 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN PHỒN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hy Sinh, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XA 948 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 133 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HP 998 bm Quyết định số: 559/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973
- 134 Liệt sĩ: **TRẦN MINH SƠN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1969
Số bằng: CP 875 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972
- 135 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẢI BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LQ 628 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1974
- 136 Liệt sĩ: **ĐÀO QUỐC BẢO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QĐ 617 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1975
- 137 Liệt sĩ: **ĐẶNG KIM LỆNH**
Cán bộ Tổng cục Địa chất, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 4I 527 ct Quyết định số: 186/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1980
- 138 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QO 116 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 139 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hy Sinh, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1951
Số bằng: XX 296 bp Quyết định số: 105/TTg ngày 11 tháng 5 năm 1960

- 140 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGOẠI**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1971
 Số bằng: QP 871 bm Quyết định số: 46/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 141 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỂM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hy Sinh, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 11 năm 1947
 Số bằng: XA 818 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 142 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHĨA**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: HD 312 bm Quyết định số: 542/TTGa ngày 6 tháng 12 năm 1973
- 143 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TOẠI**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: EF 895 bm Quyết định số: 300/TTGa ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 144 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY Y**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1971
 Số bằng: VR 982 bm Quyết định số: 362/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 145 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG KHÁI**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hy Sinh, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 10 năm 1954
 Số bằng: ZC 545 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 146 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÚT**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Hy Sinh, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1953
 Số bằng: XA 932 kp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958
- 147 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN TỰ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hy Sinh, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 1 năm 1953
 Số bằng: XD 400 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958
- 148 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẾ**
 Chi ủy viên chi bộ xã, Nguyên quán: Xã Hy Sinh, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 8 năm 1952
 Số bằng: YZ 654 cp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 149 Liệt sĩ: **ĐẶNG KHẮC BÁN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1974
 Số bằng: QO 066 bm Quyết định số: 51/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1976

- 150 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ CHI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1970
Số bằng: HE 287 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973
- 151 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: GP 656 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 21 tháng 8 năm 1973
- 152 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1968
Số bằng: TB 285 bm Quyết định số: 551/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976
- 153 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUỐC GIÁM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1968
Số bằng: LM 968 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968
- 154 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẮN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hy Sinh, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZC 551 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 155 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỐI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1971
Số bằng: H 1,902 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 156 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EF 818 bm Quyết định số: 300/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 157 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LỜI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9C 724 bt Quyết định số: 841/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 158 Liệt sĩ: **TẠ KIM HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1974
Số bằng: QL 824 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 159 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY BI**
Trợ lý chính trị tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1968
Số bằng: GC 608 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1973

- §.
- 160 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1974
Số bằng: PH 435 bm Quyết định số: 262/TTg ngày 05 tháng 07 năm 1975
- 161 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đoàn Kết, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 8 năm 1953
Số bằng: XA 845 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 162 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ÍCH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BL 963 bm Quyết định số: 45/TTg ngày 31 tháng 1 năm 1972
- 163 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KG 406 bm Quyết định số: 135/TTg ngày 30 tháng 3 năm 1974
- 164 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 6 năm 1984
Số bằng: AQ 161 bt Quyết định số: 207 CT/KT ngày 29 tháng 5 năm 1985
- 165 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GE 427 bm Quyết định số: 227/TTg ngày 3 tháng 7 năm 1973
- 166 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Vĩnh Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XM 038 bp Quyết định số: 518/TTg ngày 2 tháng 12 năm 1958
- 167 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ GÁI**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: Xã Tứ Trung, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 5 năm 1952
Số bằng: DM 173 cp Quyết định số: 140/TTg ngày 2 tháng 4 năm 1994
- 168 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN QUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Cao Minh, huyện Kim Anh, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1969
Số bằng: ML 707 bm Quyết định số: 148/TTg ngày 19 tháng 6 năm 1970
- 169 Liệt sĩ: **ĐƯỜNG VINH CẠNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Duy Tân, huyện Yên Lạc, , tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1951
Số bằng: XH 428 kp Quyết định số: 105/TTg ngày 11 tháng 5 năm 1960

- 170 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Du, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: PD 595 bm Quyết định số: 335/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975
- 171 Liệt sĩ: **KIỀU VĂN TRÍ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 6 năm 1954
 Số bằng: CX 424 bp Quyết định số: 286/TTg ngày 21 tháng 11 năm 1960
- 172 Liệt sĩ: **LƯU VĂN THÀNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: VP 544 bm Quyết định số: 246/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 173 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC THỌ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: AL 775 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971
- 174 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẠCH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 6 năm 1946
 Số bằng: XC 178 bp Quyết định số: 19/TTg ngày 9 tháng 1 năm 1958
- 175 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CỬU**
 Đảng viên Đảng Lao động Việt Nam, Nguyên quán: Xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 5 năm 1952
 Số bằng: XA 1,381cp Quyết định số: 353/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1959
- 176 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NĂNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tam Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: PE 316 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1975
- 177 Liệt sĩ: **PHÙNG XUÂN TỰ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: GR 774 bm Quyết định số: 392/Ttga ngày 6 tháng 9 năm 1973
- 178 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN LỘC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: AS 388 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971
- 179 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CƯỜNG**
 Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: Xã Định Trung, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 6 năm 1954
 Số bằng: YZ 753 cp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

- 180 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG KÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1967
Số bằng: BM 119 bm Quyết định số: 105/TTg ngày 2 tháng 6 năm 1967
- 181 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1974
Số bằng: QĐ 896 bm Quyết định số: 465/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1975
- 182 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRÍ PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 1L 064 bm Quyết định số: 728/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 183 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN DẠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: KO 703 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 20 tháng 2 năm 1974
- 184 Liệt sĩ: **DƯƠNG QUANG CHÍ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1971
Số bằng: GN 628 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1973
- 185 Liệt sĩ: **ĐỖ MINH CƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GV 148 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973
- 186 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG TỰ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GC 717 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1973
- 187 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1967
Số bằng: NY 942 bm Quyết định số: 619/Ttga ngày 12 tháng 12 năm 1974
- 188 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 1H 233 bm Quyết định số: 728/TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 189 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỐI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1969
Số bằng: YD 288 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

- 190 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN XUYỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 2 năm 1980
Số bằng: 7AA 261 bt Quyết định số: 73 CT/KT ngày 4 tháng 11 năm 1981
- 191 Liệt sĩ: **CAO VĂN NĂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MT 218 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1970
- 192 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN SÁCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1971
Số bằng: HE 689 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 193 Liệt sĩ: **DƯƠNG TUẤN TƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: QO 029 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 194 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hạnh Phúc, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1949
Số bằng: GX 961 bp Quyết định số: 157/TTg ngày 24 tháng 4 năm 1961
- 195 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN KIỂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1969
Số bằng: H 2,010 bm Quyết định số: 88/TTga ngày 13 tháng 3 năm 1972
- 196 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KHOA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Ninh Hiệp, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZG 542 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 197 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY TIÊU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu Đồng Đa, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1971
Số bằng: GV 256 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976
- 198 Liệt sĩ: **ĐỖ TRUNG TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồn Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 10 năm 1950
Số bằng: XM 016 bp Quyết định số: 518/TTg ngày 2 tháng 12 năm 1958
- 199 Liệt sĩ: **ĐIỀN NGỌC AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lăng Công, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1966
Số bằng: MS 811 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1970

- 200 Liệt sĩ: **TRỊNH QUANG NGUYỆT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969
Số bằng: ML 744 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1970
- 201 Liệt sĩ: **HOÀNG QUỐC LẬP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu Đồng Đa, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HE 511 bm Quyết định số: 577/Ttga ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 202 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH HÒE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tiễn Thịnh, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1954
Số bằng: GX 909 bp Quyết định số: 50/TTg ngày 19 tháng 4 năm 1961
- 203 Liệt sĩ: **LÊ NĂNG THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ZR 626 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 204 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY PHƯƠNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 9 năm 1949
Số bằng: EO 951 kp Quyết định số: 756/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2001
- 205 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÙI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1969
Số bằng: VT 982 bm Quyết định số: 364/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 206 Liệt sĩ: **TẠ VĂN BẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hiệp Lực, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 2 năm 1948
Số bằng: ZA 755 bp Quyết định số: 96/TTg ngày 19 tháng 3 năm 1957
- 207 Liệt sĩ: **TẠ QUANG HẠT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hồ Sơn, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1971
Số bằng: LQ 776 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1974
- 208 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN NGHĨA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 8 năm 1951
Số bằng: XA 925 kp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958
- 209 Liệt sĩ: **TẠ VĂN THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1953
Số bằng: KX 309 bp Quyết định số: 418/TTg ngày 31 tháng 10 năm 1961

- 210 Liệt sĩ: **TẠ VĂN THÌN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1950
Số bằng: ZB 632 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 211 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THẮNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1951
Số bằng: XL 717 kp Quyết định số: 418/TTg ngày 31 tháng 10 năm 1961
- 212 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN ĐĂNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: KX 307 bp Quyết định số: 418/TTg ngày 31 tháng 10 năm 1961
- 213 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM QUYÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 7 năm 1945
Số bằng: YZ 940 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 214 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THỤ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: XX 314 bp Quyết định số: 105/TTg ngày 11 tháng 5 năm 1960
- 215 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ VŨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1953
Số bằng: XD 421 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958
- 216 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LÍP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Độc Lập, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1948
Số bằng: XQ 4,918bp Quyết định số: 353/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1959
- 217 Liệt sĩ: **VŨ VĂN ĐŨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Độc Lập, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
Số bằng: KX 301 bp Quyết định số: 418/TTg ngày 31 tháng 10 năm 1961
- 218 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1949
Số bằng: GI 786 bp Quyết định số: 57/QĐ-TTg ngày 8 tháng 1 năm 2004
- 219 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LẬP**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Hy Sinh, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1948
Số bằng: XY 540 kp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

- 220 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MAI**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hạnh Phúc, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
 Số bằng: GX 963 bp Quyết định số: 157/TTg ngày 24 tháng 4 năm 1961
- 221 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG XÔ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Quang, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: H 1,938 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 222 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐUÔNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tứ Trung, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
 Số bằng: GI 986 bp Quyết định số: 135/QĐ-TTg ngày 3 tháng 2 năm 2004
- 223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỈ**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Cộng Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 6 năm 1954
 Số bằng: YZ 808 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 224 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nam Viêm, huyện Kim Anh, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1970
 Số bằng: H 2,964 bm Quyết định số: 88/TTga ngày 13 tháng 3 năm 1972
- 225 Liệt sĩ: **ĐẠI XUÂN THUẬN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Minh Tân, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1978
 Số bằng: H 1,918 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 226 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đôn Nhân, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: H 2,644 bm Quyết định số: 88/TTga ngày 13 tháng 3 năm 1972
- 227 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHỊCH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Phú Xuân, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1966
 Số bằng: EB 375 bm Quyết định số: 73/Ttga ngày 8 tháng 3 năm 1973
- 228 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIÁC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hiệp Lực, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
 Số bằng: KX 323 bp Quyết định số: 418/TTg ngày 31 tháng 10 năm 1961
- 229 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY KHOÁNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hiệp Lực, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
 Số bằng: KX 315 bp Quyết định số: 418/TTg ngày 31 tháng 10 năm 1961

- 230 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1954
Số bằng: DX 789 bp Quyết định số: 53/TTg ngày 8 tháng 2 năm 1961
- 231 Liệt sĩ: **LÊ XOAY**
Xứ ủy viên Đảng Cộng sản Đông dương, Nguyên quán: Xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1942
Số bằng: XA 3,645cp Quyết định số: 150/TTg ngày 19 tháng 4 năm 1961
- 232 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN TRẦN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZB 767 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 233 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIỆC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1970
Số bằng: H 2,715 bm Quyết định số: 88/TTga ngày 13 tháng 3 năm 1972

TỈNH NGHỆ AN

- 234 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG SON**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1965
Số bằng: AG 992 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971
- 235 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MY 006 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970
- 236 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT TIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZQ 039 bp Quyết định số: 130/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1959
- 237 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1971
Số bằng: UR 761 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 238 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam., Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1965
Số bằng: HZ 850 bm Quyết định số: 086/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966
- 239 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UB 497 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

- 240 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRIỂN**
Thanh niên cách mạng đồng chí hội, Nguyên quán: xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1932
Số bằng: ZC 320 cpQuyết định số: 227/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1963
- 241 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN CÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 1 năm 1986
Số bằng: BK 125 bt Quyết định số: 47/CTKT ngày 4 tháng 3 năm 1987
- 242 Liệt sĩ: **CAO XUÂN ĐẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1972
Số bằng: LA 848 bm Quyết định số: 289/TTGa ngày 8 tháng 6 năm 1974
- 243 Liệt sĩ: **PHẠM KIM SOẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KQ 638 bm Quyết định số: 23/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1974
- 244 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THỜI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1970
Số bằng: AQ 370 bm Quyết định số: 123/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1971
- 245 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG QUÝ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1975
Số bằng: RB 070 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 246 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỬ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1974
Số bằng: QK 404 bm Quyết định số: 18/TTGa ngày 22 tháng 1 năm 1976
- 247 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁC**
Nông hội đỏ, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1931
Số bằng: ZC 208 cpQuyết định số: 225/TTGa ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 248 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỚN**
Giao thông viên, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 6 tháng 5 năm 1931
Số bằng: ZC 244 cpQuyết định số: 22/TTGa ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 249 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THỦY**
Trung sĩ, Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MB 782 bm Quyết định số: 85/TTGa ngày 7 tháng 4 năm 1970

- 250 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BA**
Trung sĩ, Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1967
Số bằng: GK 773 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1973
- 251 Liệt sĩ: **ĐẶNG ÍCH THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9Q 709 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980
- 252 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1971
Số bằng: HV 459 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 253 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC KHÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1969
Số bằng: VH 907 bm Quyết định số: 456/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 254 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KỲ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1966
Số bằng: QX 027 bm Quyết định số: 163/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966
- 255 Liệt sĩ: **MAI THỊ ĐON(ĐOU)**
Công nhân, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1967
Số bằng: NM 442 cm Quyết định số: 11/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1976
- 256 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG KHUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1965
Số bằng: MS 660 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970
- 257 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1971
Số bằng: CP 231 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1972
- 258 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU BƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam., Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MT 479 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970
- 259 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÈN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1969
Số bằng: YI 834 bm Quyết định số: 460/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

- 260 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BƯỜNG (BẢNG)**
 Trưởng ban cứu tế đỏ, Nguyên quán: xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1931
 Số bằng: ZC 211 cpQuyết định số: 225/TTGa ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 261 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH BẦY**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1969
 Số bằng: YI 826 bm Quyết định số: 460/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 262 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐỨC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: YP 686 bm Quyết định số: 692/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1977
- 263 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TƯ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: UR 977 bm Quyết định số: 499/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1977
- 264 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẬN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
 Số bằng: ZU 979 bp Quyết định số: 208/TTGa ngày 9 tháng 6 năm 1960
- 265 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TIÊM**
 Thượng sĩ, tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: HB 980 bm Quyết định số: 503/TTGa ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 266 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÙNG**
 Nhân dân, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1930
 Số bằng: ZC 289 cpQuyết định số: 227/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1963
- 267 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀO**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 12 năm 1978
 Số bằng: 9Q 414 bt Quyết định số: 474/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1980
- 268 Liệt sĩ: **CAO XUÂN TUẤN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1978
 Số bằng: 9U 058 bt Quyết định số: 572/TTGa ngày 20 tháng 8 năm 1980
- 269 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐỨC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1967
 Số bằng: HT 812 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1974

- 270 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG LÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1972
Số bằng: YA 894 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 271 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1967
Số bằng: YM 349 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 272 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRIỂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 3 năm 1949
Số bằng: ZQ 449 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 12 tháng 1 năm 1959
- 273 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1974
Số bằng: VS 954 bm Quyết định số: 360/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 274 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG HỢP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1973
Số bằng: PR 261 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975
- 275 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1968
Số bằng: UR 525 bm Quyết định số: 446/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 276 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIAI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KQ 690 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1974
- 277 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CƯ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: RA 168 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 278 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KỶ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1967
Số bằng: ĐS 301 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973
- 279 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHỊ HÙNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1971
Số bằng: AG 957 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

- 280 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1968
Số bằng: YP 519 bm Quyết định số: 459/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 281 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HOÀNG**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KQ 788 bm Quyết định số: 86/TTGa ngày 7 tháng 3 năm 1974
- 282 Liệt sĩ: **KIỀU VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1967
Số bằng: BT 911 bm Quyết định số: 101/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1972
- 283 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH THÀNH**
Nhân viên cơ yếu, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 10 năm 1981
Số bằng: BC 649 bt Quyết định số: 179/CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1986
- 284 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1973
Số bằng: YP 705 bm Quyết định số: 692/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1977
- 285 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UR 683 bm Quyết định số: 443/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 286 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH HỘI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1972
Số bằng: ĐS 295 bm Quyết định số: 27/TTGa ngày 7 tháng 2 năm 1973
- 287 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÍCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MS 576 bm Quyết định số: 290/TTGa ngày 9 tháng 12 năm 1970
- 288 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9U 014 bt Quyết định số: 572/TTGa ngày 20 tháng 8 năm 1980
- 289 Liệt sĩ: **PHAN MẠNH TOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1973
Số bằng: UR 948 bm Quyết định số: 499/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1977

- 290 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT KHUYỀN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 5 năm 1952
 Số bằng: EZ 847 bp Quyết định số: 225/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1963
- 291 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: AG 986 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971
- 292 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGA**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: RA 476 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976
- 293 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH PHÚC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 9 năm 1979
 Số bằng: 9T 952 bt Quyết định số: 572/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1980
- 294 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG LẠC**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1951
 Số bằng: Eg 864 bp Quyết định số: 220/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1963
- 295 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC CƯ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: VY 610 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 296 Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU MINH**
 Chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 5 năm 1978
 Số bằng: ZX 544 bt Quyết định số: 207/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1979
- 297 Liệt sĩ: **NGUYỄN CẢNH NHƯNG**
 Đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 28 tháng 8 năm 1931
 Số bằng: GH 560 cp Quyết định số: 1228/TTg ngày 10 tháng 11 năm 2003
- 298 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN MINH**
 Chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 4 năm 1984
 Số bằng: BB 142 bt Quyết định số: 135/CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986
- 299 Liệt sĩ: **VÕ THỊ LÂN**
 Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: HM 283 cm Quyết định số: 162/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1971

- 300 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÁM**
Chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HT 798 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 301 Liệt sĩ: **NGUYỄN CẢNH THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MV 325 bm Quyết định số: 20/TTGa ngày 1 tháng 2 năm 1971
- 302 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẢO**
Đội viên đội tự vệ đỏ, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1930
Số bằng: BC 645 kp Quyết định số: 445/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1972
- 303 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU BA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: PB 516 bm Quyết định số: 186/TTGa ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 304 Liệt sĩ: **VY HOÀI THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1970
Số bằng: UR 684 bm Quyết định số: 443/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 305 Liệt sĩ: **VI VĂN LUYỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1973
Số bằng: LR 150 bm Quyết định số: 255/TTGa ngày 21 tháng 5 năm 1974
- 306 Liệt sĩ: **VI VĂN CHÂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BA 906 bm Quyết định số: 278/TTGa ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 307 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1968
Số bằng: YY 947 bm Quyết định số: 765/TTGa ngày 27 tháng 7 năm 1977
- 308 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN LINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
Số bằng: QK 451 bm Quyết định số: 18/TTGa ngày 22 tháng 1 năm 1976
- 309 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TUẦN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 5 năm 1985
Số bằng: BK 048 bt Quyết định số: 47/CTKT ngày 3 tháng 1 năm 1987

- 310 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN MAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 883 bt Quyết định số: 542/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1980
- 311 **Liệt sĩ: LỮ VĂN THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9U 113 bt Quyết định số: 541/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1980
- 312 **Liệt sĩ: HÒ THANH PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1972
Số bằng: QK 387 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976
- 313 **Liệt sĩ: HÒ NGỌC HÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: OI 854 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1975
- 314 **Liệt sĩ: HÀ VĂN THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1966
Số bằng: HA 736 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 315 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC MỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: EZ 869 bp Quyết định số: 225/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 316 **Liệt sĩ: LÔ VĂN TIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MB 638 bm Quyết định số: 57TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 317 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1961
Số bằng: CZ 767 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1962
- 318 **Liệt sĩ: VI VĂN LỊCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Môn Sơn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1967
Số bằng: IM 377 bm Quyết định số: 178/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 319 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN CƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 7 năm 1982
Số bằng: V 289 bt Quyết định số: 08/CTKT ngày 11 tháng 1 năm 1984

- 320 Liệt sĩ: **NGÂN VĂN ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 1 năm 1977
Số bằng: YP 692 bt Quyết định số: 692/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1977
- 321 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1970
Số bằng: EH 757 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973
- 322 Liệt sĩ: **CHU ĐỨC CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1975
Số bằng: VQ 726 bm Quyết định số: 340/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1977
- 323 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN DOÃN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: QI 804 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976
- 324 Liệt sĩ: **HÀ DUY ĐỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1967
Số bằng: IM 405 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 325 Liệt sĩ: **NGUYỄN DIỄN HẠNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 4 năm 1984
Số bằng: BB 010 bt Quyết định số: 73/CT-KT ngày 19 tháng 3 năm 1986
- 326 Liệt sĩ: **NGUYỄN DIỄN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1970
Số bằng: AP 887 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971
- 327 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BB 389 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 328 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG TÝ (TÝ)**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1969
Số bằng: HT 801 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 329 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1972
Số bằng: RB 096 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

- 330 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH BÉ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Long, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1970
Số bằng: KB 682 bm Quyết định số: 530 /TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973
- 331 **Liệt sĩ: LÊ VĂN CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ
An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KB 854 bm Quyết định số: 530 /TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973
- 332 **Liệt sĩ: NGUYỄN KHẮC CHÂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ
An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1973
Số bằng: OK 513 bm Quyết định số: 15 /TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 333 **Liệt sĩ: TRỊNH HUY CHÂU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Long, huyện Nam Đàn, tỉnh
Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HB 908 bm Quyết định số: 503 /TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 334 **Liệt sĩ: PHAN VĂN HIỀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh
Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 11 năm 1978
Số bằng: AO 721 bt Quyết định số: 115/ CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985
- 335 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1953
Số bằng: GH 473 bp Quyết định số: 1228/ TTg ngày 10 tháng 11 năm 2003
- 336 **Liệt sĩ: HỒ VIỆT KIM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 1 năm 1983
Số bằng: AC 612 bt Quyết định số: 229 /CTKT ngày 13 tháng 7 năm 1984
- 337 **Liệt sĩ: LƯU HỒNG LAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã
hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1971
Số bằng: CX 948 bm Quyết định số: 286 /CTKT ngày 17 tháng 12 năm 1991
- 338 **Liệt sĩ: HOÀNG QUỐC LĨNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh
Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 12 năm 1984
Số bằng: BC 721 bt Quyết định số: 179/ CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1986
- 339 **Liệt sĩ: DƯƠNG BÁ LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YA 960 bm Quyết định số: 457 /TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

- 340 **Liệt sĩ: NGUYỄN THẾ LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lạc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 1 năm 1950
Số bằng: EE 156 bp Quyết định số: 218/TTg ngày 27 tháng 11 năm 1963
- 341 **Liệt sĩ: HOÀNG NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lạc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 4 năm 1951
Số bằng: EZ 666 bp Quyết định số: 219/TTg ngày 27 tháng 11 năm 1963
- 342 **Liệt sĩ: LÊ CẢNH NHỊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1972
Số bằng: QN 043 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 343 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: HS 765 bm Quyết định số: 487/TTg ngày 6 tháng 11 năm 1976
- 344 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NHUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: QN 049 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 345 **Liệt sĩ: NGUYỄN HẢI QUẾ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1971
Số bằng: YQ 070 bm Quyết định số: 514 /TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 346 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8R 061 bt Quyết định số: 575/ TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 347 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1962
Số bằng: EZ 907 bm Quyết định số: 227 /TTga ngày 12 tháng 12 năm 1963
- 348 **Liệt sĩ: HOÀNG NGỌC THÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1970
Số bằng: KB 782 bm Quyết định số: 530 /TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973
- 349 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HB 999 bm Quyết định số: 503 /TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

- 350 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN THẮNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 3 năm 1986
Số bằng: BK 028 bt Quyết định số: 47/CTKT ngày 3 tháng 1 năm 1987
- 351 Liệt sĩ: **VI VĂN THU**
Dân Công, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1971
Số bằng: IM 162 cm Quyết định số: 494/TTg ngày 9 tháng 12 năm 1972
- 352 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lạc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1970
Số bằng: YA 020 bm Quyết định số: 326/TTg ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 353 Liệt sĩ: **LÔ VĂN TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9U 023 bt Quyết định số: 572/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1980
- 354 Liệt sĩ: **VI VĂN VINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1970
Số bằng: AP 921 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971
- 355 Liệt sĩ: **CHÂU ĐÌNH VỸ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1972
Số bằng: HT 770 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 356 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH Ý**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NV 530 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974
- 357 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT YÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lạc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YG 624 bm Quyết định số: 449/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 358 Liệt sĩ: **BÙI TRỌNG QUỲNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PB 635 bm Quyết định số: 191/TTg ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 359 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÊ**
Công nhân lâm nghiệp, Nguyên quán: xã Nam Long, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 7 năm 1982
Số bằng: G 165 ct Quyết định số: 043/CTKT ngày 2 tháng 2 năm 1983

- 360 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LƯƠNG**
 Trưởng ban hành chính Trung đoàn , Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1971
 Số bằng: EK 149 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1973
- 361 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 11 năm 1978
 Số bằng: 9I 874 bt Quyết định số: 34/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1980
- 362 Liệt sĩ: **BÙI THANH XUÂN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: ND 197 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974
- 363 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGÔ HIỀN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: MB 472 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 364 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HẠNH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: 5S 107 bm Quyết định số: 725/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978
- 365 Liệt sĩ: **VI VĂN TOÁN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1967
 Số bằng: MB 647 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 366 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ ĐỨC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: MH 031 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1970
- 367 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÙNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: DN 042 bm Quyết định số: 475/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1972
- 368 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HÀO**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1974
 Số bằng: QL 396 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 369 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: MG 973 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1970

- 370 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1974
 Số bằng: QH 671 bm Quyết định số: 42/TTGa ngày 10 tháng 2 năm 1976
- 371 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẮT TUYỀN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1967
 Số bằng: 8M 359 bm Quyết định số: 471/TTGa ngày 20 tháng 6 năm 1979
- 372 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐỨC**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: KO 165 bm Quyết định số: 160/TTGa ngày 13 tháng 4 năm 1974
- 373 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT LƯỢNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: Jm 3,746bm Quyết định số: 178/TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 374 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM LẬP**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: HT 853 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 375 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU BẢO**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: MV 294 bm Quyết định số: 311/TTGa ngày 30 tháng 12 năm 1970
- 376 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH QUẾ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: GL 943 bm Quyết định số: 479/TTGa ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 377 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỬU**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: NV 588 bm Quyết định số: 508/TTGa ngày 1 tháng 1 năm 1974
- 378 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM ĐỊNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1974
 Số bằng: UD 721 bm Quyết định số: 130/TTGa ngày 9 tháng 3 năm 1977
- 379 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN PHONG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1967
 Số bằng: IM 436 bm Quyết định số: 178/TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1968

- 380 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LAN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: MH 012 bm Quyết định số: 86/TTGa ngày 4 tháng 4 năm 1970
- 381 Liệt sĩ: **THIÊN QUANG TRUẬT**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1967
 Số bằng: QG 404 bm Quyết định số: 55/TTGa ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 382 Liệt sĩ: **VÕ VĂN XIN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1966
 Số bằng: IM 531 bm Quyết định số: 178 TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 383 Liệt sĩ: **VI XUÂN TIẾN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: SI 047 bm Quyết định số: 462/TTGa ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 384 Liệt sĩ: **LÊ MINH HOÀI**
 Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1967
 Số bằng: IM 577 bm Quyết định số: 178/TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 385 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÚ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1973
 Số bằng: PI 712 bm Quyết định số: 358/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1975
- 386 Liệt sĩ: **ĐÌNH TRỌNG QUANG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: BE 413 bm Quyết định số: 286/TTGa ngày 8 tháng 12 năm 1971
- 387 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC BÌNH**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: GK 790 bm Quyết định số: 397/TTGa ngày 8 tháng 9 năm 1973
- 388 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC BIÊN (LAI)**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1946
 Số bằng: ZC 270 cp Quyết định số: 225/TTGa ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 389 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGÔ HIỀN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1962
 Số bằng: HZ 340 bm Quyết định số: 113/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1965

- 390 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1974
Số bảng: YP 478 bm Quyết định số: 468/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1977
- 391 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HỘI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1972
Số bảng: QG 581 bm Quyết định số: 55/TTGa ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 392 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGÔ HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1972
Số bảng: LR 131 bm Quyết định số: 255/TTGa ngày 21 tháng 5 năm 1974
- 393 Liệt sĩ: **TRẦN KIM TRÍ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968
Số bảng: BE 310 bm Quyết định số: 286/TTGa ngày 8 tháng 12 năm 1971
- 394 Liệt sĩ: **VĂN HỮU HIỀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1972
Số bảng: OI 859 bm Quyết định số: 03/TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1975
- 395 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN VINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1965
Số bảng: BN 264 bm Quyết định số: 57/TTGa ngày 9 tháng 2 năm 1972
- 396 Liệt sĩ: **VÕ QUANG LẠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bảng: ĐH 780 bm Quyết định số: 480/TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1972
- 397 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HUÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
Số bảng: GK 843 bm Quyết định số: 397/TTGa ngày 8 tháng 9 năm 1973
- 398 Liệt sĩ: **KHƯƠNG VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bảng: PK 778 bm Quyết định số: 349/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1975
- 399 Liệt sĩ: **KHƯƠNG VĂN HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1972
Số bảng: KB 691 bm Quyết định số: 530/TTGa ngày 3 tháng 12 năm 1973

- 400 Liệt sĩ: **PHAN BÁ NGUYỆT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: BS 431 bm Quyết định số: 169/TTGa ngày 9 tháng 5 năm 1972
- 401 Liệt sĩ: **PHAN BÁ HIỀN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1969
Số bằng: PR 222 bm Quyết định số: 373/TTGa ngày 23 tháng 9 năm 1975
- 402 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHUÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1969
Số bằng: YP 450 bm Quyết định số: 468/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1977
- 403 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1970
Số bằng: NP 834 bm Quyết định số: 414/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1974
- 404 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1968
Số bằng: PM 936 bm Quyết định số: 146/TTGa ngày 15 tháng 9 năm 1969
- 405 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1967
Số bằng: IM 426 bm Quyết định số: 178/TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 406 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGÔ TỚI**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KO 125 bm Quyết định số: 160/TTGa ngày 13 tháng 4 năm 1974
- 407 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÁT HỒ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MO 596 bm Quyết định số: 175/TTGa ngày 13 tháng 7 năm 1970
- 408 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÁT TÚY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MB 666 bm Quyết định số: 57/TTGa ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 409 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIÊU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1973
Số bằng: OA 154 bm Quyết định số: 488/TTGa ngày 26 tháng 9 năm 1974

- 410 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÁT KHÁNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SH 692 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976
- 411 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LB 511 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1974
- 412 Liệt sĩ: **PHAN BÁ GIÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã
hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 1 năm 1981
Số bằng: 2 AB 749bt Quyết định số: 253/CK - KT ngày 8 tháng 9 năm 1982
- 413 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ
An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1965
Số bằng: UD 480 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 414 Liệt sĩ: **PHAN THANH CƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MF 956 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970
- 415 Liệt sĩ: **PHAN BÁ HƯỚNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1951
Số bằng: xa 405 bm Quyết định số: 551/Ttg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 416 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ DOÃN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BL 324 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972
- 417 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỦ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MB 426 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 418 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH VIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã
hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 5 năm 1983
Số bằng: AC 678 bt Quyết định số: 229/CTKT ngày 13 tháng 7 năm 1984
- 419 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh
Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BL 343 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972

- 420 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1967
Số bằng: AL 054 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 30 tháng 4 năm 1971
- 421 Liệt sĩ: **LÊ VĂN AN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1970
Số bằng: SH 501 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 422 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MB 426 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 423 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 682 bt Quyết định số: 559/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 424 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1969
Số bằng: MT 543 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970
- 425 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÌN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1969
Số bằng: GP 816 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973
- 426 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1967
Số bằng: GK 884 bm
- 427 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TUY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1964
Số bằng: UR 999 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977
- 428 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KB 903 bm Quyết định số: 529/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973
- 429 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8B 891 bt Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1979

- 430 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÌNH KHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8y 254 bt Quyết định số: 791/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1979
- 431 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÌNH TẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1971
Số bằng: SA 066 bm Quyết định số: 465/TTGa ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 432 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1966
Số bằng: PR 363 bm Quyết định số: 373/TTGa ngày 23 tháng 9 năm 1975
- 433 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1973
Số bằng: OE 871 bm Quyết định số: 17/TTGa ngày 12 tháng 1 năm 1975
- 434 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÌNH SÁU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 8E 493 bm Quyết định số: 348/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 435 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 1 năm 1949
Số bằng: GL 371 bp Quyết định số: 675/QĐ-TTga ngày 16 tháng 6 năm 2004
- 436 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG ĐỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1972
Số bằng: RA 298 bm Quyết định số: 152/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 437 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG NHUNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9T 941 bt Quyết định số: 542/TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1980
- 438 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÌNH THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1951
Số bằng: EZ 943 bp Quyết định số: 227/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1963
- 439 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NHƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1968
Số bằng: YG 568 bm Quyết định số: 499/TTg ngày 18 tháng 5 năm 1977

- 440 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GK 900 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1973
- 441 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LƯ**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 6 năm 1970
Số bằng: PR 239 bb Quyết định số: 373/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1973
- 442 Liệt sĩ: **TRẦN THANH LƯU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 5 năm 1972
Số bằng: ON 313 bb Quyết định số: 615/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1974
- 443 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1952
Số bằng: HC 554 bp Quyết định số: 192/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 444 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1973
Số bằng: OI 735 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1975
- 445 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGỰ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1970
Số bằng: BB 059 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974
- 446 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÀN**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 8E 530 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979
- 447 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HOAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 1 năm 1985
Số bằng: BK 103 bt Quyết định số: 47/CTKT ngày 4 tháng 3 năm 1987
- 448 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG CHÂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1967
Số bằng: BA 900 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 449 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH NHÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YG 550 bm Quyết định số: 449/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

- 450 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH NGA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1970
Số bằng: AP 853 bm Quyết định số: 221/TTGa ngày 6 tháng 7 năm 1971
- 451 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÁ ĐƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1970
Số bằng: YP 708 bm Quyết định số: 692/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1977
- 452 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ NGHINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1969
Số bằng: HT 865 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1947
- 453 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HỒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: LG 886 bm Quyết định số: 580/TTGa ngày 20 tháng 11 năm 1974
- 454 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐẶNG**
Đội viên đoàn biểu tình, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 20 tháng 8 năm 1931
Số bằng: LG 479 cp Quyết định số: 675/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2004
- 455 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1966
Số bằng: EZ 909 bm Quyết định số: 227/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1963
- 456 Liệt sĩ: **ĐẶNG THANH SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1978
Số bằng: GT 986 bt Quyết định số: 572/TTGa ngày 20 tháng 8 năm 1970
- 457 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1971
Số bằng: YP 787 bm Quyết định số: 692/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1977
- 458 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG CỬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 569 bt Quyết định số: 558/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 459 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1972
Số bằng: LR 172 bm Quyết định số: 225/TTGa ngày 21 tháng 5 năm 1974

- 460 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1957
Số bằng: UB 692 bm Quyết định số: 137/TTGa ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 461 Liệt sĩ: **ĐẶNG DUY HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1974
Số bằng: SR 562 bm Quyết định số: 577/TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 462 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ ĐỒNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1984
Số bằng: OA 672 bm Quyết định số: 115/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985
- 463 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC ĐỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1976
Số bằng: HT 892 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 464 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1969
Số bằng: HT 831 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 465 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1966
Số bằng: KO 168 bm Quyết định số: 160/TTGa ngày 13 tháng 4 năm 1974
- 466 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MB 525 bm Quyết định số: 58/TTGa ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 467 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH DO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: OM 735 bm Quyết định số: 109/TTGa ngày 14 tháng 7 năm 1969
- 468 Liệt sĩ: **ĐẶNG VIỆT KIỂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MT 128 bm Quyết định số: 270/TTGa ngày 14 tháng 11 năm 1970
- 469 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CHÂU**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 9 tháng 3 năm 1932
Số bằng: ZC 224 cp Quyết định số: 225/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1963

- 470 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1970
Số bằng: AP 849 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971
- 471 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỬU**
Tự vệ đỏ, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 16 tháng 8 năm 1930
Số bằng: ZC 293 cp Quyết định số: 227/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1963
- 472 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÁ ĐƯƠNG**
Tự vệ đỏ, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 20 tháng 5 năm 1930
Số bằng: ZD 393 cp Quyết định số: 225/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 473 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1973
Số bằng: YL 607 bm Quyết định số: 739/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 474 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NP 812 bm Quyết định số: 414/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974
- 475 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KQ 628 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974
- 476 Liệt sĩ: **ĐẶNG DUY ƯU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1966
Số bằng: QI 859 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976
- 477 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG THIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1968
Số bằng: CP 142 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972
- 478 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LAN**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1970
Số bằng: U Đ 819 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 479 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ĐẠI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1971
Số bằng: U Đ 675 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

- 480 **Liệt sĩ: BÙI ĐỨC CHUẨN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1966
Số bằng: VY 585 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 481 **Liệt sĩ: BÙI ĐỨC NGHỊ**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1971
Số bằng: LG 325 bm Quyết định số: 231/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1974
- 482 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC THẾ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: UR 461 bm Quyết định số: 446/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 483 **Liệt sĩ: LƯƠNG MINH PHƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1971
Số bằng: KB 911 bm Quyết định số: 529/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973
- 484 **Liệt sĩ: BÙI CÔNG CHUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1971
Số bằng: EZ 808 bm Quyết định số: 225/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 485 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1972
Số bằng: CK 492 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972
- 486 **Liệt sĩ: TRẦN HỮU QUẾ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1969
Số bằng: YQ 065 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 487 **Liệt sĩ: NGUYỄN NHÂN TIỂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1966
Số bằng: QX 090 bm Quyết định số: 163/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966
- 488 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SỬU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 10 năm 1951
Số bằng: GL 520 bp Quyết định số: 675/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2004
- 489 **Liệt sĩ: LÊ KHÁNH MẠI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1966
Số bằng: YL 654 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

- 490 Liệt sĩ: **LÊ KHÁNH SỬU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1973
 Số bằng: YL 654 bm Quyết định số: 793/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1977
- 491 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG HÓA**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1971
 Số bằng: YP 832 bm Quyết định số: 520/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1971
- 492 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TRƯỜNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: AL 022 bm Quyết định số: 81/TTGa ngày 3 tháng 4 năm 1971
- 493 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THIÊN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: GK 940 bm Quyết định số: 397/TTGa ngày 8 tháng 9 năm 1973
- 494 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG HUYỀN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tường Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: BL 362 bm Quyết định số: 17/TTGa ngày 7 tháng 1 năm 1972
- 495 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU MỌN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: TT 076 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 496 Liệt sĩ: **TRẦN DUY XIN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: VS 088 bm Quyết định số: 316/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1977
- 497 Liệt sĩ: **NGUYỄN DA HÒA**
 Tự vệ đỏ, Nguyên quán: xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 4 năm 1905
 Số bằng: AC 453 cp Quyết định số: 445/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1972
- 498 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM TRỌNG**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 8 năm 1969
 Số bằng: PR 1,047 bp Quyết định số: 92/TTGa ngày 14 tháng 4 năm 1972
- 499 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SƯỜNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: YP 569 bm Quyết định số: 514/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

- 500 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU XUÂN**
 Tự vệ đỏ, Nguyên quán: xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 9 năm 1930
 Số bằng: ZD 437 cp Quyết định số: 227/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1963
- 501 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG SỰ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: HT 876 bp Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 502 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LỢI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1950
 Số bằng: ZL 261 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958
- 503 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRIỀU**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: UR 728 bp Quyết định số: 443/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 504 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ KỶ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: OK 588 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 505 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN DÀN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1971
 Số bằng: KB 970 bm Quyết định số: 529/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973
- 506 Liệt sĩ: **ĐOÀN XUÂN THỊNH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lạc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: BT 227 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 507 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỸ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: QL 547 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 508 Liệt sĩ: **NGÂN VĂN TRINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: ĐS 012 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973
- 509 Liệt sĩ: **CAO XUÂN ĐỨC**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: BL 339 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972

- 510 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐẠI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1967
Số bằng: Bn 209 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972
- 511 Liệt sĩ: **PHẠM KIM HẠNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PR 215 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975
- 512 Liệt sĩ: **PHẠM KIM LONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1972
Số bằng: ON 807 bm Quyết định số: 651/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1974
- 513 Liệt sĩ: **TRẦN LIM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 5 năm 1951
Số bằng: ZU 521 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 7 tháng 2 năm 1960
- 514 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MB 442 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 515 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG LÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 5 năm 1985
Số bằng: BC 722 bt Quyết định số: 179/CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1986
- 516 Liệt sĩ: **ĐINH ĐĂNG VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9U 213 bt Quyết định số: 541/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1980
- 517 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1966
Số bằng: NM 336 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969
- 518 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DOANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1994
Số bằng: DV 957 bt Quyết định số: 572/TTg ngày 14 tháng 9 năm 1995
- 519 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GIANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1965
Số bằng: QI 851 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

- 520 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1966
Số bằng: AH 057 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971
- 521 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TẠO**
Phó Chủ nhiệm hậu cần Trung đoàn, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1968
Số bằng: DH 831 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972
- 522 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG CHÂU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1972
Số bằng: LB 645 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974
- 523 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SAN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SH 307 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 524 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1972
Số bằng: YP 651 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 525 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG BIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1965
Số bằng: AG 922 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971
- 526 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8y 332 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 527 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 9 năm 1989
Số bằng: CQ 809 bt Quyết định số: 17/CTKT ngày 17 tháng 2 năm 1991
- 528 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ TRINH**
Xã viên Hợp tác xã vận tải đường sông, Nguyên quán: xã Lạng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1966
Số bằng: DM 986 cm Quyết định số: 55/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 529 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạng Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1974
Số bằng: 5S 165 bm Quyết định số: 725/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

- 530 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TIỀN**
Công dân, Nguyên quán: xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp
chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1968
Số bằng: ĐH 916 cm Quyết định số: 279/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1997
- 531 Liệt sĩ: **THÁI BÁ CÁN**
Cán bộ Đảng cộng sản Đông Dương, Nguyên quán: xã Khai Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã
hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1931
Số bằng: ZC 216 cp Quyết định số: 225/TTg ngày 12 tháng 11 năm 1963
- 532 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỨ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã
hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1966
Số bằng: KB 806 bm Quyết định số: 530/TTg ngày 12 tháng 3 năm 1973
- 533 Liệt sĩ: **BÙI QUANG CHUÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn-, tỉnh Nghệ
An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1962
Số bằng: EZ 804 bm Quyết định số: 225/TTg ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 534 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BIỂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn-, tỉnh Nghệ
An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1967
Số bằng: BL 309 bm Quyết định số: 17/TTg ngày 7 tháng 1 năm 1972
- 535 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn-, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1973
Số bằng: YG 695 bm Quyết định số: 458/TTg ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 536 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn-, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1973
Số bằng: QI 808 bm Quyết định số: 68/TTg ngày 27 tháng 2 năm 1976
- 537 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn-, tỉnh Nghệ An, đã
hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 27 năm 1972
Số bằng: OK 534 bm Quyết định số: 15/TTg ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 538 Liệt sĩ: **LÊ THỤ**
Tự vệ đồ, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn-, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu
tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1931
Số bằng: ZC 538 kp Quyết định số: 61/TTg ngày 28 tháng 4 năm 1964
- 539 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG LỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn-, tỉnh Nghệ An,
đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 5 tháng 11 năm 1953
Số bằng: EZ 865 bp Quyết định số: 225/TTg ngày 11 tháng 12 năm 1963

- 540 **Liệt sĩ: TRẦN HỮU TỬ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn-, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1973
Số bằng: BS 450 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976
- 541 **Liệt sĩ: CAO XUÂN BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn-, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 539 bt Quyết định số: 558/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 542 **Liệt sĩ: TRẦN ĐỨC HƯNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9T 761 bT Quyết định số: 559/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1970
- 543 **Liệt sĩ: HÀ VĂN HOÁN**
Tự vệ đỏ, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn-, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 8 tháng 10 năm 1931
Số bằng: ZD 646 kp Quyết định số: 61/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1964
- 544 **Liệt sĩ: TRẦN MINH CHÂU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn-, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 1 năm 1972
Số bằng: SR 108 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 545 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN HƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn-, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1952
Số bằng: EZ 830 bp Quyết định số: 225/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 546 **Liệt sĩ: NGUYỄN DUY KHÊ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 3 năm 1954
Số bằng: GL 228 bp Quyết định số: 675/TTg ngày 16 tháng 6 năm 2004
- 547 **Liệt sĩ: TRẦN DANH LỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 6 năm 1950
Số bằng: XA 577 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 548 **Liệt sĩ: TRỊNH ĐAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 10 năm 1952
Số bằng: XA 535 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 549 **Liệt sĩ: TRỊNH HANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1952
Số bằng: GZ 409 bp Quyết định số: 61/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1964

- 550 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN PHIÊU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Sơn, huyện Đô lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 12 năm 1953
Số bằng: EZ 888 bp Quyết định số: 227/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1963
- 551 Liệt sĩ: **PHAN HỒNG LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Bảo Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1972
Số bằng: BR 327 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975
- 552 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Bảo Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1970
Số bằng: UD 759 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977
- 553 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Bảo Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1965
Số bằng: A.Đ 503 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971
- 554 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 6 năm 1980
Số bằng: AF 903 bt Quyết định số: 298/CTKT ngày 5 tháng 9 năm 1984
- 555 Liệt sĩ: **VÕ VĂN MAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1970
Số bằng: BK 400 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 556 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG THUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: NK 263 bm Quyết định số: 345/ TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 557 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1970
Số bằng: NY 623 bm Quyết định số: 510/ TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974
- 558 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY LUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9T 864 bt Quyết định số: 542/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1980
- 559 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1966
Số bằng: CT 521 bm Quyết định số: 357/ TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

- 560 Liệt sĩ: **MAI HUY CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SH 584 bm Quyết định số: 398/ TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 561 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH BA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9Q 258 bt Quyết định số: 469/ TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980
- 562 Liệt sĩ: **ĐINH NHỎ LƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969
Số bằng: BS 401 bm Quyết định số: 169/ TTga ngày 9 tháng 5 năm 1972
- 563 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH LUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZU 531 bp Quyết định số: 152/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1960
- 564 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 9Z 351 bt Quyết định số: 735/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980
- 565 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY LINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1974
Số bằng: QL 506 bm Quyết định số: 52/ TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 566 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY LƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1872
Số bằng: KB 935 bm Quyết định số: 529/ TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973
- 567 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH KHÁNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1968
Số bằng: NP 784 bm Quyết định số: 414/ TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974
- 568 Liệt sĩ: **CAO ĐÌNH HUỖNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 6 năm 1951
Số bằng: GZ 412 bp Quyết định số: 61/ TTga ngày 4 tháng 8 năm 1964
- 569 Liệt sĩ: **PHAN DUY QUANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZU 569 bp Quyết định số: 152/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1960

- 570 Liệt sĩ: **PHAN TÁT TƯƠNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1967
 Số bằng: MZ 473 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971
- 571 Liệt sĩ: **TRỊNH SỸ SẮC**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: HB 960 bm Quyết định số: 503/TT ga ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 572 Liệt sĩ: **PHAN NGUYỄN TẬP**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
 Số bằng: GY 479 bp Quyết định số: 10/TTg ngày 3 tháng 1 năm 2006
- 573 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ QUỲNH**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: MB 708 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 574 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGÀ VẪN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: QM 547 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 575 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CƯU**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 4 năm 1954
 Số bằng: LC 783 bm Quyết định số: 440/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1974
- 576 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHỨC**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1967
 Số bằng: EH 808 bm Quyết định số: 121/ TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973
- 577 Liệt sĩ: **PHAN SỸ LƯƠNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
 Số bằng: 1L 196 bm Quyết định số: 792/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 578 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TỰ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 12 năm 1950
 Số bằng: GZ 456 bp Quyết định số: 61/ TTga ngày 4 tháng 8 năm 1964
- 579 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH NGỌC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 10 năm 1985
 Số bằng: ĐG 606 bt Quyết định số: 53/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

- 580 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỒNG THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1950
Số bằng: ZU 633 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 7 tháng 2 năm 1960
- 581 **Liệt sĩ: VŨ VĂN TOẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1973
Số bằng: VP 990 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 582 **Liệt sĩ: NGUYỄN KIM CƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1965
Số bằng: BT 031 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 583 **Liệt sĩ: VÕ ĐỨC YẾN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 5 năm 1986
Số bằng: CG 288 bt Quyết định số: 141/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1989
- 584 **Liệt sĩ: TRẦN MINH HOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1969
Số bằng: VY 405 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 585 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN LẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1966
Số bằng: BM 256 bm Quyết định số: 135/TTg ngày 2 tháng 8 năm 1967
- 586 **Liệt sĩ: BUI VĂN TƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 8 năm 1982
Số bằng: AC 659 bt Quyết định số: 229/CTKT ngày 13 tháng 7 năm 1984
- 587 **Liệt sĩ: PHẠM THANH BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NY 528 bm Quyết định số: 510/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974
- 588 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRƯỜNG THI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1967
Số bằng: AD 519 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971
- 589 **Liệt sĩ: HỒ XUÂN HÊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1966
Số bằng: DN 016 bm Quyết định số: 475/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1972

- 590 Liệt sĩ: **PHẠM SỸ TÁM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1966
Số bằng: MZ 469 bm Quyết định số: 86 /TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971
- 591 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH QUỲNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1970
Số bằng: CN 032 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972
- 592 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH TÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bằng: QG 427 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 593 Liệt sĩ: **PHAN THANH NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 9Q 560 bt Quyết định số: 463/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1980
- 594 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH THỨ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1947
Số bằng: ZU 643 bp Quyết định số: 152/ TTga ngày 7 tháng 2 năm 1960
- 595 Liệt sĩ: **HOÀNG LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BB 231 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 596 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIỆP**
Chính trị viên phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1972
Số bằng: LA 870 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 597 Liệt sĩ: **PHẠM TRỌNG HƯỜNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 10 năm 1978
Số bằng: V 315 bt Quyết định số: 08CT/KT ngày 11 tháng 4 năm 1984
- 598 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TỨ**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1972
Số bằng: RA 558 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976
- 599 Liệt sĩ: **HOÀNG CỪ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1968
Số bằng: UE 271 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

- 600 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1970
Số bằng: KB 980 bm Quyết định số: 529/ TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973
- 601 **Liệt sĩ: PHAN VĂN ĐÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1967
Số bằng: Qm 614 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 602 **Liệt sĩ: TRẦN THẾ ĐẦU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐQ 828 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 603 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐĂNG PHÁN**
Y sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1967
Số bằng: BS 435 bm Quyết định số: 169/ TTga ngày 9 tháng 5 năm 1972
- 604 **Liệt sĩ: TRẦN KHÁNH TÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9x 289 bt Quyết định số: 672/ TTga ngày 20 tháng 10 năm 1980
- 605 **Liệt sĩ: TRẦN TIẾN**
Đảng viên Đảng Cộng Sản Đông Dương, Nguyên quán: xã Khánh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 11 tháng 3 năm 1931
Số bằng: 3A 5,344 cp Quyết định số: 293/TTg ngày 19 tháng 7 năm 1961
- 606 **Liệt sĩ: PHẠM CÔNG BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1969
Số bằng: YI 860 bm Quyết định số: 460/ TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 607 **Liệt sĩ: ĐẶNG PHÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: ZU 561 bp Quyết định số: 152/ TTg ngày 7 tháng 2 năm 1960
- 608 **Liệt sĩ: NGUYỄN DUY TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: IM 448 bm Quyết định số: 178/ TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 609 **Liệt sĩ: NGUYỄN NHƯ LUYỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1954
Số bằng: HC 455 bp Quyết định số: 192/ TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

- 610 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên thành, huyện Yên thành , Tỉnh nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1970
Số bằng: HB 955 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 611 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN THANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Liên thành, huyện Yên thành , Tỉnh nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1973
Số bằng: PI 738 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975
- 612 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên thành, huyện Yên thành , Tỉnh nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MO 190 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970
- 613 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC DUYÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên thành, huyện Yên thành , Tỉnh nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1970
Số bằng: Gf 445 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 614 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên thành, huyện Yên thành , Tỉnh nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1967
Số bằng: QM 652 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 615 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên thành, huyện Yên thành , Tỉnh nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1966
Số bằng: MZ 484 bm Quyết định số: 86/ TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971
- 616 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG SÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên thành, huyện Yên thành , Tỉnh nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1967
Số bằng: CQ 981 bm Quyết định số: 354/TTg ngày 24 tháng 8 năm 1972
- 617 Liệt sĩ: **THÁI THỌ**
Chiến sĩ dân công hoán tuyền , Nguyên quán: xã Liên thành, huyện Yên thành , Tỉnh nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1965
Số bằng: DC 884 km Quyết định số: 162/CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1992
- 618 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG HẢI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Liên thành, huyện Yên thành , Tỉnh nghệ An , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HA 642 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 619 Liệt sĩ: **DOÃN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 2 năm 1952
Số bằng: DM 862 bp Quyết định số: 337/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1994

- 620 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1971
Số bằng: VY 342 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 621 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 8 năm 1951
Số bằng: GZ 377 bp Quyết định số: 61/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1964
- 622 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9X 118 bt Quyết định số: 655/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1980
- 623 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9x 088 bt Quyết định số: 655/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1980
- 624 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968
Số bằng: PM 939 bm Quyết định số: 146/ TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969
- 625 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1971
Số bằng: PR 260 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975
- 626 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1969
Số bằng: LG 252 bm Quyết định số: 231/ TTga ngày 11 tháng 5 năm 1974
- 627 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ NGHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ZQ 026 bp Quyết định số: 130/T Tga ngày 4 tháng 1 năm 1959
- 628 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 5 năm 1952
Số bằng: HC 465 bp Quyết định số: 192/ TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 629 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÁC DU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hậu Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BA 947 bm Quyết định số: 278/ TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

- 630 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969
Số bằng: KB 747 bm Quyết định số: 530/ TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973
- 631 Liệt sĩ: **NGUYỄN ƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1950
Số bằng: HC 461 bp Quyết định số: 192/ TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 632 Liệt sĩ: **PHAN MẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1966
Số bằng: BB 186 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 633 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1953
Số bằng: DP 850 Cp Quyết định số: 169/TTg ngày 3 tháng 7 năm 1995
- 634 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN TƯƠNG**
Công nhân quốc phòng, Nguyên quán: xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1970
Số bằng: LA 302 Cm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 635 Liệt sĩ: **THÁI VĂN VIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CN 039 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972
- 636 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1971
Số bằng: CP 122 bm Quyết định số: 295/ TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972
- 637 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG CƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 8 năm 1982
Số bằng: AK 785 bt Quyết định số: 381/ CTKT ngày 7 tháng 11 năm 1984
- 638 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
Số bằng: CP 005 bm Quyết định số: 295/ TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972
- 639 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU BẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1971
Số bằng: ND 112 bm Quyết định số: 400 /TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974

- 640 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1965
Số bằng: KB 780 bm Quyết định số: 530/ TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973
- 641 **Liệt sĩ: ĐẶNG QUỐC RẠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 2 năm 1952
Số bằng: GZ 452 bp Quyết định số: 61/ TTga ngày 4 tháng 8 năm 1964
- 642 **Liệt sĩ: THÁI VĂN THỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1965
Số bằng: QX 105 bm Quyết định số: 163/ TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966
- 643 **Liệt sĩ: ĐẶNG TRỌNG TÔ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1966
Số bằng: QX 091 bm Quyết định số: 163/ TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966
- 644 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN GIA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 5 năm 1951
Số bằng: ZH 279 bp Quyết định số: 331/ TTga ngày 7 tháng 4 năm 1957
- 645 **Liệt sĩ: PHAN LỄ KIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 7 năm 1953
Số bằng: ZU 505 bp Quyết định số: 152/ TTga ngày 7 tháng 2 năm 1960
- 646 **Liệt sĩ: LÊ ĐÌNH DỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1969
Số bằng: BT 049 bm Quyết định số: 100/ TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 647 **Liệt sĩ: TRẦN TRỌNG LUYỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MO 629 bm Quyết định số: 175/ TTga ngày 13 tháng 7 năm 1970
- 648 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN NAM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 7 năm 1982
Số bằng: Q 072 bt Quyết định số: 317/ CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 649 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 3 năm 1982
Số bằng: M 809 bt Quyết định số: 262/ CTKT ngày 6 tháng 7 năm 1983

- 650 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1974
Số bằng: 2Đ 064 bm Quyết định số: 1128/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 651 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIỀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 2 năm 1952
Số bằng: XA 413 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 652 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM CƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1972
Số bằng: VY 622 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 653 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH ĐỒ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: UD 734 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977
- 654 Liệt sĩ: **VŨ VIỆT HIỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1970
Số bằng: BK 431 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 655 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH ĐỒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1975
Số bằng: UD 750 bt Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977
- 656 Liệt sĩ: **THÁI NGỰ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 9 năm 1954
Số bằng: YZ 489 bp Quyết định số: 1191/TTg ngày 22 tháng 12 năm 1956
- 657 Liệt sĩ: **THÁI VĂN ĐẦU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1949
Số bằng: ZH 281 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 7 tháng 4 năm 1957
- 658 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1966
Số bằng: BB 434 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 659 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT HIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NY 573 bm Quyết định số: 510/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974

- 660 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT NHƯƠng**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: BA 707 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 661 Liệt sĩ: **THÁI HỮU ĐỊNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1979
 Số bằng: 9T 606 bm Quyết định số: 07/TTga ngày 15 tháng 1 năm 1980
- 662 Liệt sĩ: **PHAN DƯƠNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: KB 966 bm Quyết định số: 529/ TTga ngày 3 tháng 2 năm 1973
- 663 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THIỆU**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1971
 Số bằng: GL 975 bm Quyết định số: 479/ TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 664 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÔI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1932
 Số bằng: ZC 532 bp Quyết định số: 61/ TTga ngày 4 tháng 8 năm 1964
- 665 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LƯƠNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1971
 Số bằng: KB 941 bm Quyết định số: 529/ TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973
- 666 Liệt sĩ: **ĐẶNG TRỌNG HỘ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 1 năm 1970
 Số bằng: CK 988 bm Quyết định số: 288 /TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972
- 667 Liệt sĩ: **PHAN TRỌNG HỮU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: OI 889 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1975
- 668 Liệt sĩ: **PHAN CHÍNH TRỰC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thái, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: OY 582 bm Quyết định số: 238/ TTga ngày 11 tháng 6 năm 1976
- 669 Liệt sĩ: **MAI KHẮC NHẢ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1971
 Số bằng: CP 198 bm Quyết định số: 298/ TTga ngày 27 tháng 7 năm 1972

- 670 Liệt sĩ: **PHAN BÁ QUỠ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: SR 534 bm Quyết định số: 577/ TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977
- 671 Liệt sĩ: **TRƯƠNG SỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 3 năm 1968
Số bằng: YL 783 bm Quyết định số: 808/ TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 672 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Viên, huyện Diễn Châu, Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1966
Số bằng: OM 647 bm Quyết định số: 108/ TTga ngày 12 tháng 7 năm 1969
- 673 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC MÃO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1971
Số bằng: SH 720 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976
- 674 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ GIA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 5S 106 bm Quyết định số: 725/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978
- 675 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TAM**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XG 185 kp Quyết định số: 226/ TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958
- 676 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIÊM**
Ủy viên khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Nguyên quán: huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 6 năm 1951
Số bằng: ĐC 219 cp Quyết định số: 650/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1977
- 677 Liệt sĩ: **NGUYỄN CUNG**
Đảng viên đảng cộng sản Đông Dương, Nguyên quán: xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 10 tháng 3 năm 1931
Số bằng: ZA 5,351 cp Quyết định số: 293/ TTg ngày 19 tháng 7 năm 1961
- 678 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY DIỆN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BM 492 bm Quyết định số: 452/TTga ngày 20 tháng 7 năm 2004
- 679 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
Số bằng: VY 538 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

- 680 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1972
Số bằng: ST 174 bm Quyết định số: 465/TTGa ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 681 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LIM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1968
Số bằng: VS 695 bm Quyết định số: 324/TTGa ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 682 Liệt sĩ: **TRẦN KHẮC HỮU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 4 năm 1985
Số bằng: BB 062 bt Quyết định số: 73/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1986
- 683 Liệt sĩ: **ĐẶNG THANH BÌNH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1969
Số bằng: ĐK 817 bm Quyết định số: 14/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1973
- 684 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG DŨNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 616 bt Quyết định số: 558 /TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 685 Liệt sĩ: **VŨ VĂN HOẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 0I 878 bm Quyết định số: 03/ TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1975
- 686 Liệt sĩ: **TRẦN KHẮC LƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: KO 111 bm Quyết định số: 160/TTGa ngày 13 tháng 4 năm 1974
- 687 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TƯƠNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1969
Số bằng: PI 723 bm Quyết định số: 358/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1975
- 688 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG HÒE**
Thiếu úy Công an nhân dân, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 10 năm 1982
Số bằng: EĐ 604 ct Quyết định số: 122/TTg ngày 15 tháng 2 năm 2000
- 689 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU TẬP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1970
Số bằng: QL 586 bm Quyết định số: 52/ TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1976

- 690 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ XUÂN THAO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 8B 868 bm Quyết định số: 301/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1979
- 691 Liệt sĩ: **TRẦN DUY CHU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1970
Số bằng: BK 415 bm Quyết định số: 38/ TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 692 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG KHỜM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1955
Số bằng: ZQ 016 bm Quyết định số: 130/ TTg ngày 4 tháng 1 năm 1959
- 693 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DỤC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 2 năm 1954
Số bằng: ZP 999 bp Quyết định số: 130/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1959
- 694 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TĂNG**
Tiểu đội Phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
Số bằng: GR 517 bm Quyết định số: 385/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 695 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1966
Số bằng: VY 485 bm Quyết định số: 315/ TTg ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 696 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÂN**
Chính trị viên phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: OI 737 bm Quyết định số: 03/TTGa ngày 4 tháng 1 năm 1975
- 697 Liệt sĩ: **TRẦN DUY TÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1973
Số bằng: LB 709 bm Quyết định số: 326/ TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974
- 698 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1966
Số bằng: NM 327 bm Quyết định số: 66/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1969
- 699 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN DONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1968
Số bằng: NK 079 bm Quyết định số: 334/ TTGa ngày 2 tháng 7 năm 1974

- 700 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỢ**
Tiểu đội Phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZX 830 bp Quyết định số: 313/TTg ngày 3 tháng 12 năm 1960
- 701 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐOAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 2 năm 1981
Số bằng: F 505 bt Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983
- 702 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU LUYỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1970
Số bằng: LG 284 bm Quyết định số: 231/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1974
- 703 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1966
Số bằng: IM 547 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 704 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH CHU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 593 bt Quyết định số: 558/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 705 Liệt sĩ: **ĐẶNG LAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZH 316 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 706 Liệt sĩ: **NGÔ TRÍ TĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 1 năm 1950
Số bằng: ZH 325 bp Quyết định số: 331/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 707 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: ZH 300 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 708 Liệt sĩ: **NGUYỄN CẢNH HỒ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1970
Số bằng: BN 299 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1972
- 709 Liệt sĩ: **VI VĂN MÔ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 6 năm 1951
Số bằng: DZ 266 Quyết định số: 278/TTg ngày 8 tháng 10 năm 1962

- 710 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XA 359 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 711 Liệt sĩ: **LỤC NGỌC SÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZK 266 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1958
- 712 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HIỆP**
Tự vệ đồ, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1930
Số bằng: ZD 396 kp Quyết định số: 255/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 713 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỊ MÂN**
Cán bộ phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1930
Số bằng: ZC 273 c1 Quyết định số: 225/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 714 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ YÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: EZ 968 Quyết định số: 227/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1963
- 715 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH GIA**
Phó Bí thư chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1931
Số bằng: ZC 242 cp Quyết định số: 225/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1963
- 716 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH CẢNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Anh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1974
Số bằng: YB 382 Quyết định số: 468/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977
- 717 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HUỆ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Anh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1965
Số bằng: BB 169 Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 718 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Anh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 1972
Số bằng: ĐD 165 Quyết định số: 841/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1996
- 719 Liệt sĩ: **HÒ SỸ TƯỜNG**
Quân đội nhân dân, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1970
Số bằng: QL 633 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

- 720 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN ANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1966
Số bằng: MZ 452 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971
- 721 **Liệt sĩ: PHAN SỸ CHÍNH**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1966
Số bằng: NM 342 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969
- 722 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1970
Số bằng: VQ 865 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 723 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1968
Số bằng: UK 055 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 724 **Liệt sĩ: PHAN CÔNG EM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 4 năm 1954
Số bằng: EZ 143 bp Quyết định số: 124/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1963
- 725 **Liệt sĩ: NGUYỄN KHẮC DUYỆT**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1972
Số bằng: LA 276 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 726 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1970
Số bằng: BL 251 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 727 **Liệt sĩ: BÙI ĐÌNH LIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1979
Số bằng: AAA 230 bt Quyết định số: 230/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1981
- 728 **Liệt sĩ: PHẠM ĐÌNH TUYẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZA 490 bm Quyết định số: 190/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1957
- 729 **Liệt sĩ: ĐẶNG QUÝ HỘI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1972
Số bằng: UB 723 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

- 730 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU KỶ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1968
Số bằng: TM 980 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969
- 731 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969
Số bằng: MP 104 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970
- 732 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH THỰC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UB 333 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 733 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN VINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1971
Số bằng: DE 153 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 734 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG VINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1975
Số bằng: QI 910 bm Quyết định số: 68 /TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976
- 735 Liệt sĩ: **BÙI HAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Yên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 4 năm 1954
Số bằng: EZ 167 bp Quyết định số: 124/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1963
- 736 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Yên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZA 439 bp Quyết định số: 190/TTg ngày 15 tháng 3 năm 1957
- 737 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT CẢNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BA 879 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 738 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ KHÁNH**
Công nhân công trường B142, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AM 370 cm Quyết định số: 48 /TTga ngày 15 tháng 3 năm 1968
- 739 Liệt sĩ: **PHAN TRỌNG QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1971
Số bằng: NY 426 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

- 740 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOAN**
 Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Nam Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 22 tháng 3 năm 1930
 Số bằng: ZB 379 cp Quyết định số: 441/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1961
- 741 Liệt sĩ: **TRẦN KIM KỲ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1964
 Số bằng: HZ 347 bm Quyết định số: 113/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1965
- 742 Liệt sĩ: **THÁI VĂN OANH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: UB 454 bm Quyết định số: 137/TTGa ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 743 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐÔNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: YL 785 bm Quyết định số: 808/TTGa ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 744 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẰN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: AQ 352 bm Quyết định số: 123/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1971
- 745 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH HIỀNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: ĐD 127 bm Quyết định số: 841 TTg ngày 12 tháng 11 năm 1996
- 746 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MÃO**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: EK 103 bm Quyết định số: 128 /TTGa ngày 10 tháng 4 năm 1973
- 747 Liệt sĩ: **PHAN HỮU THỀ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1974
 Số bằng: QL 675 bm Quyết định số: 56/TTGa ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 748 Liệt sĩ: **CAO DANH TOẢN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: DK 607 bm Quyết định số: 482/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1992
- 749 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUYẾN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
 Số bằng: HC 363 bp Quyết định số: 210 /TTGa ngày 16 tháng 6 năm 1972

- 750 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG HAI**
Cán bộ nông hội đỏ, Nguyên quán: xã Nam Tân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 13 tháng 4 năm 1931
Số bằng: AC 269 Quyết định số: 132/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1972
- 751 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC THÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1970
Số bằng: EG 736 bm Quyết định số: 130/TTGa ngày 12 tháng 4 năm 1973
- 752 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ QUẢNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1967
Số bằng: YQ 085 bm Quyết định số: 514/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 753 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THỦY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9I 961 bt Quyết định số: 34/TTGa ngày 14 tháng 1 năm 1980
- 754 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LỊCH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PR 308 bm Quyết định số: 373/TTGa ngày 23 tháng 9 năm 1975
- 755 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH VẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: DZ 332 Quyết định số: 278/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1962
- 756 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH THÌN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1966
Số bằng: NM 451 bm Quyết định số: 66/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1969
- 757 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1954
Số bằng: GH 594 Quyết định số: 1228/TTg ngày 10 tháng 11 năm 2003
- 758 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỆN**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 6 năm 1970
Số bằng: BL 256 bp Quyết định số: 36/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 759 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 1 năm 1947
Số bằng: ZA 411 bp Quyết định số: 190/TTg ngày 15 tháng 3 năm 1957

- 760 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY DŨNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1971
Số bằng: QĐ 818 bm Quyết định số: 53/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1975
- 761 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 6 năm 1978
Số bằng: BI 486 bt Quyết định số: 37/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1987
- 762 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN ĐÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 9 năm 1953
Số bằng: EZ 617 bp Quyết định số: 218/TTGa ngày 27 tháng 11 năm 1963
- 763 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TỊCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1967
Số bằng: IM 651 bm Quyết định số: 178/TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 764 Liệt sĩ: **ĐẬU CẢNH TAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KQ 908 bm Quyết định số: 34/TTGa ngày 17 tháng 1 năm 1974
- 765 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG VỸ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
Số bằng: QI 903 bm Quyết định số: 68/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1976
- 766 Liệt sĩ: **NGUYỄN SINH TÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 2Đ 116 bm Quyết định số: 1128/TTGa ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 767 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1966
Số bằng: BM 233 bm Quyết định số: 100/TTG ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 768 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT CHUÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968
Số bằng: LC 785 bm Quyết định số: 440 /TTGa ngày 28 tháng 8 năm 1974
- 769 Liệt sĩ: **HOÀNG THẾ CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1966
Số bằng: PR 186 bm Quyết định số: 342/ TTGa ngày 31 tháng 8 năm 1975

- 770 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THUẬN**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1968
Số bằng: BM 021 km Quyết định số: 175 /TTga ngày 13 tháng 7 năm 1970
- 771 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC LAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1968
Số bằng: LG 872 bm Quyết định số: 580 /TTga ngày 20 tháng 11 năm 1974
- 772 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ ĐẠT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1972
Số bằng: NY 264 bm Quyết định số: 471 /TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974
- 773 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN ÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1969
Số bằng: MF 944 bm Quyết định số: 117 /TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970
- 774 Liệt sĩ: **NGUYỄN TUYỀN HUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QK 801 bm Quyết định số: 86 /TTga ngày 7 tháng 3 năm 1974
- 775 Liệt sĩ: **NGUYỄN TOÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 2 năm 1950
Số bằng: YZ 440 bp Quyết định số: 1191 /TTga ngày 22 tháng 12 năm 1956
- 776 Liệt sĩ: **LÊ NGUYỄN BỘ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BT 022 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 21 tháng 12 năm 2004
- 777 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TUYẾT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1971
Số bằng: PI 701 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975
- 778 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẢI ĐƯỜNG**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1973
Số bằng: UB 771 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1978
- 779 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1972
Số bằng: RA 192 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

- 780 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN LIÊU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An,
 đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1954
 Số bằng: LC 808 bp Quyết định số: 440/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1974
- 781 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SÁU**
 Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An,
 đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 9 năm 1952
 Số bằng: EZ 257 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1963
- 782 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH AN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An,
 đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 2 năm 1953
 Số bằng: XA 517 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1975
- 783 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUẾ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị Trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh
 Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: LA 973 bm Quyết định số: 221/TTg ngày 7 tháng 5 năm 1974
- 784 Liệt sĩ: **HOÀNG TÙNG MẢO**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ
 An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: DM 968 bm
- 785 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BẢ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: YI 803 bm Quyết định số: 460/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 786 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỰU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Dương, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ
 An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: BL 694 bm Quyết định số: 39/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 787 Liệt sĩ: **TRẦN LIÊU**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Dương, huyện Nam Đàn, tỉnh
 Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 6 năm 1951
 Số bằng: ZA 447 bp Quyết định số: 190/TTg ngày 15 tháng 3 năm 1957
- 788 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THUNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Dương, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: QL 721 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 789 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THANH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ
 An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: GL 790 bm Quyết định số: 479 /TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

- 790 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU ĐIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1969
Số bằng: AQ 351 bm Quyết định số: 123/TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1971
- 791 **Liệt sĩ: NGUYỄN NĂNG NHUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GR 5.906bm Quyết định số: 385/TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 792 **Liệt sĩ: NGUYỄN TẮT VƯỢNG**
Tổ trưởng tự vệ đỏ xã, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 22 tháng 3 năm 1931
Số bằng: ZC 970 kpQuyết định số: 287 /TTGa ngày 24 tháng 10 năm 1962
- 793 **Liệt sĩ: NGUYỄN KIM CÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1970
Số bằng: OI 792 bm Quyết định số: 03/TTGa ngày 4 tháng 1 năm 1975
- 794 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1971
Số bằng: CN 074 bm Quyết định số: 288/TTGa ngày 14 tháng 7 năm 1972
- 795 **Liệt sĩ: VƯƠNG ĐÌNH HAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 7A 370 bm Quyết định số: 1299/ TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1978
- 796 **Liệt sĩ: HỒ TẮT ĐỊNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OI 816 bm Quyết định số: 03/ TTGa ngày 4 tháng 1 năm 1975
- 797 **Liệt sĩ: NGUYỄN TẮT TAM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1974
Số bằng: QN 088 bm Quyết định số: 56 /TTGa ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 798 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUANG HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 3 năm 1977
Số bằng: 8y 178 bt Quyết định số: 731/ TTGa ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 799 **Liệt sĩ: HỒ SĨ LỤC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1970
Số bằng: YS 027 bm Quyết định số: 467/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1977

- 800 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẮT HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1970
Số bằng: CK 972 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1972
- 801 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 7 năm 1979
Số bằng: 9T 927 bt Quyết định số: 542 /TTga ngày 8 tháng 8 năm 1980
- 802 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ SÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1970
Số bằng: HA 705 bm Quyết định số: 478 /TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 803 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẮT NHÃ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CG 477 bm Quyết định số: 243 /TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972
- 804 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PE 001 cm Quyết định số: 187/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 805 Liệt sĩ: **HỒ QUANG ĐIỀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GR 504 bm Quyết định số: 385/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 806 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LB 538 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1974
- 807 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1965
Số bằng: UR 839 bm Quyết định số: 199/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977
- 808 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY CĂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BA 874 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 809 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẮC MẬU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MZ 462 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

- 810 **Liệt sĩ: LÊ CẢNH UYÊN**
Cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 9 năm 1952
Số bằng: DZ 526 bp Quyết định số: 287/TTGa ngày 24 tháng 10 năm 1962
- 811 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC BA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: HC 379 bp Quyết định số: 210/TTGa ngày 16 tháng 6 năm 1972
- 812 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU NGỌC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 6 năm 1975
Số bằng: YG 646 bt Quyết định số: 449/TTg ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 813 **Liệt sĩ: HỒ QUANG ĐIỀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GR 504 bm Quyết định số: 385/TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 814 **Liệt sĩ: ĐẬU VĂN TRUNG**
Dân công, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1972
Số bằng: LA 777 cm Quyết định số: 23/TTGa ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 815 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU LIỆM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1971
Số bằng: CP 248 bm Quyết định số: 298/TTGa ngày 22 tháng 7 năm 1972
- 816 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8Y 491 bt Quyết định số: 739/TTGa ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 817 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1967
Số bằng: BN 198 bm Quyết định số: 57/TTGa ngày 9 tháng 2 năm 1972
- 818 **Liệt sĩ: NGUYỄN KIM HUỆ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1971
Số bằng: HA 657 bm Quyết định số: 478/TTGa ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 819 **Liệt sĩ: HOÀNG VIỆT CÁT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PK 885 bm Quyết định số: 349/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1975

- 820 **Liệt sĩ: NGUYỄN TẮT ĐẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1965
Số bằng: HZ 707 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1966
- 821 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU TAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1972
Số bằng: N# 491 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974
- 822 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU CƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1968
Số bằng: OM 619 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1969
- 823 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN QUẾ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1952
Số bằng: ZK 234 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 824 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bằng: DZ 528 bp Quyết định số: 287/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1962
- 825 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: HC 549 bp Quyết định số: 192/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 826 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THÈ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1952
Số bằng: EZ 945 bp Quyết định số: 227/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1963
- 827 **Liệt sĩ: NGUYỄN SỸ VƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1954
Số bằng: EZ 960 bm Quyết định số: 227/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1963
- 828 **Liệt sĩ: ĐÀO KHẮC NGHĨA**
Tự vệ đỏ, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1930
Số bằng: ZD 411 kp Quyết định số: 227/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1963
- 829 **Liệt sĩ: NGUYỄN CÔNG TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 1 năm 1954
Số bằng: EZ 947 bp Quyết định số: 227/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1963

- 830 **Liệt sĩ: THÁI BÁ KIM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PB 614 bm Quyết định số: 186/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 831 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DẬT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8Q 787 bt Quyết định số: 585/TTga ngày 140 tháng 8 năm 1979
- 832 **Liệt sĩ: VI VĂN HÓA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồng Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1965
Số bằng: QH 679 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976
- 833 **Liệt sĩ: VI ĐÌNH THANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Môn Sơn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: OE 877 bm Quyết định số: 651/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1975
- 834 **Liệt sĩ: LÔ VĂN TỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồng Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NĐ 502 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974
- 835 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồng Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 4 năm 1985
Số bằng: BC 740 bt Quyết định số: 179/CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1986
- 836 **Liệt sĩ: LANG VĂN CÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MT 171 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1970
- 837 **Liệt sĩ: MẠC VĂN THÌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 2 năm 1972
Số bằng: UR 501 bm Quyết định số: 446/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 838 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN ĐÌNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1964
Số bằng: BL 636 bm Quyết định số: 39/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 839 **Liệt sĩ: LÔ ĐỨC THẠCH**
Lái xe, Nguyên quán: xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1966
Số bằng: QX 099 bm Quyết định số: 163/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

- 840 Liệt sĩ: **LÊ SỸ NGÃI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1970
Số bằng: EK 224 bm Quyết định số: 144/TTGa ngày 14 tháng 4 năm 1973
- 841 Liệt sĩ: **VÕ TẤN THÀNH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: KV 232 bm Quyết định số: 599/TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1973
- 842 Liệt sĩ: **NGŨ VĂN XIN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1971
Số bằng: UK 034 bm Quyết định số: 193/TTGa ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 843 Liệt sĩ: **LŨ VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1964
Số bằng: UR 674 bm Quyết định số: 443/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 844 Liệt sĩ: **QUANG XUÂN THIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MB 760 bm Quyết định số: 57/TTGa ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 845 Liệt sĩ: **KHA VĂN LUYỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8B 685 bt Quyết định số: 287/TTGa ngày 23 tháng 4 năm 1979
- 846 Liệt sĩ: **LỘC VĂN LẠI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MB 236 bm Quyết định số: 51/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1970
- 847 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HT 759 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 848 Liệt sĩ: **VI ĐÌNH THỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1970
Số bằng: LG 835 bm Quyết định số: 850/TTGa ngày 20 tháng 11 năm 1974
- 849 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HỮU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ĐH 766 bm Quyết định số: 840/TTGa ngày 1 tháng 2 năm 1972

- 850 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 4 năm 1978
Số bằng: YX 589 bt Quyết định số: 207/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1979
- 851 Liệt sĩ: **LÔ VĂN TOÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1965
Số bằng: HZ 500 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 23 tháng 7 năm 1965
- 852 Liệt sĩ: **VI VĂN THÀNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Châu Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OE 876 bm Quyết định số: 651/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1975
- 853 Liệt sĩ: **LA THANH HỢP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Châu Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
Số bằng: OI 887 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1975
- 854 Liệt sĩ: **LA VĂN VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1967
Số bằng: MB 720 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 855 Liệt sĩ: **LÊ DANH THẮT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MS 680 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1970
- 856 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: ZB 377 bp Quyết định số: 441/TTg ngày 24 tháng 11 năm 1961
- 857 Liệt sĩ: **NGUYỄN DŨNG NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KV 072 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1973
- 858 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HT 830 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 859 Liệt sĩ: **LÔ DƯƠNG HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Thái, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1970
Số bằng: R 1,330 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 3 năm 1972

- 860 Liệt sĩ: **LÔ VĂN TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Thái, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1972
Số bằng: QG 410 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 861 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHÓNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Thái, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NP 849 bm Quyết định số: 414/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974
- 862 Liệt sĩ: **KHA XUÂN THIỆP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Thái, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1970
Số bằng: KV 248 bm Quyết định số: 599/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973
- 863 Liệt sĩ: **VIỆNG HỒNG AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Hợp, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1974
Số bằng: LB 636 bm Quyết định số: 291/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 864 Liệt sĩ: **VI VĂN CẢNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Hợp, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: 4E 413 bm Quyết định số: 291/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 865 Liệt sĩ: **LÊ SỸ CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1974
Số bằng: QE 874 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976
- 866 Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG VỸ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Giám, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1H 445 bm Quyết định số: 807/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 867 Liệt sĩ: **HỒ SĨ ĐỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PB 548 bm Quyết định số: 186/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 868 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐAN THINH**
Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: AC 488 cp Quyết định số: 445/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1972
- 869 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NHUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PB 666 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

- 870 Liệt sĩ: **LƯƠNG XUÂN ĐỊNH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đôn Phục, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: OI 814 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1975
- 871 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC MỤC**
 Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cam Thủy, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: MT 503 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970
- 872 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN MAI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: PB 649 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 873 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KỶ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: PB 607 bm Quyết định số: 186/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 874 Liệt sĩ: **CỤT VĂN THẢO**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thắng, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1970
 Số bằng: CG 456 bm Quyết định số: 243/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972
- 875 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THANH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1952
 Số bằng: YZ 557 bp Quyết định số: 1191/TTg ngày 22 tháng 12 năm 1956
- 876 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRƯỜNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1931
 Số bằng: YB 706 bp Quyết định số: 278/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1962
- 877 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHÍNH**
 Chiến sĩ, Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1971
 Số bằng: QI 875 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

TP HỒ CHÍ MINH

- 878 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN SÁU**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1964
 Số bằng: 6L 316 bm Quyết định số: 999/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 879 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỒ**
 Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1942
 Số bằng: LC 711 cp Quyết định số: 218/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1978

- 880 Liệt sĩ: **VÕ VĂN GIỎI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1952
Số bằng: E 378 bp Quyết định số: 66 /CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983
- 881 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN QUẢI**
Trung đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Cần Giuộc, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 7B 318 bm Quyết định số: 1310/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 882 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1971
Số bằng: VR 866 bm Quyết định số: 341/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1977
- 883 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1973
Số bằng: 21 397 bm Quyết định số: 1176/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 884 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TRI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 11 năm 1984
Số bằng: BO 159 bt Quyết định số: 310/CTKT ngày 16 tháng 12 năm 1987
- 885 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUANG**
Trưởng ban Công an xã, Nguyên quán: xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1969
Số bằng: QM 733 cm Quyết định số: 488/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977
- 886 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỨC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường An Lạc, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 7T 713 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 887 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1961
Số bằng: 3E 306 km Quyết định số: 1137/TTga ngày 6 tháng 10 năm 1978
- 888 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CỎ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 3R 851 bm Quyết định số: 1619/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 889 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÚT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1964
Số bằng: E 469 bm Quyết định số: 26 /CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1983

- 890 Liệt sĩ: **ĐỖ TRỌNG CƯỜNG**
Chính trị viên Tiểu đoàn, Nguyên quán: phường Bình Trưng Đông, Quận 2, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 1K 013 bm Quyết định số: 1068/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 891 Liệt sĩ: **GIANG VĂN ÚT**
Công an viên xã, Nguyên quán: phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1947
Số bằng: PC 530 cp Quyết định số: 867/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 892 Liệt sĩ: **TIÊU THỊ HƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lộc, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1974
Số bằng: 4M 615 bm Quyết định số: 93/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1978
- 893 Liệt sĩ: **TRẦN LÝ NGUYỄN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1948
Số bằng: 1PC 827 bp Quyết định số: 1429/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 894 Liệt sĩ: **DƯƠNG QUANG NGHIỆP**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Tạo, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7Y 556 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 6 tháng 4 năm 1979
- 895 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Giang, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1948
Số bằng: YC 281 bp Quyết định số: 1760/TTga ngày 23 tháng 12 năm 1977
- 896 Liệt sĩ: **ĐINH TRỌNG NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8X 439 bt Quyết định số: 726/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1979
- 897 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 6L 228 bm Quyết định số: 1043/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978
- 898 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG HOAN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1961
Số bằng: 1A 762 km Quyết định số: 989/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 899 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG MÓT**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
Số bằng: 2K 736 km Quyết định số: 213/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1978

- 900 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG NÈ**
 Chính trị viên Quân đội, Nguyên quán: xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
 Số bảng: 5A 426 bm Quyết định số: 353/TTGa ngày 7 tháng 4 năm 1978
- 901 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG BÉ**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1965
 Số bảng: 2A 850 bm Quyết định số: 1058/TTGa ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 902 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẦU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1966
 Số bảng: B 066 bm Quyết định số: 312 /CTKT ngày 9 tháng 10 năm 1982
- 903 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHI**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 12 năm 1950
 Số bảng: PC 875 bp Quyết định số: 998/TTGa ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 904 Liệt sĩ: **HỒ VĂN TRẮC**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 8 năm 1950
 Số bảng: 1BC 156 bp Quyết định số: 295/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 905 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1966
 Số bảng: 1K 409 km Quyết định số: 1797/TTGa ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 906 Liệt sĩ: **CAO VĂN MỰC**
 Cán bộ thông tin xã, Nguyên quán: phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 12 năm 1952
 Số bảng: EC 794 cp Quyết định số: 1065/TTGa ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 907 Liệt sĩ: **CAO VĂN LÝ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1965
 Số bảng: 4T 571 bm Quyết định số: 261/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 908 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHUYỀN**
 Trung đội phó du kích, Nguyên quán: phường Tân Tạo, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 7 năm 1951
 Số bảng: CO 337 kp Quyết định số: 43 /CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 909 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN BẦY**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 5, quận Bình Thạnh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1981
 Số bảng: 1AB 729 bm Quyết định số: 209 /CTKT ngày 23 tháng 7 năm 1982

- 910 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HAI**
Phó trưởng phòng Hành chính huyện, Nguyên quán: xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EM 422 cm Quyết định số: 135/TTg ngày 8 tháng 6 năm 1970
- 911 Liệt sĩ: **NGUYỄN HOÀNG KHẢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 7, quận Gò Vấp, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 2 năm 1984
Số bằng: AO 593 bt Quyết định số: 9 /CTKT ngày 13 tháng 3 năm 1985
- 912 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CỜ**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 1B 584 cm Quyết định số: 886/TTg ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 913 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG YÊN**
Bí thư thị xã Bà Rịa, Nguyên quán: thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1969
Số bằng: 3X 605 cm Quyết định số: 447/TTg ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 914 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU HOẠCH**
Cán bộ cách mạng, Nguyên quán: xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, tp Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1930
Số bằng: XA 2,518cp Quyết định số: 186 TTg ngày 23 tháng 8 năm 1960
- 915 Liệt sĩ: **LƯU BÁ NGA**
Thủy thủ Cục vận tải đường sông, Nguyên quán: xã Ninh Xuân, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1967
Số bằng: CM 186 cm Quyết định số: 71/TTg ngày 20 tháng 5 năm 1969
- 916 Liệt sĩ: **TRẦN MINH KHÔI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1966
Số bằng: MH 822 bm Quyết định số: 117/TTg ngày 11 tháng 5 năm 1970
- 917 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 9 năm 1949
Số bằng: EB 066 kp Quyết định số: 675 TTg ngày 29 tháng 6 năm 1999
- 918 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BE**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 1 năm 1951
Số bằng: ĐO 395 kp Quyết định số: 04 TTg ngày 5 tháng 1 năm 1998
- 919 Liệt sĩ: **PHAN VĂN VIỄN**
Cán bộ thuế Nông nghiệp, Nguyên quán: xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 12 năm 1949
Số bằng: VR 600 cp Quyết định số: 03 /CTKT ngày 4 tháng 1 năm 1984

- 920 Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH LỄ**
Cán bộ Ban Kinh tài Miền, Nguyên quán: xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1970
Số bằng: QM 132 cm Quyết định số: 778/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 921 Liệt sĩ: **DƯƠNG TRUNG TIỀN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 71 051 bm Quyết định số: 1429/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 922 Liệt sĩ: **TÓNG VĂN THƠ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 1 năm 1953
Số bằng: GC 140 kp Quyết định số: 1147/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 923 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 8 năm 1948
Số bằng: HC 289 kp Quyết định số: 1180/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 924 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THÂN**
Ủy viên Ban chấp hành Nông hội xã, Nguyên quán: xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 7 năm 1950
Số bằng: BS 528 cp Quyết định số: 867/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1977
- 925 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ VÁM**
Đội trưởng giao liên Phân khu, Nguyên quán: xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: ĐB 721 cm Quyết định số: 550 TTg ngày 13 tháng 8 năm 1996
- 926 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XÃ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1963
Số bằng: 1H 236 km Quyết định số: 1138/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 927 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SÁNH**
Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 1Đ 559 cm Quyết định số: 895/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 928 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CỌ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 5A 357 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1978
- 929 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHĨ**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1960
Số bằng: 1Y 604 cm Quyết định số: 1675/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977

- 930 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HIẾU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1965
Số bằng: 1M 055 km Quyết định số: 1721/TTGa ngày 14 tháng 12 năm 1977
- 931 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 6N 215 bm Quyết định số: 933/TTGa ngày 23 tháng 8 năm 1978
- 932 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: AY 065 bp Quyết định số: 418 /CTKT ngày 6 tháng 11 năm 1985
- 933 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GÀU**
Công an viên, Nguyên quán: xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 4 năm 1977
Số bằng: 3H 273 ct Quyết định số: 933/TTGa ngày 23 tháng 8 năm 1978
- 934 Liệt sĩ: **DƯƠNG TRUNG HIẾU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung An, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 4T 636 bm Quyết định số: 299/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 935 Liệt sĩ: **PHAN THANH SON**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 2, quận Gò Vấp, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 11 năm 1945
Số bằng: RC 776 bp Quyết định số: 1464/TTGa ngày 11 tháng 9 năm 1977
- 936 Liệt sĩ: **PHAN THANH HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 2, quận Gò Vấp, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 2 năm 1946
Số bằng: QC 216 bp Quyết định số: 1089/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1977
- 937 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 6 năm 1953
Số bằng: TZ 616 bp Quyết định số: 67/TTGa ngày 7 tháng 3 năm 1963
- 938 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN LĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Thới Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1965
Số bằng: AA 231 bm Quyết định số: 147 /CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984
- 939 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Cán bộ Thanh niên, Nguyên quán: phường Tân Thới Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: LC 058 cp Quyết định số: 348/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1978

- 940 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐƠ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Thới Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 10 năm 1951
Số bằng: 1KC 832 bp Quyết định số: 974/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1978
- 941 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Thới Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1965
Số bằng: E 738 bm Quyết định số: 057 /CTKT ngày 23 tháng 2 năm 1983
- 942 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TƯ**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Long Thới, huyện Nhà Bè, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1962
Số bằng: 2V 276 cm Quyết định số: 545/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1978
- 943 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐƯỢC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1953
Số bằng: YC 227 bp Quyết định số: 1731/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 944 Liệt sĩ: **TRẦN PHÚ VINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 11, quận Phú Nhuận, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 1 năm 1983
Số bằng: Y 601 bt Quyết định số: 101 /CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1984
- 945 Liệt sĩ: **HUỖNH KÝ ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 11, quận Phú Nhuận, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 3 năm 1981
Số bằng: 1AB 770 bt Quyết định số: 209 /CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982
- 946 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIÊN**
Cán bộ y tế căn cứ An Phú Đông, Nguyên quán: phường 8, quận Phú Nhuận, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 10 năm 1948
Số bằng: SC 252 cp Quyết định số: 82/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1979
- 947 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 2, quận Phú Nhuận, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 10 năm 1985
Số bằng: CH 371 bt Quyết định số: 204 /CTKT ngày 27 tháng 10 năm 1989
- 948 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 2, quận Phú Nhuận, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 7 năm 1981
Số bằng: 1AC 837 bt Quyết định số: 209 /CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982
- 949 Liệt sĩ: **ĐỖ TRỌNG CƯỜNG**
Chính trị viên Tiểu đoàn, Nguyên quán: xã Yên Khang, huyện ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HR 988 bm Quyết định số: 101/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1972

- 950 **Liệt sĩ: TRẦN Y HẢI**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Thạch, huyện Thanh Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1974
 Số bằng: RA 309 bm Quyết định số: 1327/TTGa ngày 23 tháng 4 năm 1977
- 951 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN HUỖNH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 2, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: AO 517 bm Quyết định số: 90 /CTKT ngày 13 tháng 3 năm 1985
- 952 **Liệt sĩ: LÊ CẤP HÙNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1974
 Số bằng: 1AC 796 bm Quyết định số: 209 /CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982
- 953 **Liệt sĩ: PHAN VĂN NGỌC**
 Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1948
 Số bằng: U 790 cp Quyết định số: 458 /CTKT ngày 21 tháng 12 năm 1983
- 954 **Liệt sĩ: MẠCH VĂN MÃM**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường An Phú Đông, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1970
 Số bằng: 1X 502 bm Quyết định số: 975/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 955 **Liệt sĩ: TRẦN ĐÌNH THÀNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tư Chánh, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 10 năm 1980
 Số bằng: 1AB 226 bt Quyết định số: 132/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1981
- 956 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THẢO**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bình Trưng Tây, Quận 2, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 2 năm 1953
 Số bằng: 1RC 849 bp Quyết định số: 096/TTGa ngày 2 tháng 2 năm 1979
- 957 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUỐC HƯNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bình Trưng Tây, Quận 2, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1986
 Số bằng: CO 022 bt Quyết định số: 221 /CTKT ngày 19 tháng 11 năm 1990
- 958 **Liệt sĩ: LÊ VĂN CHÈO**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bình Trưng Tây, Quận 2, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1967
 Số bằng: 2Q 041 bm Quyết định số: 1088/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1977
- 959 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HAY**
 Cán bộ phòng Kinh tế huyện, Nguyên quán: quận Cái Răng, tp Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1963
 Số bằng: 3S 966 cm Quyết định số: 58/TTGa ngày 12 tháng 1 năm 1979

- 960 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH QUÊ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: BF 561 bm Quyết định số: 1162/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1971
- 961 Liệt sĩ: **TRẦN THANH QUÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 3, Quận 3, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 8A 674 bt Quyết định số: 300/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1979
- 962 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN BÀN**
Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Đồng Lạc, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1946
Số bằng: SC 107 cp Quyết định số: 131/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1978
- 963 Liệt sĩ: **ĐOÀN VŨ NGẠN**
Giao liên Thành đoàn, Nguyên quán: xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1971
Số bằng: 6N 416 .cm Quyết định số: 73 /CTKT ngày 26 tháng 3 năm 1982
- 964 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN NGHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 8, Quận 4, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 6 năm 1981
Số bằng: 1AB 840 bt Quyết định số: 209 /CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982
- 965 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÌNH**
Phó Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Trần Phán, huyện Dầm Dơi, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1973
Số bằng: QM 188 cm Quyết định số: 480/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1977
- 966 Liệt sĩ: **PHÙNG KHÌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Hà Cối, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 11 năm 1953
Số bằng: ZB 253 bp Quyết định số: 137 TTg ngày 4 tháng 4 năm 1957
- 967 Liệt sĩ: **PHÙNG TÀU SÁNG**
Cán bộ Công thương tỉnh Hải Ninh, Nguyên quán: thị trấn Hà Cối, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XY 193 cp Quyết định số: 559 TTg ngày 23 tháng 12 năm 1957
- 968 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường An Lạc, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 6L 039 bm Quyết định số: 974/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1978
- 969 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỰ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1970
Số bằng: E 234 bm Quyết định số: 40 /CTKT ngày 2 tháng 2 năm 1983

- 970 Liệt sĩ: **HÒ VĂN ĐIỀU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 5, Quận 7, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 1 năm 1983
Số bằng: AE 622 bt Quyết định số: 211 /CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984
- 971 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 9 năm 1947
Số bằng: E 082 bp Quyết định số: 056 /CTKT ngày 23 tháng 2 năm 1983
- 972 Liệt sĩ: **CAO VĂN NGHĨA**
Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: Khánh Thanh Tân, Mỏ Cày Bắc, Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 3N 914 km Quyết định số: 155 Tty ngày 23 tháng 2 năm 1979
- 973 Liệt sĩ: **PHAN BÌNH**
Trưởng ban quản trị, Nguyên quán: xã Điện Phong, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 11 824 cm Quyết định số: 1067/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 974 Liệt sĩ: **LÊ NHỎ THỂ**
Thư ký Nông hội xã, Nguyên quán: xã Quế Xuân, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 4G 629 cm Quyết định số: 869/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1979
- 975 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÌ**
Trưởng ban Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1964
Số bằng: 3A 872 cm Quyết định số: 876/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 976 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NỎ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 7B 261 bm Quyết định số: 1298/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1978
- 977 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỈ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 4 năm 1948
Số bằng: RC 377 bp Quyết định số: 1255/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 978 Liệt sĩ: **TRẦN VIỆT QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Sơn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1968
Số bằng: TM 478 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969
- 979 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÀNG**
Cán bộ Văn phòng xã, Nguyên quán: phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1953
Số bằng: ĐV 605 cp Quyết định số: 19 TTg ngày 4 tháng 1 năm 1999

- 980 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 8 năm 1980
Số bằng: 9AA 574 bt Quyết định số: 057 /CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 981 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 7 năm 1975
Số bằng: S 326 bt Quyết định số: 413 /CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1983
- 982 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐẶNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 6N 117 bm Quyết định số: 1001/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 983 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1961
Số bằng: Y 591 bm Quyết định số: 101 /CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1984
- 984 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÁ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 7O 812 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 985 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỨC**
Tiểu đội phó An ninh Phân khu 1, Nguyên quán: xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1967
Số bằng: QM 120 cm Quyết định số: 778/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 986 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỮ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 4 năm 1954
Số bằng: PC 833 bp Quyết định số: 1002/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 987 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1982
Số bằng: U 181 bt Quyết định số: 439 /CTKT ngày 7 tháng 12 năm 1983
- 988 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DẦU**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 11 năm 1949
Số bằng: ĐB 580 kp Quyết định số: 703 TTg ngày 26 tháng 9 năm 1996
- 989 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THIÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1963
Số bằng: 1AA 405 bm Quyết định số: 4/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981

- 990 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÀY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1961
Số bảng: 7B 267 bm Quyết định số: 1298/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1978
- 991 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: ấp Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1966
Số bảng: KM 046 km Quyết định số: 510/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 992 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CUỘC**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bảng: 1L 397 km Quyết định số: 1464/TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 993 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG DÂN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1974
Số bảng: 1R 656 km Quyết định số: 885/TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 994 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CAO**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1969
Số bảng: 1Đ 610 bm Quyết định số: 650/TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 995 Liệt sĩ: **LÊ THỊ DI**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1968
Số bảng: U 612 cm Quyết định số: 70/TTGa ngày 8 tháng 7 năm 1977
- 996 Liệt sĩ: **BÀNH VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 13, quận Bình Thạnh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 9 năm 1978
Số bảng: 9M 439 bt Quyết định số: 245/TTGa ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 997 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN MINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1970
Số bảng: OZ 165 bm Quyết định số: 131/TTGa ngày 11 tháng 4 năm 1975
- 998 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN NGHỆ**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
Số bảng: 1TC 018 bp Quyết định số: 188/TTGa ngày 9 tháng 3 năm 1979
- 999 Liệt sĩ: **BIỆN VĂN SÈ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1965
Số bảng: HM 562 km Quyết định số: 517/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1977

- 1000 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN U**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Mỹ Hưng, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: 90 185 bm Quyết định số: 300/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1980
- 1001 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NAI**
 Trung đội phó giao liên, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
 Số bằng: 3N 787 bm Quyết định số: 1301/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1978
- 1002 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÁU**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
 Số bằng: 6V 430 bm Quyết định số: 1110/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 1003 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN KHEN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1966
 Số bằng: 1R 311 bm Quyết định số: 873/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 1004 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NỐI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 8 năm 1947
 Số bằng: DC 244 bp Quyết định số: 95 /CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1992
- 1005 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐƯỢC**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: 2L 609 bm Quyết định số: 1254/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1006 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỎ**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Sơn Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1967
 Số bằng: 2A 513 bm Quyết định số: 1085/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1977
- 1007 Liệt sĩ: **MAI CÔNG QUỲ**
 Cán bộ Ban Thông tin vô tuyến Sài Gòn - Gia Định, Nguyên quán: phường Tân Sơn Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1963
 Số bằng: 6N 409 cm Quyết định số: 73 /CTKT ngày 26 tháng 3 năm 1982
- 1008 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAI**
 Cán bộ cách mạng, Nguyên quán: phường Tân Sơn Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1942
 Số bằng: GC 348 cp Quyết định số: 1731/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1977
- 1009 Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU TÂN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1972
 Số bằng: LK 326 bm Quyết định số: 339/TTGa ngày 2 tháng 7 năm 1974

- 1010 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÔNG**
 Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc
 kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 12 năm 1948
 Số bằng: BO 101 cp Quyết định số: 310 /CTKT ngày 16 tháng 12 năm 1987
- 1011 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂM**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc
 Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: 3G 722 bm Quyết định số: 1617/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 1012 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ỨT**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, tp
 Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1967
 Số bằng: 4P 371 bm Quyết định số: 235/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1978
- 1013 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CHÀ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú,
 tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1965
 Số bằng: 2M 806 bm Quyết định số: 1563/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 1014 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯỢNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tam Bình, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí
 Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: 7H 711 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979
- 1015 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CÔNG**
 Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã
 hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1966
 Số bằng: 1I 148 km Quyết định số: 1145/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 1016 Liệt sĩ: **TẠ VĂN NỜ**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy
 sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
 Số bằng: 1P 801 km Quyết định số: 1596/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1978
- 1017 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RỘNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ
 Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 12
 năm 1949
 Số bằng: 1EC 528 bp Quyết định số: 553/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978

TỈNH NINH BÌNH

- 1018 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1971
 Số bằng: RS 168 bm Quyết định số: 359 /TTga ngày 4 tháng 8 năm 1976
- 1019 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG LIÊN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư, tỉnh
 Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1973
 Số bằng: QN 812 bm Quyết định số: 141 /TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976

- 1020 Liệt sĩ: **PHẠM SON THƯỚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1970
Số bằng: RN 025 bm Quyết định số: 266 /TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976
- 1021 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1968
Số bằng: EA 668 bm Quyết định số: 80 /TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 1022 Liệt sĩ: **BÙI MẠNH HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1967
Số bằng: OM 725 bm Quyết định số: 108 /TTga ngày 12 tháng 7 năm 1969
- 1023 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN CHÔNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 1 năm 1947
Số bằng: ZB 603 ck Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1024 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN NGHIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1967
Số bằng: GH 493 bb Quyết định số: 303/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 1025 Liệt sĩ: **VŨ HỮU BÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1970
Số bằng: LO 244 bm Quyết định số: 260 /TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 1026 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Nhân, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1969
Số bằng: ĐB 892 bm Quyết định số: 425 /TTga ngày 19 tháng 10 năm 1972
- 1027 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN BÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1972
Số bằng: ĐP 142 bm Quyết định số: 492/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1972
- 1028 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1971
Số bằng: CR 750 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1972
- 1029 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NGUYỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1974
Số bằng: RG 726 bm Quyết định số: 236 /TTga ngày 11 tháng 6 năm 1976

- 1030 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG HUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KB 420 bm Quyết định số: 522 /TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 1031 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969
Số bằng: TI 860 bm Quyết định số: 153 /TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1032 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC KỶ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1968
Số bằng: OV 559 bm Quyết định số: 128 /TTGa ngày 11 tháng 4 năm 1975
- 1033 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9K 494 bt Quyết định số: 54/TTGa ngày 16 tháng 1 năm 1980
- 1034 Liệt sĩ: **PHẠM CAO ỚI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1970
Số bằng: SK 010 bm Quyết định số: 473 /TTGa ngày 1 tháng 11 năm 1976
- 1035 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HOÀNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1969
Số bằng: DD 489 bm Quyết định số: 156 CTKT ngày 8 tháng 8 năm 1992
- 1036 Liệt sĩ: **PHẠM THÂN NHO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1972
Số bằng: QĐ 562 bm Quyết định số: 473/TTGa ngày 5 tháng 12 năm 1975
- 1037 Liệt sĩ: **LÊ QUỐC NIỆM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1970
Số bằng: SL 574 bm Quyết định số: 481/TTGa ngày 6 tháng 11 năm 1976
- 1038 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lâm, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
Số bằng: ES 169 bm Quyết định số: 194/TTGa ngày 26 tháng 5 năm 1973
- 1039 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN VĨNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1972
Số bằng: LP 030 bm Quyết định số: 230 /TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1974

- 1040 Liệt sĩ: **NGUYỄN LƯƠNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZB 1,451 kp Quyết định số: 209 /TTg ngày 1 tháng 6 năm 1959
- 1041 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ CHUYỀN**
Công nhân công ty cầu 3 TCĐS, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
Số bằng: IM 132 cm Quyết định số: 501 /TTGa ngày 11 tháng 12 năm 1972
- 1042 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CN 119 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1972
- 1043 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH NHÂM**
Trợ lý quân nhu tiểu đoàn , Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1971
Số bằng: HP 241 bm Quyết định số: 439 /TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973
- 1044 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN PHƯƠNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1970
Số bằng: ĐY 916 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1973
- 1045 Liệt sĩ: **ĐÀM VĂN TẢO**
Công nhân , Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1972
Số bằng: NM 166 cm Quyết định số: 580 /TTga ngày 20 tháng 11 năm 1974
- 1046 Liệt sĩ: **MAI NGỌC DẦN**
Máy trưởng ca nô Ban KT66 Vận tải đường sông, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1967
Số bằng: AM 528 cm Quyết định số: 69 /TTga ngày 17 tháng 4 năm 1968
- 1047 Liệt sĩ: **PHAN KHẮC DUNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1969
Số bằng: ĐH 249 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 1048 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: SI 253 bm Quyết định số: 463/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 1049 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN MÃI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1972
Số bằng: ES 045 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1973

- 1050 **Liệt sĩ: PHẠM HỮU LUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1972
Số bằng: LA 038 bm Quyết định số: 214 /TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 1051 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỒNG SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1968
Số bằng: TM 662 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1969
- 1052 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN CHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Yên Bình, tp Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7S 065 bt Quyết định số: 107/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1979
- 1053 **Liệt sĩ: ĐINH XUÂN DẬU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Yên Bình, tp Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1974
Số bằng: OV 501 bm Quyết định số: 128 /TTga ngày 11 tháng 4 năm 1975
- 1054 **Liệt sĩ: ĐINH VĂN KHOÁT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AH 561 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971
- 1055 **Liệt sĩ: ĐINH TIỀN MINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Yên Bình, tp Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KB 477 bm Quyết định số: 522 /TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 1056 **Liệt sĩ: TÓNG VĂN ĐỢT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Yên Bình, tp Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1968
Số bằng: RS 224 bm Quyết định số: 366 /TTga ngày 6 tháng 8 năm 1976
- 1057 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BẬU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Yên Bình, tp Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9K 216 bt Quyết định số: 53/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1980
- 1058 **Liệt sĩ: ĐINH VĂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Yên Bình, tp Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1970
Số bằng: SL 613 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976
- 1059 **Liệt sĩ: PHẠM QUỐC THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1973
Số bằng: QĐ 579 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975

- 1060 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NĂM**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phú, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: TH 182 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1977
- 1061 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LỆ**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phú, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: HP 184 bm Quyết định số: 439 /TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973
- 1062 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN TÙNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: PI 205 bm Quyết định số: 301 /TTga ngày 7 tháng 8 năm 1975
- 1063 Liệt sĩ: **NINH VĂN TỊCH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1967
 Số bằng: AG 820 bm Quyết định số: 73/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1971
- 1064 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG XUÂN**
 Trợ lý bảo vệ tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1970
 Số bằng: PV 204 bm Quyết định số: 409 /TTga ngày 13 tháng 10 năm 1975
- 1065 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KẾ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1952
 Số bằng: ZQ 2,281 bp Quyết định số: 257 /TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959
- 1066 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC VIỆT**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hoà, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1972
 Số bằng: NO 374 bm Quyết định số: 384 /TTga ngày 23 tháng 7 năm 1974
- 1067 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THẠCH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: HP 105* bm Quyết định số: 436 /TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973
- 1068 Liệt sĩ: **TẠ VĂN THẮNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: BA 644 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 1069 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐỒNG**
 Thượng sĩ Công an nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: QT 860 bm Quyết định số: 253 /TTga ngày 18 tháng 6 năm 1976

- 1070 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÁ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1969
Số bằng: PI 196 bm Quyết định số: 301 /TTga ngày 7 tháng 8 năm 1975
- 1071 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT BẮNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
Số bằng: CD 953 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1972
- 1072 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TIÊU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1967
Số bằng: VP 177 bm Quyết định số: 284 /TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 1073 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN KHÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thương Hoà, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EP 972 bm Quyết định số: 194 /TTga ngày 26 tháng 5 năm 1973
- 1074 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN MẬU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Quang, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9H 796 bt Quyết định số: 892/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1979
- 1075 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẶNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: BN 125 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972
- 1076 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: SI 416 bm Quyết định số: 472 /TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976
- 1077 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BÌNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VD 744 bm Quyết định số: 304 /TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977
- 1078 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 2 năm 1966
Số bằng: QN 773 bm Quyết định số: 141 /TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976
- 1079 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7X 911 bt Quyết định số: 210 /TTga ngày 26 tháng 3 năm 1979

- 1080 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TIỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1967
Số bằng: SN 235 bm Quyết định số: 581 /TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 1081 **Liệt sĩ: BÙI XUÂN XƯỚNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1973
Số bằng: QĐ 491 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975
- 1082 **Liệt sĩ: HOÀNG KIM HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1968
Số bằng: ĐP 264 bm Quyết định số: 492/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1972
- 1083 **Liệt sĩ: BÙI ĐỨC SẮC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1970
Số bằng: ĐV 622 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 1084 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SỬU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1972
Số bằng: OI 269 bm Quyết định số: 614 /TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 1085 **Liệt sĩ: BÙI VĂN THÀNH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Quang, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QV 068 bm Quyết định số: 140/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976
- 1086 **Liệt sĩ: HOÀNG CÔNG NGHIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Quang, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1968
Số bằng: VM 367 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 15 tháng 1 năm 1970
- 1087 **Liệt sĩ: PHẠM ĐÌNH LẬP**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 2 năm 1947
Số bằng: ZP 046 bp Quyết định số: 518 /TTg ngày 2 tháng 12 năm 1958
- 1088 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH NUÔI**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KB 466 bm Quyết định số: 522 /TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 1089 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHẮNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1953
Số bằng: ZC 624 kp Quyết định số: 29 /TTga ngày 22 tháng 1 năm 1962

- 1090 Liệt sĩ: **ĐƯƠNG VĂN NHƯ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1973
 Số bằng: RV 806 bm Quyết định số: 347 /TTga ngày 31 tháng 7 năm 1976
- 1091 Liệt sĩ: **ĐƯƠNG BÁ BẰNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: VM 357 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 15 tháng 1 năm 1970
- 1092 Liệt sĩ: **ĐINH DUY NGŨ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1951
 Số bằng: ZP 3,181 bp Quyết định số: 29 /TTga ngày 22 tháng 1 năm 1962
- 1093 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO SƠN**
 Cán bộ Cục vận tải đường sông Bộ Giao thông Vận tải, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: CM 237 cm Quyết định số: 71 /TTga ngày 20 tháng 5 năm 1969
- 1094 Liệt sĩ: **LÃ TRỌNG TÁM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 3 năm 1979
 Số bằng: 9H 920 bt Quyết định số: 916/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1979
- 1095 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC NÙNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Trung, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1957
 Số bằng: ZC 671 bm Quyết định số: 171 /TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 1096 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 6 năm 1947
 Số bằng: ZP 537 bp Quyết định số: 001 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1097 Liệt sĩ: **VŨ VĂN AM**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: LO 236 bm Quyết định số: 260 /TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 1098 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG DƯ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: SK 105 bm Quyết định số: 473 /TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976
- 1099 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG HÀ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: 3H 637 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1978

- 1100 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG LIÊU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐP 312 bm Quyết định số: 495/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972
- 1101 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG ĐIỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: PI 125 bm Quyết định số: 301 /TTga ngày 7 tháng 8 năm 1975
- 1102 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG CẦU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EA 581 bm Quyết định số: 80 /TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 1103 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀM**
Hạ sĩ Công an nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 5S 289 bt Quyết định số: 943 /TTga ngày 25 tháng 8 năm 1978
- 1104 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG QUÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 8 năm 1951
Số bằng: CZ 073 bp Quyết định số: 414 /TTg ngày 25 tháng 10 năm 1961
- 1105 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9Y 902 bt Quyết định số: 715 /TTga ngày 14 tháng 11 năm 1980
- 1106 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GIÁM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1970
Số bằng: CS 631 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972
- 1107 Liệt sĩ: **VŨ HỒNG MÃO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1971
Số bằng: TV 984 bm Quyết định số: 66 /TTga ngày 28 tháng 1 năm 1977
- 1108 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH KHOÁT**
Công nhân lái xe, Nguyên quán: xã Gia Phú, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1968
Số bằng: BM 491 cm Quyết định số: 246 /TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968
- 1109 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC QUÁN**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Ninh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1972
Số bằng: LP 148 bm Quyết định số: 230 /TTga ngày 11 tháng 5 năm 1974

- 1110 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUYỀN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Ninh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KB 642 bm Quyết định số: 526 /TTga ngày 1 tháng 12 năm 1973
- 1111 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGUỘC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1970
Số bằng: CH 159 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1972
- 1112 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SƠN**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 10 năm 1986
Số bằng: CB 112 bt Quyết định số: 31 CTKT ngày 1 tháng 3 năm 1989
- 1113 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VĨNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Trung, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1967
Số bằng: EA 695 bm Quyết định số: 92 /TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 1114 Liệt sĩ: **TẠ HỒNG LƯU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1972
Số bằng: RO 081 bm Quyết định số: 265 /TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 1115 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN ÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MB 119 bm Quyết định số: 43/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1970
- 1116 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN HÓN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AO 831 bm Quyết định số: 136/TTga ngày 9 tháng 6 năm 1971
- 1117 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚC THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 3 năm 1952
Số bằng: ZZ 638 bp Quyết định số: 100 /TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961
- 1118 Liệt sĩ: **TÓNG KIM LONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BA 576 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 1119 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẠNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1970
Số bằng: ĐP 246 bm Quyết định số: 492/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1972

- 1120 Liệt sĩ: **ĐINH MINH HIẾU**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: NO 683 bm Quyết định số: 385 /TTGa ngày 23 tháng 7 năm 1974
- 1121 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN DẬU**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 11 năm 1979
 Số bằng: 3AA 355 bt Quyết định số: 101 /TTga ngày 25 tháng 3 năm 1981
- 1122 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1951
 Số bằng: ZB 579 kp Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1123 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC THÀNH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1969
 Số bằng: BN 075 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972
- 1124 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN UỶNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: GH 590 bm Quyết định số: 303/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 1125 Liệt sĩ: **PHẠM MINH TUẤN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: BG 520 bm Quyết định số: 35 /TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 1126 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1974
 Số bằng: RO 082 bm Quyết định số: 265 /TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 1127 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG VĂN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 2 năm 1983
 Số bằng: M 324 bt Quyết định số: 180 CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1983
- 1128 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NHƠN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: ĐY 906 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1973
- 1129 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THÈM**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1970
 Số bằng: 1AB 573 bm Quyết định số: 153 CTKT ngày 11 tháng 6 năm 1982

- 1130 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN ĐÓN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1952
Số bằng: ZB 586 kp Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỰ**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7S 076 bt Quyết định số: 107/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1979
- 1132 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÚC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1973
Số bằng: SK 197 bm Quyết định số: 483 /TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976
- 1133 Liệt sĩ: **ĐINH ĐẮC ĐUYÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 10 năm 1953
Số bằng: ZB 588 kp Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1134 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG MẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MB 069 bm Quyết định số: 43/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1970
- 1135 Liệt sĩ: **NGUYỄN LƯƠNG NHÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1970
Số bằng: VQ 272 bm Quyết định số: 293 /TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977
- 1136 Liệt sĩ: **ĐINH ĐẮC CHÚC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: ZB 583 kp Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1137 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHUÂN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1951
Số bằng: ZB 582 kp Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1138 Liệt sĩ: **ĐINH ĐẮC BA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BB 742 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 1139 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1965
Số bằng: IZ 134 bm Quyết định số: 130 /TTga ngày 15 tháng 9 năm 1966

- 1140 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LỢI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1951
Số bằng: ZB 589 kp Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1141 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970
Số bằng: CL 172 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1972
- 1142 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG THẮNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Mậu, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 12 năm 1983
Số bằng: AG 288 bt Quyết định số: 287 CTKT ngày 29 tháng 8 năm 1984
- 1143 Liệt sĩ: **ĐINH ĐẮC TÁM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 8 năm 1950
Số bằng: OC 239 bp Quyết định số: 387 /TTga ngày 6 tháng 5 năm 1977
- 1144 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO VÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1970
Số bằng: BB 843 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 1145 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẦU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZP 490 bp Quyết định số: 001 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1146 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1952
Số bằng: CZ 048 bm Quyết định số: 414 /TTg ngày 25 tháng 10 năm 1961
- 1147 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN XUYỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1974
Số bằng: TV 407 bm Quyết định số: 67 /TTga ngày 28 tháng 1 năm 1977
- 1148 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: CZ 049 bp Quyết định số: 414 /TTg ngày 25 tháng 10 năm 1961
- 1149 Liệt sĩ: **TRỊNH DUY PHONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8E 051 bt Quyết định số: 307/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1979

- 1150 Liệt sĩ: **ĐINH QUYẾT TIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1969
Số bằng: OK 304 bm Quyết định số: 641 /TTga ngày 21 tháng 12 năm 1974
- 1151 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU NIÊM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh
Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1972
Số bằng: PI 147 bm Quyết định số: 301 /TTga ngày 7 tháng 8 năm 1975
- 1152 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1971
Số bằng: RL 051 bm Quyết định số: 266 /TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976
- 1153 Liệt sĩ: **ĐINH TRỌNG HUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1965
Số bằng: AĐ 817 bm Quyết định số: 45 /TTga ngày 23 tháng 2 năm 1971
- 1154 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỎ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thủy, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh
Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1966
Số bằng: VP 462 bm Quyết định số: 295 /TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977
- 1155 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN KHÁ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HP 077 bm Quyết định số: 436 /TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973
- 1156 Liệt sĩ: **TRƯƠNG QUANG MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GH 486 bm Quyết định số: 303/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 1157 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN SƠN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh
Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8O 276 bt Quyết định số: 505/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979
- 1158 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1969
Số bằng: OI 306 bm Quyết định số: 614 /TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 1159 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤT HỮU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình,
đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 10 năm 1951
Số bằng: ZP 503 bp Quyết định số: 001 /TTga ngày 5 tháng 1 năm 1959

- 1160 Liệt sĩ: **LÊ THANH HẢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HP 065 bm Quyết định số: 436 /TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973
- 1161 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO TÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NO 603 bm Quyết định số: 385 /TTga ngày 23 tháng 7 năm 1974
- 1162 Liệt sĩ: **ĐINH CAO THƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1966
Số bằng: IZ 137 bm Quyết định số: 130 /TTga ngày 15 tháng 9 năm 1966
- 1163 Liệt sĩ: **ĐINH PHÚ QUYNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ĐP 306 bm Quyết định số: 495 /TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972
- 1164 Liệt sĩ: **LÃ ĐĂNG VÁCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1949
Số bằng: ZB 596 kp Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1165 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHÔI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 6 năm 1980
Số bằng: 7AA 188 bt Quyết định số: 49 CTKT ngày 23 tháng 10 năm 1981
- 1166 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHÁI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1947
Số bằng: ZZ 640 bp Quyết định số: 100 /TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961
- 1167 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU PHÚC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968
Số bằng: VP 700 bm Quyết định số: 302 /TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977
- 1168 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO PHONG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CN 196 bm Quyết định số: 273 /TTga ngày 4 tháng 7 năm 1972
- 1169 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZP 546 bp Quyết định số: 001 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

- 1170 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU PHƯƠNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: ES 027 bm Quyết định số: 194/TTGa ngày 26 tháng 5 năm 1973
- 1171 Liệt sĩ: **ĐINH ĐẮC LỰC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: GH 475 bm Quyết định số: 271/TTGa ngày 29 tháng 6 năm 1973
- 1172 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG SỬ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 3 năm 1978
 Số bằng: 9Z 055 bt Quyết định số: 712 /TTGa ngày 14 tháng 11 năm 1980
- 1173 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THẮNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1970
 Số bằng: VL 547 bm Quyết định số: 330 /TTGa ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 1174 Liệt sĩ: **ĐINH ĐẮC ĐƠ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 3 năm 1949
 Số bằng: ZP 494 bp Quyết định số: 001 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1175 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LẬP**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: NO 323 bm Quyết định số: 384 /TTGa ngày 23 tháng 7 năm 1974
- 1176 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU TÂN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1954
 Số bằng: ZP 536 bp Quyết định số: 001 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1177 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÂM**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1969
 Số bằng: CN 118 bm Quyết định số: 273/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1972
- 1178 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NỞ**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1958
 Số bằng: ZB 590 km Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1179 Liệt sĩ: **LÃ VĂN RƯƠNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1951
 Số bằng: ZB 587 kp Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

- 1180 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NGÀ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1965
 Số bằng: BA 678 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 1181 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THỰC**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1948
 Số bằng: ZC 458 kp Quyết định số: 414 /TTg ngày 25 tháng 10 năm 1961
- 1182 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC XÁC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 3 năm 1947
 Số bằng: ZQ 1,345 bp Quyết định số: 209 /TTg ngày 1 tháng 6 năm 1959
- 1183 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC TOẢ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1966
 Số bằng: CE 704 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972
- 1184 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC ĐĂNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: XG 127 bm Quyết định số: 226 /TTg ngày 5 tháng 5 năm 1958
- 1185 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THẾ**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1948
 Số bằng: ZB 4,082 kp Quyết định số: 100 /TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961
- 1186 Liệt sĩ: **LƯU DANH ĐAM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: BA 530 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 1187 Liệt sĩ: **LƯU DANH RÊNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1965
 Số bằng: BA 525 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 1188 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN KHO**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1965
 Số bằng: CE 751 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972
- 1189 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NHẬT**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1966
 Số bằng: QT 997 bm Quyết định số: 264 /TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976

- 1190 **Liệt sĩ: LƯU DANH TƯỚC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1969
Số bằng: GH 546 bm Quyết định số: 303/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 1191 **Liệt sĩ: LƯU DANH THẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1973
Số bằng: KB 492 bm Quyết định số: 526 /TTga ngày 1 tháng 12 năm 1973
- 1192 **Liệt sĩ: BÙI VĂN TIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BA 624 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 1193 **Liệt sĩ: LƯU DANH ĐOÁ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1972
Số bằng: ED 849 bm Quyết định số: 122 /TTga ngày 7 tháng 4 năm 1973
- 1194 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN QUYỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UH 016 bm Quyết định số: 173 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1195 **Liệt sĩ: ĐINH VĂN HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1965
Số bằng: DM 925 bm Quyết định số: 98 /TTga ngày 5 tháng 6 năm 1968
- 1196 **Liệt sĩ: ĐINH VĂN TRUNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SK 152 bm Quyết định số: 473 /TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976
- 1197 **Liệt sĩ: TRẦN HỮU PHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KB 639 bm Quyết định số: 526 /TTga ngày 1 tháng 12 năm 1973
- 1198 **Liệt sĩ: TRẦN NGỌC BẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MK 491 bm Quyết định số: 159 /TTga ngày 29 tháng 6 năm 1970
- 1199 **Liệt sĩ: ĐINH TRẦN KIẾN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 9 năm 1952
Số bằng: XA 673 bp Quyết định số: 551 /TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

- 1200 Liệt sĩ: **LƯU DANH HIỀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 3 năm 1979
Số bảng: 2AA 493 bt Quyết định số: 08 /TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981
- 1201 Liệt sĩ: **LƯU DANH CHIẾN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1969
Số bảng: RO 557 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976
- 1202 Liệt sĩ: **ĐINH TRẦN CHUYỀN**
Công nhân nông trường, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 3 năm 1979
Số bảng: 4H 708 ct Quyết định số: 53/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1980
- 1203 Liệt sĩ: **LƯU DANH SOÀI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1966
Số bảng: CH 180 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1972
- 1204 Liệt sĩ: **LƯU DANH SOÀI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1966
Số bảng: CH 180 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1972
- 1205 Liệt sĩ: **LƯƠNG TẮT ĐIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bảng: XA 680 bp Quyết định số: 551 /TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 1206 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGŨ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1972
Số bảng: TV 876 bm Quyết định số: 66 /TTga ngày 28 tháng 1 năm 1977
- 1207 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHẤT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968
Số bảng: EA 703 bm Quyết định số: 92 /TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 1208 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THOI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1969
Số bảng: MR 707 bm Quyết định số: 256 /TTga ngày 27 tháng 10 năm 1970
- 1209 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN LỜI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1973
Số bảng: TV 683 bm Quyết định số: 85 /TTga ngày 8 tháng 2 năm 1977

- 1210 **Liệt sĩ: TRẦN XUÂN LUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1965
Số bằng: BB 837 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 1211 **Liệt sĩ: ĐINH TRẦN DUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1970
Số bằng: CE 557 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1972
- 1212 **Liệt sĩ: TRẦN NGỌC XONG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AH 614 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1971
- 1213 **Liệt sĩ: LƯƠNG TẮT TIỆN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1969
Số bằng: LO 498 bm Quyết định số: 222 /TTga ngày 7 tháng 5 năm 1974
- 1214 **Liệt sĩ: ĐINH HỒNG BÁCH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1968
Số bằng: ĐH 124 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 1215 **Liệt sĩ: TÓNG VĂN THÊM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: OI 295 bm Quyết định số: 614 /TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 1216 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN HẰNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BA 546 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 1217 **Liệt sĩ: TRẦN DANH TUYÊN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1968
Số bằng: RS 144 bm Quyết định số: 359 /TTga ngày 4 tháng 8 năm 1976
- 1218 **Liệt sĩ: VŨ VĂN BẢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1966
Số bằng: CE 530 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1972
- 1219 **Liệt sĩ: VŨ VĂN BÔNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1971
Số bằng: TS 681 bm Quyết định số: 84 /TTga ngày 8 tháng 2 năm 1977

- 1220 Liệt sĩ: **LƯƠNG BÁ MINH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1971
 Số bằng: NO 297 bm Quyết định số: 375 /TTGa ngày 18 tháng 7 năm 1974
- 1221 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN QUÝ**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: EA 678 bm Quyết định số: 92 /TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 1222 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN MINH**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1966
 Số bằng: CE 609 bm Quyết định số: 216/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1972
- 1223 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUYẾT**
 Y tá Sư đoàn 5, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: SL 194 bm Quyết định số: 510 /TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 1224 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH PHÚC**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Trung, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: UG 490 bm Quyết định số: 115/TTGa ngày 4 tháng 3 năm 1977
- 1225 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨC**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: LO 314 bm Quyết định số: 260 /TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 1226 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: RS 047 bm Quyết định số: 359 /TTga ngày 4 tháng 8 năm 1976
- 1227 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGỌ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1973
 Số bằng: OV 649 bm Quyết định số: 128 /TTga ngày 11 tháng 4 năm 1975
- 1228 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG KHUYẾN**
 Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1984
 Số bằng: AM 335 bt Quyết định số: 97 CTKT ngày 13 tháng 2 năm 1985
- 1229 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGHINH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: TV 894 bm Quyết định số: 66 /TTGa ngày 28 tháng 1 năm 1977

- 1230 **Liệt sĩ: NGUYỄN BÁ KÊ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: ĐV 551 bm Quyết định số: 52/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 1231 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN VƯỢNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1965
 Số bằng: DM 912 bm Quyết định số: 98/TTGa ngày 5 tháng 6 năm 1968
- 1232 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KỶ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: CH 112 bm Quyết định số: 237/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1972
- 1233 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MÍNH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1970
 Số bằng: ĐV 545 bm Quyết định số: 52/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 1234 **Liệt sĩ: PHẠM NGỌC NĂNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: NO 307 bm Quyết định số: 375 /TTGa ngày 18 tháng 7 năm 1974
- 1235 **Liệt sĩ: TRẦN TRỌNG NGÀ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: QY 674 bm Quyết định số: 264 /TTGa ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 1236 **Liệt sĩ: CHU QUANG ANH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: DM 924 bm Quyết định số: 98 /TTGa ngày 5 tháng 6 năm 1968
- 1237 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MƯỢC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: SL 805 bm Quyết định số: 574 /TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 1238 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN QUANG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1979
 Số bằng: 9H 876 bt Quyết định số: 916/TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1979
- 1239 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN SỘP**
 Công dân, Nguyên quán: xã Khánh Hoà, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 8 năm 1950
 Số bằng: ZA 867 cp Quyết định số: 257 /TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959

- 1240 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VŨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chắt Bình, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: ZD 309 bp Quyết định số: 001 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1241 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: ZC 717 bp Quyết định số: 171 /TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 1242 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỪ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1969
Số bằng: RS 136 bm Quyết định số: 359 /TTga ngày 4 tháng 8 năm 1976
- 1243 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hoà, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GH 560 bm Quyết định số: 303/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 1244 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Phong, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: ES 177 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1973
- 1245 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1966
Số bằng: PI 159 bm Quyết định số: 301 /TTga ngày 7 tháng 8 năm 1975
- 1246 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CHIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1970
Số bằng: RO 109 bm Quyết định số: 265 /TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 1247 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ZP 571 bp Quyết định số: 001 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1248 Liệt sĩ: **ĐINH DUY ĐẠO**
Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1968
Số bằng: ĐP 487 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 16 tháng 12 năm 1972
- 1249 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN CẦN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 8Y 775 bm Quyết định số: 757/TTga ngày 31 tháng 10 năm 1979

- 1250 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LIÊM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thành, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1973
Số bằng: RS 109 bm Quyết định số: 359 /TTga ngày 4 tháng 8 năm 1976
- 1251 Liệt sĩ: **TÔ SAN**
Công an viên, Nguyên quán: xã Khánh Vân, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: ZA 335 cp Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1252 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Phạm Hồng Thái, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1970
Số bằng: ĐV 631 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 1253 Liệt sĩ: **VŨ QUỐC HUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Phong, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GH 455 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1973
- 1254 Liệt sĩ: **VŨ THỊ PHIN**
Công nhân chăn nuôi, Nguyên quán: phường Ninh Phong, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 4H 740 ct Quyết định số: 53 /TTga ngày 16 tháng 1 năm 1980
- 1255 Liệt sĩ: **VŨ VĂN BIẾNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Phong, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1971
Số bằng: TS 631 bm Quyết định số: 84 /TTga ngày 8 tháng 2 năm 1977
- 1256 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Sơn, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1961
Số bằng: CZ 149 bm Quyết định số: 414 /TTg ngày 25 tháng 10 năm 1961
- 1257 Liệt sĩ: **VŨ VĂN HÀO**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Đồng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 8I 601 bm Quyết định số: 405/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1979
- 1258 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN TOAN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Tiến, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UA 256 bm Quyết định số: 131 /TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977
- 1259 Liệt sĩ: **ĐỖ MẠNH CƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Từ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1970
Số bằng: KB 355 bm Quyết định số: 522 /TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

- 1260 Liệt sĩ: **LÃ XUÂN CHỨC**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: HP 101 bm Quyết định số: 436 /TTGa ngày 9 tháng 10 năm 1973
- 1261 Liệt sĩ: **ĐINH THỊ XUYẾN**
 Dân công, Nguyên quán: xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 9 năm 1953
 Số bằng: CH 137 cp Quyết định số: 186 CTKT ngày 27 tháng 9 năm 1989
- 1262 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÃO**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Vương, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1949
 Số bằng: ZP 452 bp Quyết định số: 001 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1263 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SÙNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lộc, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1973
 Số bằng: RG 256 bm Quyết định số: 237 /TTGa ngày 11 tháng 6 năm 1976
- 1264 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÊ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoá, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: NO 387 bm Quyết định số: 384 /TTGa ngày 23 tháng 7 năm 1974
- 1265 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN OANH**
 Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoá, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1971
 Số bằng: CE 523 bm Quyết định số: 216 /TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1972
- 1266 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoá, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: LO 316 bm Quyết định số: 260 /TTGa ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 1267 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THÔNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1967
 Số bằng: NĐ 227 bm Quyết định số: 407 /TTGa ngày 10 tháng 8 năm 1974
- 1268 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUANG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1966
 Số bằng: EM 018 bm Quyết định số: 98 /TTGa ngày 5 tháng 6 năm 1968
- 1269 Liệt sĩ: **TRẦN KIM CHÍNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiến Trung, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: OM 716 bm Quyết định số: 108 /TTGa ngày 12 tháng 7 năm 1969

- 1270 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH PHON**
Chiến sĩ Công an nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Văn Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 5G 116 ct Quyết định số: 480/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 1271 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH PHON**
Chiến sĩ Công an nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Văn Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 5G 116 ct Quyết định số: 480/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 1272 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MI 646 bm Quyết định số: 139 /TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970
- 1273 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH ĐẠT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KB 542 bm Quyết định số: 526 /TTga ngày 1 tháng 12 năm 1973
- 1274 Liệt sĩ: **BÙI TRỌNG**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 6 năm 1953
Số bằng: ZB 516 kp Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 1275 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN HOÁ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1967
Số bằng: CL 126 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1972
- 1276 Liệt sĩ: **ĐINH CÔNG ĐÁN**
Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1967
Số bằng: LO 345 bm Quyết định số: 260 /TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 1277 Liệt sĩ: **TRẦN CAO TRI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1962
Số bằng: DZ 355 bm Quyết định số: 250 /TTga ngày 23 tháng 8 năm 1962
- 1278 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU PHÚC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968
Số bằng: VP 700 bm Quyết định số: 302 /TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977
- 1279 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Gia Lập, huyện Gia Viễn, Ninh Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 9 năm 1953
Số bằng: ZB 584 kp Quyết định số: 01 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

- 1280 Liệt sĩ: **ĐỖ NGỌC CÁP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Ninh Phong, tp Ninh Bình, Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1970
Số bảng: ĐV 574 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 1281 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TRỌNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh thành, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1968
Số bảng: EA 793 bm Quyết định số: 92 /TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 1282 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thắng, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 12 năm 1953
Số bảng: EZ 406 bp Quyết định số: 135/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1963
- 1283 Liệt sĩ: **NGUYỄN DÂN TIẾN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hòa, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969
Số bảng: ĐY 919 bm Quyết định số: 106/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1973
- 1284 Liệt sĩ: **LÃ HỮU THUYẾT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hòa, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1970
Số bảng: RN 028 bm Quyết định số: 266 /TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976
- 1285 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUYỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1971
Số bảng: CS 651 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972
- 1286 Liệt sĩ: **ĐÀM PHÚ CHUYỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Tiến, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1971
Số bảng: LO 322 bm Quyết định số: 260 /TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 1287 Liệt sĩ: **ĐÀM PHÚ CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Tiến, tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1971
Số bảng: CE 671 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

TỈNH TRÀ VINH

- 1288 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RÔ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bảng: 6B 277 bm Quyết định số: 797/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1978
- 1289 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN QÚI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1969
Số bảng: BU 212 km Quyết định số: 169/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1988

- 1290 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƯƠNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: 6L 634 bm Quyết định số: 940/TTGa ngày 25 tháng 8 năm 1978
- 1291 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỨC**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã: Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: CA 628 bm Quyết định số: 136/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1989
- 1292 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ÁT**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1962
 Số bằng: 2R 320 bm Quyết định số: 1265/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1293 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÉCH**
 Trưởng đội giao liên, Nguyên quán: xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1963
 Số bằng: 2M 647 cm Quyết định số: 319/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 1294 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊNH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: 2T 411 bm Quyết định số: 1615/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 1295 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỆ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: 2T 401 bm Quyết định số: 1615/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 1296 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯỢM**
 Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1962
 Số bằng: 1Q 522 cm Quyết định số: 1362/TTGa ngày 29 tháng 10 năm 1977
- 1297 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOA**
 Trưởng Ban an ninh, nguyên quán: xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: 1Z 844 cm Quyết định số: 1652TTg ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 1298 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢO**
 Cán bộ y tế xã, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: CB 327 cm Quyết định số: 220/CTKT ngày 5 tháng 10 năm 1988
- 1299 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỢI**
 Thượng úy Công an nhân dân, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: 3S 320 bm Quyết định số: 1491/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1978

- 1300 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌ**
Công dân , Nguyên quán: xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1974
Số bằng: 3Q 808 cm Quyết định số: 1466/TTga ngày 22 tháng 12 năm 1978
- 1301 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ TÙNG**
Chiến sĩ lực lượng vũ trang, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: BU 433 cm Quyết định số: 167/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1988
- 1302 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIỀNG**
Quân lương huyện, Nguyên quán: xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 11 năm 1952
Số bằng: AU 095 bp Quyết định số: 305/CTKT ngày 7 tháng 8 năm 1985
- 1303 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỊ QUẬN**
Hội mẹ chiến sĩ, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1963
Số bằng: CQ 400 cm Quyết định số: 44/CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1991
- 1304 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỰA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1951
Số bằng: 2cc 780 bp Quyết định số: 308/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1988
- 1305 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀM**
Cán bộ kinh tài , Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1952
Số bằng: PC 376 cp Quyết định số: 786/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1978
- 1306 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2x 071 km Quyết định số: 787/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1978
- 1307 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ QUYÊN**
Hội trưởng phụ nữ, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 9 năm 1948
Số bằng: PC 331 cp Quyết định số: 775/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1978
- 1308 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÌ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 2X 222 bm Quyết định số: 865/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 1309 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NỈ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 6B 158 bm Quyết định số: 797/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1978

- 1310 **Liệt sĩ: VÕ VĂN PHỒ**
Cán bộ kinh tài, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 3A 075 cm Quyết định số: 788/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1978
- 1311 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN BẠCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1963
Số bằng: 6B 475 bm Quyết định số: 802/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1978
- 1312 **Liệt sĩ: CAO VĂN BEO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: 6B 462 bm Quyết định số: 802/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1978
- 1313 **Liệt sĩ: TÔN VĂN CHÍN**
Trưởng ban công an, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 1 năm 1946
Số bằng: PC 380 bp Quyết định số: 802TTga ngày 26 tháng 7 năm 1978
- 1314 **Liệt sĩ: TÔN TRƯỜNG NGU**
Phó Chủ tịch ủy ban xã, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1946
Số bằng: PC 335 cp Quyết định số: 775/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1978
- 1315 **Liệt sĩ: TÔN VĂN TÁM**
Công an viên, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1946
Số bằng: PC 359 cp Quyết định số: 786/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1978
- 1316 **Liệt sĩ: TÔN VĂN BẢY**
Trung đội phó du kích xã, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1954
Số bằng: 11C 043 kp Quyết định số: 786/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1978
- 1317 **Liệt sĩ: TÔN VĂN NGỌC**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1949
Số bằng: NC 438 kp Quyết định số: 830/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1978
- 1318 **Liệt sĩ: LÂM VĂN TÀU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 2X 281 km Quyết định số: 865/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 1319 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN GIẢ ANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1964
Số bằng: 6B 396 bm Quyết định số: 802/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1978

- 1320 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1969
 Số bằng: 90 701 bm Quyết định số: 310/TTGa ngày 2 tháng 5 năm 1980
- 1321 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YÊN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 10 năm 1985
 Số bằng: CI 529 bt Quyết định số: 366/CTKT ngày 18 tháng 12 năm 1990
- 1322 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VÓN**
 Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 6 năm 1947
 Số bằng: PC 364 cp Quyết định số: 786/TTGa ngày 21 tháng 7 năm 1978
- 1323 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁNH**
 Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 5 năm 1957
 Số bằng: 3T 028 cp Quyết định số: 1506/TTGa ngày 29 tháng 12 năm 1978
- 1324 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐĂNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1962
 Số bằng: 7N 927 bm Quyết định số: 1398/TTGa ngày 8 tháng 12 năm 1998
- 1325 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐIỀU**
 Tiểu đội phó an Ninh vũ trang, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: 2R 340 bm Quyết định số: 1265/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1326 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÀNH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1974
 Số bằng: 7N 790 bm Quyết định số: 1433/TTGa ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 1327 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GÀM**
 ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1967
 Số bằng: 1M 096 km Quyết định số: 1265/TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1328 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC HOÀNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1966
 Số bằng: 90 642 bm Quyết định số: 299/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1980
- 1329 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÔNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Hào, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1961
 Số bằng: 1Z 316 km Quyết định số: 1652/TTGa ngày 7 tháng 12 năm 1977

- 1330 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN KHUYỄN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 11 năm 1950
 Số bằng: 2DC 322 bp Quyết định số: 254/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982
- 1331 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MỘT**
 Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1973
 Số bằng: 3G 432 cm Quyết định số: 940/TTga ngày 25 tháng 8 năm 1978
- 1332 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NGỌC**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: 2X 093 km Quyết định số: 787/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1978
- 1333 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐỨC**
 Trung đội phó du kích, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: 1M 900 km Quyết định số: 1362/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1977
- 1334 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐẦU**
 Chiến sĩ quốc vệ Ty Công an, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1947
 Số bằng: Đì 124 bp Quyết định số: 279/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1977
- 1335 Liệt sĩ: **HỒ VĂN HIẾU**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1974
 Số bằng: 1M 916 km Quyết định số: 1362/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1977
- 1336 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỸ**
 Cán bộ Đoàn thanh niên huyện, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1970
 Số bằng: 3S 400 cm Quyết định số: 1457/TTga ngày 18 tháng 12 năm 1978
- 1337 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỀ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: 2R 223 bm Quyết định số: 1264TTg ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1338 Liệt sĩ: **CAO VĂN HIỂN**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: 2X 009 bm Quyết định số: 787/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1978
- 1339 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NIÊN**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 2 năm 1984
 Số bằng: AU 171 bt Quyết định số: 345/CTKT ngày 18 tháng 9 năm 1985

1340 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÉ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1963
Số bằng: 6L 573 bm Quyết định số: 940/TTga ngày 25 tháng 8 năm 1978

TỈNH HẢI DƯƠNG

1341 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH CHÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Dụ, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 4 năm 1952
Số bằng: ZQ 2,433 bp Quyết định số: 287/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1959

1342 Liệt sĩ: **PHẠM DUY NHẤT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1971
Số bằng: HI 423 bm Quyết định số: 591/TTga ngày 26 tháng 12 năm 1973

1343 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
Số bằng: VN 359 bm Quyết định số: 258/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

1344 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1970
Số bằng: SB 307 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1976

1345 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN MỪNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: TE 154 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1346 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN DŨNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PH 612 bm Quyết định số: 285/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

1347 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỐNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1966
Số bằng: MT 439 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1970

1348 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRẦN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1973
Số bằng: OK 128 bm Quyết định số: 629/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1974

1349 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN VẼ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968
Số bằng: OI 501 bm Quyết định số: 630/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1974

- 1350 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHỆNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1970
Số bằng: AH 107 bm Quyết định số: 99/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1971
- 1351 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ Ý**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1968
Số bằng: VB 717 bm Quyết định số: 261/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 1352 Liệt sĩ: **BÙI VĂN QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1970
Số bằng: AK 550 bm Quyết định số: 73/TTGa ngày 26 tháng 3 năm 1971
- 1353 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HA 549 bm Quyết định số: 384/TTGa ngày 1 tháng 9 năm 1973
- 1354 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Bình, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1973
Số bằng: SA 322 bm Quyết định số: 386/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1976
- 1355 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH TUẤN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Bình, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1971
Số bằng: OS 082 bm Quyết định số: 044/TTGa ngày 30 tháng 1 năm 1975
- 1356 Liệt sĩ: **VŨ DUY PHÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Bình, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GB 563 bm Quyết định số: 228/TTGa ngày 9 tháng 6 năm 1973
- 1357 Liệt sĩ: **VŨ HUY BÁU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Bình, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GN 983 bm Quyết định số: 366/TTGa ngày 22 tháng 8 năm 1973
- 1358 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH LANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Bình, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1974
Số bằng: TE 364 bm Quyết định số: 27/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1977
- 1359 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Bình, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1966
Số bằng: ĐA 461 bm Quyết định số: 448/TTGa ngày 28 tháng 10 năm 1972

- 1360 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Bình, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1975
Số bằng: RH 895 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976
- 1361 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN PHẠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 4 năm 1954
Số bằng: YZ 696 bp Quyết định số: 037/TTg ngày 25 tháng 1 năm 1957
- 1362 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÁNH**
Trung đội trưởng xã đội, Nguyên quán: xã Cỏ Thành, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 2 năm 1954
Số bằng: AC 183 kp Quyết định số: 145/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1968
- 1363 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1953
Số bằng: XX 110 bp Quyết định số: 101/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1960
- 1364 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CHỦ**
Cán bộ tuyên truyền xã, Nguyên quán: xã Lê Bình, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 3 năm 1951
Số bằng: XA 414 cp Quyết định số: 130/TTg ngày 1 tháng 4 năm 1959
- 1365 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THOẠI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 11 năm 1952
Số bằng: XH 454 kp Quyết định số: 112/TTg ngày 23 tháng 5 năm 1960
- 1366 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHIẾT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1953
Số bằng: XH 453 kp Quyết định số: 112/TTg ngày 20 tháng 5 năm 1960
- 1367 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC THẮNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XQ 598 bp Quyết định số: 179/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959
- 1368 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TUẤT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: BX 928 bp Quyết định số: 280/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1960
- 1369 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀI**
Công an thị trấn Cẩm Phả, Nguyên quán: xã Cỏ Thành, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 11 năm 1952
Số bằng: AC 300 cp Quyết định số: 159/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1972

- 1370 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HỌC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Huệ, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1970
Số bằng: CL 539 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1972
- 1371 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phạm Trấn, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 6 năm 1981
Số bằng: 2AB 207 bt Quyết định số: 211/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982
- 1372 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LIÊU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Thành, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: TE 372 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977
- 1373 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KIẾT**
Công nhân nề Công ty Kiến trúc Ưông Bí, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1966
Số bằng: AM 178 cm Quyết định số: 176/TTg ngày 19 tháng 10 năm 1967
- 1374 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 8 năm 1953
Số bằng: BX 968 bp Quyết định số: 280/TTg ngày 17 tháng 11 năm 1960
- 1375 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN THÀNH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phạm Trấn, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1970
Số bằng: AH 915 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1971
- 1376 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã ái Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 12 năm 1946
Số bằng: XK 088 kp Quyết định số: 280/TTg ngày 17 tháng 11 năm 1960
- 1377 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẨM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 3 năm 1954
Số bằng: YZ 988 bp Quyết định số: 62/TTg ngày 27 tháng 2 năm 1957
- 1378 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NHỰ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã ái Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 1 năm 1946
Số bằng: XD 561 kp Quyết định số: 329/TTg ngày 1 tháng 9 năm 1959
- 1379 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN KHÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Đồng, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9L 610 bt Quyết định số: 102/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1980

- 1380 Liệt sĩ: **ĐỒNG DUYÊN HÙNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã ái Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1973
 Số bằng: NB 342 bm Quyết định số: 306/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974
- 1381 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN NHƯNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: EG 591 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1973
- 1382 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÁT**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Bình, thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: VK 115 bm Quyết định số: 214/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1383 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHẤT**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1970
 Số bằng: LH 840 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1974
- 1384 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÍNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Bình, thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: RL 265 bm Quyết định số: 277/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976
- 1385 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HẢI**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Bình, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1973
 Số bằng: RL 637 bm Quyết định số: 304/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1976
- 1386 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH NGHIỆM**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: VD 483 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 1387 Liệt sĩ: **LÊ NGUYỄN HÀ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Nhà số 5A Tuy An, Tiểu khu Hoàng Văn Thụ, thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: QE 618 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1975
- 1388 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH HỒNG**
 Binh nhì Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã ái Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1964
 Số bằng: OX 725 bm Quyết định số: 174/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1964
- 1389 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN TƯ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã ái Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1967
 Số bằng: QG 237 bm Quyết định số: 500/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1975

- 1390 Liệt sĩ: **MẠC ĐỨC THANH**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã ái Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1970
 Số bằng: PZ 261 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1975
- 1391 Liệt sĩ: **MAI BÌNH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Minh, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: RS 876 bm Quyết định số: 391/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1976
- 1392 Liệt sĩ: **NINH VĂN THIÊN**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1973
 Số bằng: OY 726 bm Quyết định số: 256/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 1393 Liệt sĩ: **HÒ VĂN TUẤT**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Dân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1952
 Số bằng: XD 895 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1958
- 1394 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN MÍCH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cỏ Dưng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1954
 Số bằng: XB 603 bp Quyết định số: 559/TTg ngày 13 tháng 12 năm 1957
- 1395 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 6 năm 1954
 Số bằng: CX 616 bp Quyết định số: 322/TTg ngày 19 tháng 12 năm 1960
- 1396 Liệt sĩ: **TẶNG VĂN NGƯ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Tân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1970
 Số bằng: LH 880 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1974
- 1397 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LAI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Tân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: HT 719 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1973
- 1398 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÁN**
 Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Bình Dân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1952
 Số bằng: XA 3,000cp Quyết định số: 322/TTg ngày 19 tháng 12 năm 1960
- 1399 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN Y**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 4 năm 1952
 Số bằng: CX 528 bp Quyết định số: 322/TTg ngày 19 tháng 12 năm 1960

- 1400 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LY**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1970
 Số bằng: EN 430 bm Quyết định số: 152/TTGa ngày 17 tháng 4 năm 1973
- 1401 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHỊ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: TG 910 bm Quyết định số: 99/TTGa ngày 22 tháng 2 năm 1977
- 1402 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY NHƯỜNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Phúc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: RY 483 bm Quyết định số: 377/TTGa ngày 11 tháng 8 năm 1976
- 1403 Liệt sĩ: **BÙI MẠNH HIỀN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Phúc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: ON 118 bm Quyết định số: 632/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1974
- 1404 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRUNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1974
 Số bằng: TE 607 bm Quyết định số: 575/TTGa ngày 28 tháng 12 năm 1976
- 1405 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÂN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1965
 Số bằng: QG 241 bm Quyết định số: 500/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1975
- 1406 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỤ**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1954
 Số bằng: XC 115 kp Quyết định số: 176/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959
- 1407 Liệt sĩ: **TRỊNH BÌNH MINH**
 Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Thái, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: OD 105 bm Quyết định số: 513/TTGa ngày 4 tháng 10 năm 1974
- 1408 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUYNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
 Số bằng: EG 453 bm Quyết định số: 137/TTGa ngày 12 tháng 4 năm 1973
- 1409 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BƯỚNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quyết Thắng, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1973
 Số bằng: PA 008 bm Quyết định số: 190/TTGa ngày 23 tháng 5 năm 1975

- 1410 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THẠ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1969
 Số bằng: MA 853 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 6 tháng 3 năm 1970
- 1411 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÁCH**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hùng Thắng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1954
 Số bằng: YZ 518 kp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 1412 Liệt sĩ: **TRẦN DANH PHƯƠNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: TS 101 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1977
- 1413 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG CHÚC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: VM 849 bm Quyết định số: 48/TTga ngày 24 tháng 2 năm 1970
- 1414 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU KIẾN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Quang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1974
 Số bằng: SD 564 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1976
- 1415 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TOÀN**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: AB 323 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971
- 1416 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY TÙNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: YB 999 bm Quyết định số: 390/Ttga ngày 6 tháng 5 năm 1977
- 1417 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC CHẮC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Dân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: VM 659 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 16 tháng 2 năm 1970
- 1418 Liệt sĩ: **PHAN THANH THẢO**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Số 35 Bùi Thị Cúc, thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: PM 745 bm Quyết định số: 134/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1969
- 1419 Liệt sĩ: **MINH VĂN TRUY**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1953
 Số bằng: XL 444 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1958

1420 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH BƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1967

Số bằng: QA 738 bm Quyết định số: 442/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1975

1421 Liệt sĩ: **VŨ QUANG TÚC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lê Bình, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1966

Số bằng: QG 286 bm Quyết định số: 500/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1975

1422 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1954

Số bằng: BX 971 bp Quyết định số: 280/TTg ngày 17 tháng 11 năm 1960

TỈNH BẮC GIANG

1423 Liệt sĩ: **VŨ VIỆT CAN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1966

Số bằng: AB 031 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1971

1424 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LONG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 81 995 bt Quyết định số: 462/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

1425 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DỌC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thanh Luận, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1948

Số bằng: MX 492 kp Quyết định số: 222/TTga ngày 14 tháng 6 năm 2000

1426 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**

Binh nhì Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Vĩ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1972

Số bằng: LG 757 bm Quyết định số: 452/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

1427 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972

Số bằng: LR 885 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1974

1428 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU BÓN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1975

Số bằng: SQ 522 bm Quyết định số: 527/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1976

1429 Liệt sĩ: **HÀ ĐĂNG CÁN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1971

Số bằng: UO 759 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

- 1430 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN CHƯ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1967
 Số bằng: TA 400 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 1431 **Liệt sĩ: HÀ VĂN SÁU**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 11 năm 1983
 Số bằng: CD 058 bt Quyết định số: 33-CTKT ngày 1 tháng 3 năm 1989
- 1432 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN THỦY**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: NV 520 bm Quyết định số: 507/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974
- 1433 **Liệt sĩ: ĐỖ ĐỨC ĐỊNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: KB 059 bm Quyết định số: 425/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 1434 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN TÁM**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: UY 186 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977
- 1435 **Liệt sĩ: PHẠM XUÂN THU**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: ET 425 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 3 tháng 5 năm 1973
- 1436 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÚC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1971
 Số bằng: HD 816 bm Quyết định số: 496/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973
- 1437 **Liệt sĩ: PHẠM QUỐC HỘI**
 Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: ĐY 493 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1973
- 1438 **Liệt sĩ: NGUYỄN THÀNH TÔ**
 Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1965
 Số bằng: PX 580 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1966
- 1439 **Liệt sĩ: TẠ ĐĂNG CHỨC**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: SY 593 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

1440 Liệt sĩ: **CHU VĂN THẢO**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lăng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 5 năm 1953
Số bằng: LX 319 bp Quyết định số: 80/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1962

1441 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOÁT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: HM 686 bm Quyết định số: 507/TTga ngày 27 tháng 4 năm 2012

1442 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỰ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8V 054 bt Quyết định số: 704/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979

1443 Liệt sĩ: **CHU BÁ NỔ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1968
Số bằng: HD 786 bm Quyết định số: 496/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

1444 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG HOÀN**

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZG 732 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

TỈNH BẠC LIÊU

1445 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC EM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1971
Số bằng: 5Q 425 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978

1446 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẤN**

Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1971
Số bằng: 1I 290 km Quyết định số: 1149/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977

1447 Liệt sĩ: **LÊ MINH MẠNH (QUANG)**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3P 588 bm Quyết định số: 1584/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977

1448 Liệt sĩ: **LÂM VĂN CHIÊN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 3X 361 bm Quyết định số: 1704/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977

1449 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHANG**

Công an viên thị xã, Nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 2A 016 cm Quyết định số: 1678/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977

- 1450 Liệt sĩ: **LÂM VĂN ĐỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 3x 349 bm Quyết định số: 1704/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 1451 Liệt sĩ: **LÂM VĂN CÁC**
Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 2A 256 cm Quyết định số: 1704/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 1452 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐẸP**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1972
Số bằng: H 815 km Quyết định số: 081/CTKT ngày 2 tháng 3 năm 1983
- 1453 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀ**
Thượng sĩ Công an nhân dân, Nguyên quán: xã Vĩnh Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 2L 509 cm Quyết định số: 307/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978
- 1454 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HOÀNG**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1971
Số bằng: 2G 564 km Quyết định số: 239/Ttga ngày 17 tháng 3 năm 1978
- 1455 Liệt sĩ: **DANH CHUỘI**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 6D 960 bm Quyết định số: 822/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1978
- 1456 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hưng A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 9L 061 bm Quyết định số: 136/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1980
- 1457 Liệt sĩ: **LÂM VĂN MẾN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1971
Số bằng: CY 531 km Quyết định số: 49/CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 1458 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIÊU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 5 năm 1968
Số bằng: 8N 726 bm Quyết định số: 515 TTga ngày 11 tháng 7 năm 1979
- 1459 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN NGỌC**
Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1966
Số bằng: CH 927 km Quyết định số: 346 CTKT ngày 7 tháng 12 năm 1990

- 1460 Liệt sĩ: **ĐỒNG VĂN HUỖNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 3X 250 Quyết định số: 1705 TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 1461 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HÀ**
Trung đội phó Công an nhân dân, Nguyên quán: xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1969
Số bằng: R 630 cm Quyết định số: 389 CTKT ngày 3 tháng 11 năm 1983
- 1462 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 1Z 128 bm Quyết định số: 1006 TTga ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 1463 Liệt sĩ: **BÀNH VĂN SỸ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ B, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 3U 942 bm Quyết định số: 21 TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 1464 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LỰA**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 5Q 540 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1978
- 1465 Liệt sĩ: **ĐỒNG VĂN MỘT**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1962
Số bằng: 1A 837 km Quyết định số: 1024 TTga ngày 19 tháng 9 năm 1977
- 1466 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN SANG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1966
Số bằng: CR 717 km Quyết định số: 67 CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 1467 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: quận 6, Tp Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 2 năm 1987
Số bằng: CI 365 bt Quyết định số: 190/CTKT ngày 19 tháng 10 năm 1990
- 1468 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÙNG**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Minh Diệu, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1972
Số bằng: 4I 140 cm Quyết định số: 154/TTga ngày 5 tháng 3 năm 1980
- 1469 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Diệu, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1971
Số bằng: 3U 963 bm Quyết định số: 21/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

- 1470 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN NHUẬN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Diệu, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1963
Số bằng: 8U 460 bm Quyết định số: 684/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1979
- 1471 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỀM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Diệu, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1960
Số bằng: 5Q 190 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 25 tháng 9 năm 1978
- 1472 Liệt sĩ: **PHAN VĂN SÓI**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Minh Diệu, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3G 831 km Quyết định số: 1241/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1978
- 1473 Liệt sĩ: **LÝ VĂN KHANH**
y tá xã, Nguyên quán: xã Minh Diệu, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 2A 216 cm Quyết định số: 1704/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 1474 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Diệu, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1965
Số bằng: 1Z 120 bm Quyết định số: 1006/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 1475 Liệt sĩ: **ĐOÀN NGỌC CHÂU**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Giá Rai, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 4P 272 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 1476 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN DƯ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ B, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 1Z 483 km Quyết định số: 678/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 1477 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phú Đông, huyện Hồng Dân, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 5Đ 720 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1978
- 1478 Liệt sĩ: **VĂN THÀNH LIÊN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ B, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 3R 293 bm Quyết định số: 553/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 1479 Liệt sĩ: **NGÔ SƯỜN QUÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phú Đông, huyện Hồng Dân, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VO 999 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

- 1480 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1965
Số bằng: AA 510 bm Quyết định số: 209/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984
- 1481 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phú Tây, huyện Hồng Dân, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 9K 984 bm Quyết định số: 136/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1980
- 1482 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH LÝ**
Chi ủy chi bộ xã Vĩnh Mỹ B, Nguyên quán: xã Vĩnh Phú Tây, huyện Hồng Dân, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1959
Số bằng: N 170 cm Quyết định số: 233/CTKT ngày 22 tháng 6 năm 1983
- 1483 Liệt sĩ: **CHÂU VĂN CẠO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1968
Số bằng: BK 928 bm Quyết định số: 192/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987
- 1484 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÓ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 2Y 185 km Quyết định số: 822/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1978
- 1485 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÉ**
Cán bộ Ty an ninh, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 3N 535 cm Quyết định số: 1270/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1978
- 1486 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN SOI**
Trưởng ban nhân dân ấp, Nguyên quán: xã Long Điền, huyện Giá Rai, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1964
Số bằng: DS 439 cm Quyết định số: 308/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1995
- 1487 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1973
Số bằng: 3X 248 bm Quyết định số: 1705/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 1488 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NGOẠT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 9V 001 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1980
- 1489 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN XỆ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1963
Số bằng: 5P 949 bm Quyết định số: 544/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1978

- 1490 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LỰC**
Ủy viên chi bộ xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968
Số bảng: 2A 054 cm Quyết định số: 678/TTGa ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 1491 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾN**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong
nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972
Số bảng: 2A 263 cm Quyết định số: 1704/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 1492 Liệt sĩ: **HỒNG VĂN BẦY**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh
trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bảng: 1Z 435 km Quyết định số: 678/TTGa ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 1493 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẬU**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự
nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1966
Số bảng: 1Z 812 km Quyết định số: 1720/TTGa ngày 14 tháng 12 năm 1977
- 1494 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1968
Số bảng: 5Q 269 bm Quyết định số: 570/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 1495 Liệt sĩ: **HÒA VĂN SANG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh
Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1962
Số bảng: 4V 130 bm Quyết định số: 289/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1496 Liệt sĩ: **SON CUỒL**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bảng: EA 289 km Quyết định số: 675/TTGa ngày 29 tháng 6 năm 1999
- 1497 Liệt sĩ: **LÂM VĂN SUỐL**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh
Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1965
Số bảng: 3X 372 bm Quyết định số: 1704/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 1498 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RẾT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1971
Số bảng: 3B 924 km Quyết định số: 1099/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 1499 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀ**
Thượng sĩ Công an nhân dân, Nguyên quán: xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy
sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969
Số bảng: 2L 509 cm Quyết định số: 307/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1978

- 1500 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 2 năm 1952
Số bằng: ĐN 902 kp Quyết định số: 995/TTg ngày 22 tháng 11 năm 1997
- 1501 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CỎI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1963
Số bằng: 9L 009 bm Quyết định số: 136/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1980
- 1502 Liệt sĩ: **TÔ VĂN CHI**
Phó ban an ninh xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1965
Số bằng: 1L 674 cm Quyết định số: 1226/TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 1503 Liệt sĩ: **TÔ VĂN ĐẬU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
Số bằng: 4S 111 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978
- 1504 Liệt sĩ: **PHAN VĂN PHỤNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 4A 257 km Quyết định số: 108/CTKT ngày 9 tháng 12 năm 1981
- 1505 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯƠI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1971
Số bằng: 8Đ 499 bm Quyết định số: 319/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1979
- 1506 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÙNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 3X 351 bm Quyết định số: 1704/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 1507 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN ĐĂNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ A, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 4S 112 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978
- 1508 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN SĨ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Điền Đông, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1975
Số bằng: 2Y 248 km Quyết định số: 834/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1978
- 1509 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Thạnh Tây, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 6N 549 bm Quyết định số: 1003/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

- 1510 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN THỎI**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Phong Thạnh Đông, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1971
Số bằng: 2O 171 km Quyết định số: 381/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978
- 1511 Liệt sĩ: **CHÂU SỎ HỀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, huyện Ba Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1966
Số bằng: 3D 080 cm Quyết định số: 905/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 1512 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỀ**
Đoàn viên Thanh niên, Nguyên quán: xã Long Điền Tiến, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1956
Số bằng: DI 050 cm Quyết định số: 247/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1993
- 1513 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠNH**
Cán bộ Ty Công an, Nguyên quán: xã Phong Thạnh Đông, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2A 725 cm Quyết định số: 40/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 1514 Liệt sĩ: **VÕ VĂN QUÝ**
Cán bộ giao liên thị trấn, Nguyên quán: xã Mỹ Đức, huyện Thạnh Trị, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3P 396 cm Quyết định số: 1333/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 1515 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TIỂU**
Nông cốt Đảng, Nguyên quán: xã Phong Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1940
Số bằng: BĐ 182 cp Quyết định số: 192/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1986
- 1516 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÓN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1947
Số bằng: CY 404 bp Quyết định số: 288/CTKT ngày 17 tháng 12 năm 1991
- 1517 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hưng, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 7K 948 bm Quyết định số: 1452/TTga ngày 20 tháng 12 năm 1978
- 1518 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GIÁO**
Phó Bí thư Chi đoàn xã, Nguyên quán: xã Tân Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1961
Số bằng: CR 786 cm Quyết định số: 67/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 1519 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XUÂN**
A Trưởng, giao bưu Tây Nam Bộ, Nguyên quán: xã Tân Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 3H 521 cm Quyết định số: 1028/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

- 1520 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THINH**
 Trưởng ban quân sự ấp, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: BA 822 km Quyết định số: 72/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1986
- 1521 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÍNH**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1962
 Số bằng: CA 107 km Quyết định số: 199 CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1988
- 1522 Liệt sĩ: **HÒ VĂN TRÒN**
 Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1969
 Số bằng: DO 248 km Quyết định số: 45/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1995
- 1523 Liệt sĩ: **VÕ TRÍ TÙNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Mỹ B, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1969
 Số bằng: 3X 283 bm Quyết định số: 1705/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977
- 1524 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC TUẤN**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 4 năm 1989
 Số bằng: CR 536 bt Quyết định số: 65 CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 1525 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHIÊU**
 Bí thư Đảng ủy xã, Nguyên quán: thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1975
 Số bằng: AA 601 cm Quyết định số: 209/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984
- 1526 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TƯ**
 Công dân, Nguyên quán: thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1946
 Số bằng: EE 831 cp Quyết định số: 344/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2000
- 1527 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN SƠN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Thạnh Đông, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: 4V 982 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 13 tháng 3 năm 1978
- 1528 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỸ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1966
 Số bằng: 7G 727 bm Quyết định số: 1388/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 1529 Liệt sĩ: **TRẦN THANH TÙNG**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: 7A 817 bm Quyết định số: 1279/TTga ngày 10 tháng 11 năm 1978

- 1530 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGUYỄN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1967
Số bằng: EU 131 km Quyết định số: 176/QĐ-TTg ngày 27 tháng 2 năm 2002
- 1531 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHÂU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 8Đ 109 bm Quyết định số: 345/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 1532 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH MINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1962
Số bằng: 8AA 295 bm Quyết định số: 108 CTKT ngày 9 tháng 12 năm 1981

TỈNH CÀ MAU

- 1533 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1974
Số bằng: 5Q 553 bm Quyết định số: 586/TTGa ngày 5 tháng 6 năm 1978
- 1534 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XIÊU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Bình Đông huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1974
Số bằng: 3R 174 bm Quyết định số: 1553/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 1535 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ỨT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 8Đ 524 bm Quyết định số: 304/TTGa ngày 2 tháng 5 năm 1979
- 1536 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 6P 885 bm Quyết định số: 1051/TTGa ngày 15 tháng 9 năm 1978
- 1537 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẬP**
Xã Đội phó, Nguyên quán: xã Thạnh Trung, thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1970
Số bằng: R 581 km Quyết định số: 425/CTKT ngày 23 tháng 11 năm 1983
- 1538 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SÁU**
Tổ trưởng Nông hội, Nguyên quán: xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1961
Số bằng: 1H 858 cm Quyết định số: 1006/TTGa ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 1539 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIẾT**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1972
Số bằng: A 587 km Quyết định số: 281/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1989

- 1540 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LÂM**
 Trung đội phó du kích, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1974
 Số bằng: 1L 918 km Quyết định số: 1333/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 1541 **Liệt sĩ: LÂM VĂN GỌN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 12 năm 1978
 Số bằng: 9L 078 bt Quyết định số: 136/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1980
- 1542 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÔNG**
 Phó Ban an ninh xã, Nguyên quán: xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: BP 514 ct Quyết định số: 158/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1988
- 1543 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THỐNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1973
 Số bằng: 1M 475 bm Quyết định số: 779/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 1544 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN CHỮ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: 4U 020 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 17 tháng 3 năm 1978
- 1545 **Liệt sĩ: CAO VĂN ANH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: 8Đ 585 bm Quyết định số: 306/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1979
- 1546 **Liệt sĩ: LÊ VĂN NHI**
 Cán bộ, Nguyên quán: xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: 2Q 044 cm Quyết định số: 455/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 1547 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN QUANG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1963
 Số bằng: 5AA 781 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1981
- 1548 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HẢI**
 Tổ Trưởng đội phòng thủ, Nguyên quán: xã Nguyễn Việt Khái, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: 3L 123 cm Quyết định số: 1146/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1978
- 1549 **Liệt sĩ: TRẦN NGỌC TIẾP**
 Trưởng ban tôn giáo vận tỉnh, Nguyên quán: xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1962
 Số bằng: I 048 cm Quyết định số: 96/CTKT ngày 16 tháng 3 năm 1983

- 1550 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN SÁNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Mỹ huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 6G 382 bm Quyết định số: 939/TTga ngày 25 tháng 8 năm 1978
- 1551 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÊP**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Mỹ huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1974
Số bằng: 6Y 040 bm Quyết định số: 1240/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1978
- 1552 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DUNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hưng A, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 4U 006 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 17 tháng 3 năm 1978
- 1553 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ÉN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Mỹ A, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 3K 116 km Quyết định số: 1339/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1979
- 1554 Liệt sĩ: **LƯU VĂN HUẤN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1974
Số bằng: 6N 490 bm Quyết định số: 1003/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 1555 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN PHÁT**
Công dân, Nguyên quán: xã Tân Hưng Tây, huyện Cái Nước, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1963
Số bằng: DZ 998 km Quyết định số: 459/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1996
- 1556 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NĂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1968
Số bằng: 8Đ 297 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1979
- 1557 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN DƯƠNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 2Q 326 km Quyết định số: 426/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 1558 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trần Phán, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 7G 941 bm Quyết định số: 1341/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 1559 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1962
Số bằng: 2Q 655 km Quyết định số: 486/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978

1560 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÁNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trần Thới, huyện Cái Nướ, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1973
Số bằng: 4V 323 bm Quyết định số: 221/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1978

1561 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUỜ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 7 năm 1949
Số bằng: CI 961 bp Quyết định số: 186/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1990

1562 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐƯỢC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1949
Số bằng: CI 962 bp Quyết định số: 186/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1990

1563 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỶ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Lạc huyện Trần Văn Thới, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1965
Số bằng: 2R 048 bm Quyết định số: 1385/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977

1564 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÃNH**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Khánh Bình huyện Trần Văn Thới, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1971
Số bằng: 3E 629 km Quyết định số: 1146/TTGa ngày 9 tháng 10 năm 1978

1565 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THẢ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lý Văn Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1971
Số bằng: 1G 111 km Quyết định số: 1175/TTGa ngày 12 tháng 10 năm 1977

1566 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THẮNG**

Đội viên du kích ấp, Nguyên quán: xã Phong Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 3K 893 km Quyết định số: 1458/TTGa ngày 22 tháng 12 năm 1978

1567 Liệt sĩ: **HUỶNH KIỂM SÉNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: 7A 812 bm Quyết định số: 1279/TTGa ngày 10 tháng 11 năm 1978

1568 Liệt sĩ: **LÊ HOÀNG MAI**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thới, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 5E 845 bm Quyết định số: 406/TTGa ngày 24 tháng 4 năm 1978

1569 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGÀN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thới, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1962
Số bằng: A 820 bm Quyết định số: 281/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982

- 1570 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 6P 780 bm Quyết định số: 1051/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1978
- 1571 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ THU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 6Q 004 bm Quyết định số: 1065/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978
- 1572 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1962
Số bằng: DS 375 km Quyết định số: 308/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1995
- 1573 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÂN SÂM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tác, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 9E 316 bm Quyết định số: 850/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 1574 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NĂNG**
Nhân viên ty công an, Nguyên quán: xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3I 270 cm Quyết định số: 1065 TTga ngày 18 tháng 9 năm 1978
- 1575 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THÔNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Lý Văn Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 1G 109 km Quyết định số: 1175/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 1576 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TÂM**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Lý Văn Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 1G 110 km Quyết định số: 1175/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 1577 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN LỢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hiệp huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1971
Số bằng: CR 620 bm Quyết định số: 66/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 1578 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 6X 975 bm Quyết định số: 1240/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1978
- 1579 Liệt sĩ: **VÕ MINH ĐẮC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 6X 972 bm Quyết định số: 1240/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1978

- 1580 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ÚT**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1963
 Số bằng: 7K 986 bm Quyết định số: 1452/TTGa ngày 20 tháng 12 năm 1978
- 1581 Liệt sĩ: **TẠ VĂN NGOẢNH**
 Tổ trưởng giao liên xã, Nguyên quán: xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1959
 Số bằng: AA 599 cm Quyết định số: 209/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984
- 1582 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIỂN**
 Xã Đội phó, Nguyên quán: xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1960
 Số bằng: 3D 114 km Quyết định số: 1095/TTGa ngày 18 tháng 9 năm 1978
- 1583 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÃNH**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Khánh Bình huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1971
 Số bằng: 3E 629 km Quyết định số: 1146/TTGa ngày 9 tháng 10 năm 1978
- 1584 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SANH**
 Thường vụ Khu ủy Trưởng ban Công an khu 9, Nguyên quán: xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
 Số bằng: 2Q 025 cm Quyết định số: 455/TTGa ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 1585 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẠN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: 3R 198 bm Quyết định số: 1553/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 1586 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÀN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 12 năm 1974
 Số bằng: 6X 980 bt Quyết định số: 1240/TTGa ngày 1 tháng 1 năm 1978
- 1587 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÓN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1964
 Số bằng: 7G 785 bm Quyết định số: 1339/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 1588 Liệt sĩ: **HUYỀN VĂN DỪNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1953
 Số bằng: 1LC 958 bm Quyết định số: 1059/TTGa ngày 18 tháng 9 năm 1978
- 1589 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐĂNG**
 Nhân viên giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Khánh Hưng A, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
 Số bằng: N 157 cm Quyết định số: 233/CTKT ngày 22 tháng 6 năm 1983

- 1590 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHỎE**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: 3G 284 bm Quyết định số: 1533/TTGa ngày 23 tháng 11 năm 1978
- 1591 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LANG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hưng, huyện Trần văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1965
 Số bằng: 3D 150 bm Quyết định số: 905/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 1592 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU XUÂN**
 Phó ban Tổ chức tỉnh ủy, Nguyên quán: xã Khánh Hưng A, huyện Trần văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1967
 Số bằng: 3V 938 cm Quyết định số: 306/TTGa ngày 2 tháng 5 năm 1979
- 1593 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THOA**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hưng A, huyện Trần văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: 8Đ 326 bm Quyết định số: 308/TTGa ngày 2 tháng 5 năm 1979
- 1594 **Liệt sĩ: NGUYỄN THANH HÒA**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hưng A, huyện Trần văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: 5Q 636 bm Quyết định số: 586/TTGa ngày 5 tháng 6 năm 1978
- 1595 **Liệt sĩ: PHẠM CÔNG THẬU**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1960
 Số bằng: 9Y 332 bm Quyết định số: 705/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1980
- 1596 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN THÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Công, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1970
 Số bằng: NĐ 252 bm Quyết định số: 407/TTg ngày 10 tháng 8 năm 1974
- 1597 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BẰNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1960
 Số bằng: A 803 bm Quyết định số: 281/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982
- 1598 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NẤY**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phong, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 5 năm 1946
 Số bằng: OC 596 kp Quyết định số: 1240/TTGa ngày 01 tháng 11 năm 1978
- 1599 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN XUÂN**
 ấp đội phó, Nguyên quán: xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1963
 Số bằng: 1Y 621 km Quyết định số: 1640/TTGa ngày 12 tháng 5 năm 1977

- 1600 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC DẬU**
 Tổ trưởng giao liên xã, Nguyên quán: xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1962
 Số bảng: H 865 cm Quyết định số: 081/CTKT ngày 2 tháng 3 năm 1983
- 1601 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN BẠO**
 Tổ trưởng Giao thông, Nguyên quán: xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1967
 Số bảng: DE 126 cm Quyết định số: 193/CTKT ngày 16 tháng 9 năm 1992
- 1602 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀU**
 Phó ban binh vận, Nguyên quán: xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1969
 Số bảng: 2V 953 cm Quyết định số: 568/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 1603 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIÊN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1974
 Số bảng: 4V 126 bm Quyết định số: 289/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1604 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂM**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1966
 Số bảng: 5Q 453 bm Quyết định số: 571/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 1605 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁM**
 Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Phong Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1972
 Số bảng: CY 580 cm Quyết định số: 49/CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 1606 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TIÊN**
 Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Long An, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1961
 Số bảng: 2G 982 cm Quyết định số: 239/TTGa ngày 17 tháng 3 năm 1978
- 1607 Liệt sĩ: **VÕ VĂN MÀU**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1965
 Số bảng: 1K 675 km Quyết định số: 1583/TTGa ngày 25 tháng 12 năm 1977
- 1608 Liệt sĩ: **VÕ VĂN KỊCH**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
 Số bảng: 1Y 580 km Quyết định số: 1656/TTGa ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 1609 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁT**
 Đội viên du kích ấp, Nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1974
 Số bảng: C 798 km Quyết định số: 06/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1983

- 1610 **Liệt sĩ: HUỖNH CÔNG CHIẾN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1963
 Số bằng: 9Z 597 bm Quyết định số: 763/TTGa ngày 15 tháng 12 năm 1980
- 1611 **Liệt sĩ: TRẦN NGỌC ANH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 04 năm 1971
 Số bằng: 1K 847 bm Quyết định số: 744/TTGa ngày 18 tháng 7 năm 1977
- 1612 **Liệt sĩ: TRẦN NGỌC EM**
 Cán bộ công an vũ trang, Nguyên quán: xã Sóc Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1970
 Số bằng: XM 650 cm Quyết định số: 735/TTGa ngày 15 tháng 10 năm 1999
- 1613 **Liệt sĩ: VÕ VĂN VẠN**
 Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Thới Bình, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1967
 Số bằng: 5N 941 cm Quyết định số: 108/CTKT ngày 9 tháng 12 năm 1981
- 1614 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ÂN**
 Tổ trưởng giao liên ấp, Nguyên quán: , tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: ĐU 867 cm Quyết định số: 19/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1999
- 1615 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN SƯƠNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: 2Q 878 bm Quyết định số: 427/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 1616 **Liệt sĩ: ĐỖ VĂN CẨM**
 Cán bộ cơ sở ấp, Nguyên quán: xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1962
 Số bằng: 6N 526 cm Quyết định số: 131/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982
- 1617 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN VÂN**
 Ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1949
 Số bằng: CX 915 kp Quyết định số: 58/CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 1618 **Liệt sĩ: ĐẶNG HOÀNG MY**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1957
 Số bằng: 6L 331 bm Quyết định số: 167/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1980
- 1619 **Liệt sĩ: TẠ NGỌC DỨ**
 Công dân, Nguyên quán: xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1958
 Số bằng: 2G 902 cm Quyết định số: 233/TTGa ngày 17 tháng 3 năm 1978

- 1620 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC BÉ**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
 Số bằng: 9C 973 bm Quyết định số: 874/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1979
- 1621 Liệt sĩ: **HÀNG VĂN HAI**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 2 năm 1987
 Số bằng: DS 397 kt Quyết định số: 308/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1995
- 1622 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BƯỜNG**
 ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: 1M 035 km Quyết định số: 1352/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1977
- 1623 Liệt sĩ: **TÔ VĂN CHÂU**
 ấp đội phó, Nguyên quán: xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1962
 Số bằng: 3P 657 km Quyết định số: 418/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1978
- 1624 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN SIÊNG**
 ấp đội phó, Nguyên quán: xã Nam Tạ, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1963
 Số bằng: CH 896 km Quyết định số: 346/CTKT ngày 7 tháng 12 năm 1990
- 1625 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DẪN**
 Cán bộ địa phương, Nguyên quán: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1958
 Số bằng: 3B 351 cm Quyết định số: 847/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978
- 1626 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỰC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1971
 Số bằng: 2G 970 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 17 tháng 3 năm 1978
- 1627 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TRUNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 1 năm 1989
 Số bằng: CX 280 bt Quyết định số: 58/CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 1628 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HÓN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1973
 Số bằng: 7K 704 bm Quyết định số: 1458/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1978
- 1629 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAY**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1974
 Số bằng: 2T 004 km Quyết định số: 568/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1985

- 1630 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1964
Số bằng: 6P 392 bm Quyết định số: 1071/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1978
- 1631 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TỐI**
Cán bộ Nông Hội ấp, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1962
Số bằng: 1Z 344 cm Quyết định số: 1640/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1977
- 1632 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÔNG**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã An Xuyên, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 2V 644 cm Quyết định số: 568/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1978
- 1633 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN QUANG**
Bí thư xã, Nguyên quán: xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1971
Số bằng: C 775 cm Quyết định số: 06/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1983
- 1634 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1961
Số bằng: 5Q 711 bm Quyết định số: 561/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 1635 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH SÔNG**
Trưởng ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phú Hưng huyện Trần Văn Thời, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3U 644 cm Quyết định số: 186/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1979
- 1636 Liệt sĩ: **LƯU HOÀNG KHẢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7G 839 bm Quyết định số: 1322/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1978
- 1637 Liệt sĩ: **LÂM VĂN LỘC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1961
Số bằng: 6Y 037 bm Quyết định số: 1240/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1978
- 1638 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1973
Số bằng: 5Q 561 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1978
- 1639 Liệt sĩ: **LƯU VĂN LƯỢT**
Chiến sĩ du kích, Nguyên quán: xã Lý Văn Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1973
Số bằng: 1G 115 km Quyết định số: 1175/TTga ngày 12 tháng 5 năm 1977

- 1640 Liệt sĩ: **LÂM VĂN NHIỆM**
Ấp đội phó du kích, Nguyên quán: xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: BA 775 km Quyết định số: 48/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1986
- 1641 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HIỆP**
Cán bộ liên lạc viên ấp, Nguyên quán: xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1970
Số bằng: CI 317 cm Quyết định số: 194/CTKT ngày 25 tháng 10 năm 1990
- 1642 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẮNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1974
Số bằng: 2R 901 km Quyết định số: 569/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 1643 Liệt sĩ: **MAI VĂN BẦY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Long, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1966
Số bằng: 3P 601 bm Quyết định số: 1584 TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 1644 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1972
Số bằng: CY 522 km Quyết định số: 49/CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1992
- 1645 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Minh Diệu, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 3E 602 km Quyết định số: 1146/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1978
- 1646 Liệt sĩ: **LÂM VĂN DIẾP**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1960
Số bằng: 3X 574 km Quyết định số: 625/TTga ngày 24 tháng 9 năm 1980
- 1647 Liệt sĩ: **HỒ VĂN THẠNH**
Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Khánh Lộc huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1963
Số bằng: 3X 716 km Quyết định số: 651/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1980
- 1648 Liệt sĩ: **HUỖNH HỮU PHÚC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ An Khương huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 3M 591 bm Quyết định số: 1796/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 1649 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN THUẬN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1964
Số bằng: BA 819 km Quyết định số: 72/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1986

- 1650 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỰT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1965
Số bằng: 8Đ 324 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1979
- 1651 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THIẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8K 861 bm Quyết định số: 417/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 1652 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MÁCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 2O 250 bm Quyết định số: 1270/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1977
- 1653 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẮNG**
ấp Đội Trưởng, Nguyên quán: xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 5A 089 km Quyết định số: 251/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1982
- 1654 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÔN**
Trung đội trưởng Dân Quân, Nguyên quán: xã Hải Tây, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Hà, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1972
Số bằng: BM 402 km Quyết định số: 101/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974
- 1655 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LIÊU**
Phó bí thư hội nông dân huyện Hải Lăng, Nguyên quán: xã Hải Tân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1947
Số bằng: GB 425 cp Quyết định số: 113QĐ-TTg ngày 24 tháng 1 năm 2003
- 1656 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN ĐÀ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Xuyên, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1970
Số bằng: 3P 647 km Quyết định số: 418/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 1657 Liệt sĩ: **LƯU NGỌC CỨ**
Trưởng Ban Kinh Tài xã, Nguyên quán: xã Tân Thuận, huyện Dầm Dơi, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1962
Số bằng: 5I 243 cm Quyết định số: 1065/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1978
- 1658 Liệt sĩ: **LƯU VĂN THÀNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Thuận, huyện Dầm Dơi, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1960
Số bằng: 2O 177 km Quyết định số: 381/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1978
- 1659 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quách Phẩm, huyện Dầm Dơi, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1970
Số bằng: 5P 924 bm Quyết định số: 544/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1978

- 1660 Liệt sĩ: **HUỖNH THANH HÀ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quách Phẩm , huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 7K 753 bm Quyết định số: 1458/TTga ngày 22 tháng 12 năm 1978
- 1661 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN BẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trần Phán , huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1973
Số bằng: 5Q 358 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 1662 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHẨM**
Công dân, Nguyên quán: xã Tạ An Khương huyện Ngọc Hiển , tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1961
Số bằng: 3Q 525 cm Quyết định số: 1413/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1978
- 1663 Liệt sĩ: **ĐẶNG HÙNG MINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quách Phẩm B, huyện Ngọc Hiển , tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 5Q 665 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1978
- 1664 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN CỐT**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thuận B, huyện Ngọc Hiển , tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 8U 467 bm Quyết định số: 684/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1979
- 1665 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LỢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thành, thị xã Cà Mau, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 6G 275 bm Quyết định số: 834/TTga ngày 31 tháng 7 năm 1978
- 1666 Liệt sĩ: **TÔ VĂN TÍNH**
Dân quân tự vệ ấp, Nguyên quán: xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: ĐU 824 km Quyết định số: 19/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1999
- 1667 Liệt sĩ: **LÂM VĂN ĐỨC**
Phó ban tiếp phẩm quân y xã Hoà Thành, Nguyên quán: xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1962
Số bằng: DD 957 cm Quyết định số: 163/CTKT ngày 1 tháng 9 năm 1992
- 1668 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỌNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Năm Căn huyện Ngọc Hiển, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 8K 932 bm Quyết định số: 417/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 1669 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Năm Căn huyện Ngọc Hiển, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 8K 985 bm Quyết định số: 417/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

- 1670 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 3A 288 bm Quyết định số: 1429/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977

TỈNH BẮC NINH

- 1671 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUÂN**
Trung đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kênh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 9D 359 bm Quyết định số: 876/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1979
- 1672 Liệt sĩ: **NGUYỄN GIA ĐÁN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: SY 068 bm Quyết định số: 524/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 1673 Liệt sĩ: **NGÔ PHÚ PHẦN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 7Z 143 bT Quyết định số: 230/TTGa ngày 4 tháng 4 năm 1979
- 1674 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ ĐƯỢC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1970
Số bằng: NE 542 bm Quyết định số: 257/TTGa ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 1675 Liệt sĩ: **ĐÀO SĨ HIỆP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NE 588 bm Quyết định số: 257/TTGa ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 1676 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC TÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1966
Số bằng: RK 465 bm Quyết định số: 299/TTGa ngày 3 tháng 7 năm 1976
- 1677 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MẠNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1969
Số bằng: SY 699 bm Quyết định số: 534/TTGa ngày 30 tháng 11 năm 1976
- 1678 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1973
Số bằng: 3H 878 bm Quyết định số: 156/TTGa ngày 22 tháng 2 năm 1978
- 1679 Liệt sĩ: **QUÁCH CAO CHI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1969
Số bằng: GJ 810 bm Quyết định số: 532/TTGa ngày 4 tháng 12 năm 1973

1680 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC NGÀI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 8 năm 1979

Số bằng: AI 556 bt Quyết định số: 347/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1984

1681 Liệt sĩ: **CHU VĂN KIỂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiến Thắng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947

Số bằng: XY 732 bp Quyết định số: 467/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1957

TỈNH ĐẮK NÔNG

1682 Liệt sĩ: **Y HUÊ KBUÔR**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Cư Jut, tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1954

Số bằng: RC 012 kp Quyết định số: 588/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

1683 Liệt sĩ: **Y HET KBUÔR**

Đội viên đội công tác thị ủy, Nguyên quán: xã Cư Jut, tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1964

Số bằng: 4A 713 cm Quyết định số: 588/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

1684 Liệt sĩ: **NGUYỄN VỸ**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Đô, huyện Hương Khê, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1974

Số bằng: SH 340 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

1685 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN KỲ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1968

Số bằng: OA 503 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1686 Liệt sĩ: **GIÁP VĂN CHÂN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1973

Số bằng: PI 675 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

1687 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỰ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Kiên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1969

Số bằng: VP 629 bm Quyết định số: 246/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977

1688 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG CA**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Đông, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1971

Số bằng: LH 241 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

TỈNH SÓC TRĂNG

- 1689 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN SƯNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 1AB 390bm Quyết định số: 117/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1982
- 1690 Liệt sĩ: **TRẦN MINH NGUYỆT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 4T 244 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 1691 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẤN**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 2Đ 996 km Quyết định số: 23/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 1692 Liệt sĩ: **KHA VĂN LŨY**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1963
Số bằng: 7Q 636 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1979
- 1693 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN THƯA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1962
Số bằng: 7T 756 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1979
- 1694 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NỜ**
cán bộ đoàn, Nguyên quán: xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 2H 255 cm Quyết định số: 23/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 1695 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ĐỎ**
Giao liên, Nguyên quán: xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3L 904 cm Quyết định số: 1220/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 1696 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRƯỞNG**
Trưởng ban công trường, Nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1970
Số bằng: AD 972 cm Quyết định số: 258/CTKT ngày 25 tháng 7 năm 1984
- 1697 Liệt sĩ: **SƠN VĂN XEM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 9AA 186 bm Quyết định số: 50/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 1698 Liệt sĩ: **TỪ VĂN SỞ**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 1U 849 cm Quyết định số: 1530/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977

- 1699 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CƯỜNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1971
Số bằng: 3G 781 bm Quyết định số: 1617/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 1700 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRƯỜNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: 3L 957 bm Quyết định số: 1529/TTGa ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 1701 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐIỆP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 7H 466 bm Quyết định số: 1331/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 1702 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN KIỀU**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1969
Số bằng: R 303 cm Quyết định số: 375/CTKT ngày 19 tháng 10 năm 1983
- 1703 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VÀNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 8 năm 1986
Số bằng: DB 389 bt Quyết định số: 97/CTKT ngày 27 tháng 4 năm 1992
- 1704 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ĐỨC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1972
Số bằng: 5S 645 bm Quyết định số: 631/TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 1705 Liệt sĩ: **ĐỖ MINH DUY**
Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1957
Số bằng: 3L 897 cm Quyết định số: 1220/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 1706 Liệt sĩ: **ĐỖ MINH HỒNG**
Bí thư xã, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 3L 929 cm Quyết định số: 1220/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 1707 Liệt sĩ: **LÊ VĂN AN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1962
Số bằng: 3R 297 km Quyết định số: 542/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1979
- 1708 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN THỌ**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1962
Số bằng: BS 738 cm Quyết định số: 163/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1998

- 1709 **Liệt sĩ: LÊ VĂN ĐƯỜNG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 8 năm 1975
 Số bảng: 7Y 913 bt Quyết định số: 269/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1979
- 1710 **Liệt sĩ: TRẦN NGÀ SÔ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1974
 Số bảng: 8V 661 bm Quyết định số: 700/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 1711 **Liệt sĩ: MAI VĂN THÔI**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1963
 Số bảng: 7Y 968 bm Quyết định số: 251/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1979
- 1712 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN QUẬN**
 Cán bộ, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1971
 Số bảng: 2V 173 cm Quyết định số: 565/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 1713 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN XƯƠNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1969
 Số bảng: 4Y 889 bm Quyết định số: 327/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1978
- 1714 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN BÉ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1970
 Số bảng: 3A 195 bm Quyết định số: 1429/TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 1715 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN NON**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
 Số bảng: DT 601 bm Quyết định số: 420/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 1975
- 1716 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN THẮNG**
 Chiến sĩ, Nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1969
 Số bảng: EI 565 cm Quyết định số: 1198/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2000
- 1717 **Liệt sĩ: THÁI VĂN NGHIỆP**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
 Số bảng: 7I 206 bm Quyết định số: 26/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1979
- 1718 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN NGHĨA**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1968
 Số bảng: CC 248 bm Quyết định số: 60/CTKT ngày 12 tháng 4 năm 1989

- 1719 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN HAI**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: 8N 566 bm Quyết định số: 533/TTGa ngày 20 tháng 7 năm 1979
- 1720 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THANH**
 ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1967
 Số bằng: 3Z 436 km Quyết định số: 242/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 1721 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN DÈM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: 3R 461 bm Quyết định số: 1589/TTGa ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 1722 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TỶ**
 Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Long Tân, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1974
 Số bằng: 1Y 473 cm Quyết định số: 1676/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 1723 **Liệt sĩ: VÕ VĂN TÁM**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Tân, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: 3R 938 km Quyết định số: 583/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 1724 **Liệt sĩ: VÕ VĂN GÒM**
 Trung đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Bình, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1962
 Số bằng: 3X 241 km Quyết định số: 573/TTGa ngày 20 tháng 8 năm 1980
- 1725 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TỐT**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1962
 Số bằng: 8N 337 bm Quyết định số: 541/TTGa ngày 27 tháng 7 năm 1979
- 1726 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SINH**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1973
 Số bằng: 9C 169 bm Quyết định số: 47/TTGa ngày 16 tháng 1 năm 1978
- 1727 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BỌN**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: 1K 169 km Quyết định số: 1510/TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 1728 **Liệt sĩ: VÕ VĂN CÒN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: 9H 134 bm Quyết định số: 101/TTGa ngày 7 tháng 2 năm 1980

- 1729 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN HỘI**
 Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Tân, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1965
 Số bằng: 6V 846 bm Quyết định số: 1209/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1978
- 1730 **Liệt sĩ: LÊ VĂN LỰA**
 Đội viên du kích ấp, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1974
 Số bằng: 1K 191 km Quyết định số: 1510/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 1731 **Liệt sĩ: VÕ VĂN THẮNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1975
 Số bằng: 3L 735 bm Quyết định số: 1571/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 1732 **Liệt sĩ: VÕ VĂN MINH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: 9M 317 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1980
- 1733 **Liệt sĩ: PHAN VĂN TRUNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1960
 Số bằng: 3L 738 bm Quyết định số: 1571/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 1734 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN LỘC**
 Cán bộ công trường, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1959
 Số bằng: 2L 924 km Quyết định số: 333/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 1735 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN THIẾT**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1962
 Số bằng: 8N 332 bm Quyết định số: 541/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1979
- 1736 **Liệt sĩ: BÙI VĂN HAI**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: 3L 727 bm Quyết định số: 1571/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 1737 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THẮNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: 8N 344 bm Quyết định số: 541/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1979
- 1738 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TIỀN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1962
 Số bằng: 7AA 907bm Quyết định số: 109/CTKT ngày 9 tháng 12 năm 1981

- 1739 Liệt sĩ: **LÊ THANH VIỄN**
 Phó Ban Tổ chức huyện, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: 4B 715 cm Quyết định số: 700/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 1740 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AN**
 Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: 3L 868 cm Quyết định số: 1220/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 1741 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHẢI**
 Cán bộ giao bưu vận tỉnh, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1970
 Số bằng: 3P 955 cm Quyết định số: 27/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1979
- 1742 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SÁU**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1974
 Số bằng: 4T 187 bm Quyết định số: 200/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 1743 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUÂN**
 Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1963
 Số bằng: 3L 994 cm Quyết định số: 1208/TTGa ngày 23 tháng 10 năm 1978
- 1744 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÂU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1973
 Số bằng: 1K 728 bm Quyết định số: 732/Ttga ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 1745 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUẤN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1974
 Số bằng: 0M 898 km Quyết định số: 732/TTGa ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 1746 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÂU**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1974
 Số bằng: 1K 727 bm Quyết định số: 732/TTGa ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 1747 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KẾ**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: 1K 213 km Quyết định số: 1510/TTGa ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 1748 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN BẢN**
 ấp đội trưởng, Nguyên quán: Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1962
 Số bằng: 3U 537 km Quyết định số: 101/TTGa ngày 7 tháng 2 năm 1980

- 1749 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN KHÁ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 3U 526 km Quyết định số: 101/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1980
- 1750 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 9C 190 bm Quyết định số: 851/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 1751 Liệt sĩ: **NGÔ TÂN ĐỨC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1957
Số bằng: 6A 535 bm Quyết định số: 785/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1971
- 1752 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRUYỀN**
Bí thư Chi đoàn thanh niên xã, Nguyên quán: Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1963
Số bằng: 4G 210 cm Quyết định số: 853/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 1753 Liệt sĩ: **LÊ TỨ HẢI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1965
Số bằng: 8U 992 bm Quyết định số: 745/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 1754 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯỚC**
Cán bộ ty Công An, Nguyên quán: Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 4A 643 cm Quyết định số: 583/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 1755 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN INH**
Công an thị trấn Ngã Năm, Nguyên quán: Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1974
Số bằng: 2V 130 cm Quyết định số: 565/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 1756 Liệt sĩ: **TRANG VĂN MUỘI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1962
Số bằng: 2CC 386bm Quyết định số: 99/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1981
- 1757 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÈ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Quới, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 3Y 977 bm Quyết định số: 1770/TTga ngày 26 tháng 12 năm 1977
- 1758 Liệt sĩ: **HUỖNH BÁ VĂN**
Đại đội trưởng tuyên truyền thị trấn, Nguyên quán: phường 1, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1962
Số bằng: 2L 662 cm Quyết định số: 311/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978

- 1759 **Liệt sĩ: LÊ VĂN QUI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1963
 Số bảng: 8N 320 bm Quyết định số: 541/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1979
- 1760 **Liệt sĩ: LÊ VĂN LÝ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968
 Số bảng: 5Q 987 bm Quyết định số: 597/TTGa ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 1761 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐƯỢC**
 Phó Ban Công an xã, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1972
 Số bảng: 2D 641 cm Quyết định số: 186/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 1762 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ĐIỂM**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1969
 Số bảng: 2Đ 998 km Quyết định số: 23/TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 1763 **Liệt sĩ: TRẦN NAM**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968
 Số bảng: 2K 627 km Quyết định số: 286/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1764 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐỀ**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1964
 Số bảng: 3Z 484 km Quyết định số: 242/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 1765 **Liệt sĩ: ĐOÀN VĂN NUÔI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968
 Số bảng: 8N 370 bm Quyết định số: 541/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1979
- 1766 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TƯ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1964
 Số bảng: 2AB 591bm Quyết định số: 267/CTKT ngày 22 tháng 9 năm 1982
- 1767 **Liệt sĩ: PHAN VĂN HỮU**
 ủy viên Chi đoàn xã, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1965
 Số bảng: 2V 965 cm Quyết định số: 597/TTGa ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 1768 **Liệt sĩ: LƯU VĂN CU**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1971
 Số bảng: 2H 224 cm Quyết định số: 23/TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1978

- 1769 Liệt sĩ: **LÝ HEN**
 ủy viên mặt trận xã, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1962
 Số bằng: 3I 107 cm Quyết định số: 1056/TTGa ngày 18 tháng 9 năm 1978
- 1770 Liệt sĩ: **TRẦN THÀNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1981
 Số bằng: AA 766 bt Quyết định số: 182/CTKT ngày 30 tháng 5 năm 1984
- 1771 Liệt sĩ: **LÂM SUNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam; Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1962
 Số bằng: 7I 226 bm Quyết định số: 1417/TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1978
- 1772 Liệt sĩ: **TẠ PHÚ XUẤT**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: 2K 655 km Quyết định số: 286/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1773 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÂM**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1970
 Số bằng: 5R 046 bm Quyết định số: 620/TTGa ngày 12 tháng 6 năm 1978
- 1774 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHƯỚC**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: 2E 016 km Quyết định số: 23/TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 1775 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN TỐI**
 Chuẩn úy thị xã Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: 4T 395 bm Quyết định số: 179/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 1776 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1974
 Số bằng: 3R 222 km Quyết định số: 541/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1979
- 1777 Liệt sĩ: **VÔ VĂN SON (HỒNG SON)**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1965
 Số bằng: 7I 228 bm Quyết định số: 1417/TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1978
- 1778 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHÚ**
 Hạ sĩ công an thị xã, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 12 năm 1950
 Số bằng: AD 903 cp Quyết định số: 258/CTKT ngày 25 tháng 7 năm 1984

- 1779 Liệt sĩ: **HỒ THỊ THỦY**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1961
Số bằng: 3I 136 cm Quyết định số: 1056/TTga ngày 18 tháng 9 năm 1978
- 1780 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1974
Số bằng: 8N 557 bm Quyết định số: 533/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1979
- 1781 Liệt sĩ: **LÝ SUM**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1961
Số bằng: 3T 829 km Quyết định số: 853/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 1782 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUÊN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1965
Số bằng: AD 940 km Quyết định số: 258/CTKT ngày 25 tháng 7 năm 1984
- 1783 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MÃM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1964
Số bằng: 9C 102 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1980
- 1784 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHƯỚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 2Y 938 bm Quyết định số: 1388/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 1785 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN ĐÔNG**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 1P 082 km Quyết định số: 1331/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 1786 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐỀ**
Trưởng Ban cán sự ấp, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1959
Số bằng: 3L 907 cm Quyết định số: 1220/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 1787 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XUÔNG**
cán bộ giao liên xã, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1971
Số bằng: 2D 862 cm Quyết định số: 198/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 1788 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VIỄN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1962
Số bằng: 6P 776 bm Quyết định số: 1045/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1978

- 1789 Liệt sĩ: **THẠCH ƯƠNG**
 Trưởng Ban Công an xã, Nguyên quán: xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
 Số bằng: 4N 408 cm Quyết định số: 168/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1981
- 1790 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÃO**
 Đội viên tuyên truyền huấn luyện xã, Nguyên quán: xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: 2V 987 cm Quyết định số: 597/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 1791 Liệt sĩ: **HÒ VĂN HEN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1973
 Số bằng: 6V 854 bm Quyết định số: 1209/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1978
- 1792 Liệt sĩ: **THẠCH TƯ**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
 Số bằng: 2E 027 km Quyết định số: 23/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 1793 Liệt sĩ: **LA GIỎI**
 Cán bộ mật xã Phú Tâm, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1960
 Số bằng: 3I 100 cm Quyết định số: 1056/TTga ngày 18 tháng 9 năm 1978
- 1794 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỨC**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1964
 Số bằng: 3K 490 km Quyết định số: 1399/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 1795 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MI**
 Bí thư chi đoàn xã, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: 3I 120 cm Quyết định số: 1056/TTga ngày 18 tháng 9 năm 1978
- 1796 Liệt sĩ: **QUÁCH PÉN**
 Cán bộ nông hội xã, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1974
 Số bằng: 4N 636 cm Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1981
- 1797 Liệt sĩ: **THÁI HÒA HÊN**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1967
 Số bằng: 3Z 479 km Quyết định số: 242/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 1798 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CƯỜNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1965
 Số bằng: 6X 660 bm Quyết định số: 1219/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978

- 1799 Liệt sĩ: **THẠCH KHANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1960
Số bằng: 7H 494 bm Quyết định số: 1331/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 1800 Liệt sĩ: **LÂM THỊ HÈN**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1970
Số bằng: 3P 908 cm Quyết định số: 27/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1979
- 1801 Liệt sĩ: **LÂM KIỂM**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 3R 891 km Quyết định số: 583/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 1802 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỒNG**
Dân quân ấp, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1945
Số bằng: LC 737 kp Quyết định số: 20/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1978
- 1803 Liệt sĩ: **THẠCH DIỄN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1971
Số bằng: 8AA 049 bm Quyết định số: 96/CTKT ngày 1 tháng 12 năm 1981
- 1804 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NAM**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 2E 003 km Quyết định số: 23/TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 1805 Liệt sĩ: **HỨA KHUL**
Cán bộ dân vận xã, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1962
Số bằng: 3P 949 cm Quyết định số: 27/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1979
- 1806 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**
Trưởng ban công an ấp, Nguyên quán: xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1968
Số bằng: CE 802 cm Quyết định số: 90/CTKT ngày 10 tháng 5 năm 1968
- 1807 Liệt sĩ: **LÊ VĂN AN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 7Q 610 bm Quyết định số: 32/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1979
- 1808 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUÂN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 2E 101 km Quyết định số: 23/TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1978

- 1809 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN TÌNH**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 3R 940 km Quyết định số: 583/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 1810 Liệt sĩ: **TẶNG THỊ SẠI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 9M 307 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1980
- 1811 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TRỌNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 3Q 065 cm Quyết định số: 1417/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1978
- 1812 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ HỒNG TƯƠI**
Du kích mật, Nguyên quán: xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1963
Số bằng: AT 965 km Quyết định số: 363/CTKT ngày 25 tháng 9 năm 1985
- 1813 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NAM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 1P 069 km Quyết định số: 1331/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1977
- 1814 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LONG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1963
Số bằng: 2CC 381 bm Quyết định số: 99/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1981
- 1815 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TỶ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 1S 635 km Quyết định số: 1753/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 1816 Liệt sĩ: **DƯƠNG THỊ TÀN**
Phó Ban chấp hành phụ nữ xã, Nguyên quán: xã An Thạnh 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 10 năm 1949
Số bằng: 1AC 308cp Quyết định số: 109/CTKT ngày 9 tháng 12 năm 1981
- 1817 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DUNG**
Bí thư xã, Nguyên quán: xã Hậu Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1967
Số bằng: 3L 689 cm Quyết định số: 1207/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1978
- 1818 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÀNH**
Cán bộ Công an xã, Nguyên quán: xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 3I 617 cm Quyết định số: 1084/TTga ngày 25 tháng 9 năm 1978

- 1819 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÚA**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong
 sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1973
 Số bảng: 3A 931 km Quyết định số: 972/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1978
- 1820 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN QUÂN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong
 sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1968
 Số bảng: 2U 981 km Quyết định số: 687/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1978
- 1821 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN XÂY**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc
 Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1966
 Số bảng: 6Q 845 bm Quyết định số: 1084/TTga ngày 25 tháng 9 năm 1978
- 1822 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN XÁM**
 ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự
 nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1973
 Số bảng: 2V 049 km Quyết định số: 702/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1978
- 1823 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN GIÀU**
 Chính trị viên đội công tác thị trấn, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1971
 Số bảng: 4B 781 cm Quyết định số: 804/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1979
- 1824 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN KỶ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc
 Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1967
 Số bảng: 3Z 035 bm Quyết định số: 1807/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977
- 1825 **Liệt sĩ: MÃ VĂN PHÁT**
 Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Trinh Phú, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong
 sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1974
 Số bảng: DT 295 cm Quyết định số: 401/TTg ngày 10 tháng 7 năm 1995
- 1826 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN PHƯỚC**
 Thượng sĩ Công an nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
 Số bảng: 4N 634 cm Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1981
- 1827 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN KIM**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc
 Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1970
 Số bảng: 4S 663 bm Quyết định số: 253/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1978
- 1828 **Liệt sĩ: HỒ VĂN CƯỜNG**
 Trưởng ban cán sự nông hội, Nguyên quán: xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy
 sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1961
 Số bảng: 3L 676 cm Quyết định số: 1207/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1978

- 1829 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DƯ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1973
Số bằng: 3G 337 km Quyết định số: 1219/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 1830 Liệt sĩ: **MAI VĂN NGÜNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 2U 967 km Quyết định số: 687/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1978
- 1831 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHONG THANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 11 năm 1947
Số bằng: 2AC 644bp Quyết định số: 851/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 1832 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỌ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 6V 946 bm Quyết định số: 1209/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1978
- 1833 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIẾT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 6V 862 bm Quyết định số: 1209/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1978
- 1834 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÀNH**
Nhân viên Công an huyện, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 3Q 052 cm Quyết định số: 1417/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1978
- 1835 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HOÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1974
Số bằng: 8N 576 bm Quyết định số: 533/TTga ngày 20 tháng 7 năm 1979
- 1836 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGUYỄN**
Phó ban an ninh, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1968
Số bằng: 3G 843 cm Quyết định số: 972/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1978
- 1837 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHUỒL**
Công dân, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1968
Số bằng: B 301 cm Quyết định số: 327/CTKT ngày 27 tháng 10 năm 1982
- 1838 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KỲ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 5A 007 km Quyết định số: 203/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982

- 1839 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHUÊ**
 Phó ban nông dân, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1971
 Số bảng: 3T 586 cm Quyết định số: 1084/TTga ngày 25 tháng 9 năm 1978
- 1840 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIÊU**
 Y tá Đội du kích, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1962
 Số bảng: 2L 030 km Quyết định số: 247/TTga ngày 17 tháng 3 năm 1978
- 1841 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HÒA**
 Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Phong Nắm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1975
 Số bảng: 2U 836 km Quyết định số: 687/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1978
- 1842 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC AN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1968
 Số bảng: 4S 831 bm Quyết định số: 248/TTga ngày 17 tháng 3 năm 1978
- 1843 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MẬU**
 ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1964
 Số bảng: 3Z 465 km Quyết định số: 242/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 1844 Liệt sĩ: **HUỖNH HỮU HẠNH**
 Phó Ban kinh tài huyện, Nguyên quán: xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1971
 Số bảng: 2X 752 cm Quyết định số: 689/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1978
- 1845 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÚI**
 Cán bộ, Nguyên quán: xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
 Số bảng: EE 995 cm Quyết định số: 344/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2000
- 1846 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GÁM**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1973
 Số bảng: 2U 831 km Quyết định số: 687/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1978
- 1847 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG KỲ**
 Bí Thư mặt trận, Nguyên quán: xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1973
 Số bảng: 3B 155 cm Quyết định số: 808/TTga ngày 26 tháng 7 năm 1978
- 1848 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÀ**
 ấp đội trưởng, Nguyên quán: huyện Dầu Tiếng, tỉnh Sông Bé, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 3 năm 1946
 Số bảng: CE 757 kp Quyết định số: 90/CTKT ngày 10 tháng 5 năm 1989

- 1849 Liệt sĩ: **LÊ HỮU NGÔI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1963
Số bằng: RM 159 km Quyết định số: 894/TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 1850 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIỀN**
Hội trưởng Quân nhân cứu quốc thị xã, Nguyên quán: Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1947
Số bằng: AI 952 cp Quyết định số: 399/CTKT ngày 21 tháng 11 năm 1984
- 1851 Liệt sĩ: **VÕ VĂN KIỂM**
Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Thạnh Trị, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1964
Số bằng: 3G 380 km Quyết định số: 589/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 1852 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN QUYẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hòa, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1983
Số bằng: BA 087 bt Quyết định số: 04/CTKT ngày 8 tháng 1 năm 1986
- 1853 Liệt sĩ: **CAO HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Kiết, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 6X 611 bm Quyết định số: 1216/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 1854 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: TT Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1963
Số bằng: 8R 278 bm Quyết định số: 589/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 1855 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ GIANG**
Bí thư đoàn thanh niên, Nguyên quán: TT Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 3L 913 cm Quyết định số: 1220/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 1856 Liệt sĩ: **TÔ NGỌC TRÀM**
Trưởng ban tuyên huấn, Nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1973
Số bằng: 4B 820 cm Quyết định số: 804/TTga ngày 16 tháng 11 năm 1979
- 1857 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN QUYỀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Biên, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 6X 794 bm Quyết định số: 1208/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1978
- 1858 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN PHƯỚC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1967
Số bằng: 1S 664 km Quyết định số: 1753/Ttga ngày 21 tháng 12 năm 1977

1859 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MỪNG**

Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 5V 539 bm Quyết định số: 696/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1978

TỈNH PHÚ THỌ

1860 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC KÍNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1967
Số bằng: RO 666 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976

1861 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ DIỄN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XX 847 bp Quyết định số: 118/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1960

1862 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1954
Số bằng: XQ 4,187bp Quyết định số: 329/TTg ngày 1 tháng 9 năm 1959

1863 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG TÙNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CM 292 bm Quyết định số: 8/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1968

1864 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN DƯƠNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HP 809 bm Quyết định số: 557/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

1865 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỐNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XQ 4,194bp Quyết định số: 329/TTg ngày 1 tháng 9 năm 1959

1866 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH HÙNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: LQ 827 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1974

1867 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM LONG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1966
Số bằng: AL 665 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

1868 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠCH**

Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Dương, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BL 852 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 1 năm 1972

- 1869 Liệt sĩ: **NGUYỄN DOÃN PHONG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Dương, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1973
Số bằng: GV 054 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973
- 1870 Liệt sĩ: **BÙI QUANG CĂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Dương, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1968
Số bằng: NY 961 bm Quyết định số: 619/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1974
- 1871 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Nộn, huyện Tam Nông,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: KG 892 bm Quyết định số: 144/TTg ngày 4 tháng 4 năm 1974
- 1872 Liệt sĩ: **LÊ KHÁNH LINH**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kinh Kệ, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ML 737 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1970
- 1873 Liệt sĩ: **LƯU VĂN THỦY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kinh Kệ, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1973
Số bằng: GR 711 bm Quyết định số: 392/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1973
- 1874 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHỈ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1970
Số bằng: TB 238 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 21 tháng 4 năm 2003
- 1875 Liệt sĩ: **TRẦN TIẾN NHÌ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1972
Số bằng: TS 418 bm Quyết định số: 39/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 1876 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1970
Số bằng: GR 785 bm Quyết định số: 392/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1973
- 1877 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lỗ, huyện Phù Ninh,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HK 626 bm Quyết định số: 414/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1973
- 1878 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969
Số bằng: NV 965 bm Quyết định số: 536/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974

- 1879 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CHỮ**
 Dân quân tự vệ, Nguyên quán: Thống nhất, Hạc Trì,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 12 năm 1948
 Số bằng: XL 755 kp Quyết định số: 441/TTg ngày 24 tháng 11 năm 1961
- 1880 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRỰC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Hùng Thao, Hạc Trì,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
 Số bằng: MX 620 bp Quyết định số: 277/TTg ngày 8 tháng 10 năm 1962
- 1881 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VỤ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Hùng Thao, Hạc Trì,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 3 năm 1951
 Số bằng: KX 395 bp Quyết định số: 441/TTg ngày 24 tháng 11 năm 1961
- 1882 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 9 năm 1948
 Số bằng: BC 464 kp Quyết định số: 134/TTg ngày 18 tháng 4 năm 1972
- 1883 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN VỆ**
 Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chu Hóa, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1979
 Số bằng: 8M 641 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979
- 1884 Liệt sĩ: **HOÀNG LIÊN SƠN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hộ, huyện Phù Ninh,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1966
 Số bằng: AO 683 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 9 tháng 6 năm 1971
- 1885 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MINH**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Minh, huyện Đại Lộc,, Quảng Nam Đà Nẵng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1966
 Số bằng: BM 059 bm Quyết định số: 105/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967
- 1886 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM LONG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1966
 Số bằng: AL 665 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971
- 1887 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHƯƠNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Việt Hùng, Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 2 năm 1954
 Số bằng: HX 491 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961
- 1888 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH CHU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1966
 Số bằng: AL 800 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

- 1889 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MIÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1970
Số bằng: QV 300 bm Quyết định số: 139/TTGa ngày 21 tháng 4 năm 1976
- 1890 Liệt sĩ: **TẠ VĂN CĂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Việt Hùng, Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 6 năm 1949
Số bằng: HX 492 bp Quyết định số: 2567/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961
- 1891 Liệt sĩ: **TRIỆU VĂN HUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Việt Hùng, Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 11 năm 1952
Số bằng: XL 757 bp Quyết định số: 483/TTg ngày 3 tháng 11 năm 1958
- 1892 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Việt Hùng, Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 10 năm 1951
Số bằng: XL 764 bp Quyết định số: 483/TTg ngày 3 tháng 11 năm 1958
- 1893 Liệt sĩ: **CAO XUÂN ĐỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Xá, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1970
Số bằng: CL 703 bm Quyết định số: 324/TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 1894 Liệt sĩ: **CAO ĐÌNH BÚT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Xá, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 2 năm 1969
Số bằng: HE 242 bp Quyết định số: 550/TTGa ngày 10 tháng 12 năm 1973
- 1895 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Xá, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GV 093 bm Quyết định số: 353/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1973
- 1896 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CĂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Mai, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GC 625 bm Quyết định số: 308/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1973
- 1897 Liệt sĩ: **VŨ VĂN MÃN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Mai, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1968
Số bằng: GV 120 bm Quyết định số: 353/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1973
- 1898 Liệt sĩ: **TẠ ĐỨC PHƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Mai, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1984
Số bằng: BC 301 bm Quyết định số: 133/CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986

- 1899 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TẾ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Minh, huyện Duy Tiên,, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 2 năm 1946
 Số bằng: ZB 076 bp Quyết định số: 135/TTg ngày 4 tháng 4 năm 1957
- 1900 Liệt sĩ: **NGÔ VI THÀNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ấm Thượng, Hạ Hòa,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1967
 Số bằng: AD 187 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971
- 1901 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN DƯ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1969
 Số bằng: AS 371 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971
- 1902 Liệt sĩ: **NGUYỄN MỘNG HỠ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1967
 Số bằng: AL 633 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971
- 1903 Liệt sĩ: **NGUYỄN MỘNG HÀ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: HE 415 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974
- 1904 Liệt sĩ: **CHU MẠNH TẮNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1967
 Số bằng: CL 778 bm Quyết định số: 329/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 1905 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU NGỌ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: YA 469 bm Quyết định số: 376/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1978
- 1906 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỎ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1965
 Số bằng: UY 959 Quyết định số: 352/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1907 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU AN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Dương, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: HE 205 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973
- 1908 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUÊ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Dương, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: HE 627 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

- 1909 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Dương, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1969
 Số bằng: TB 329 bm Quyết định số: 551/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976
- 1910 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY KÝ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Dương, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1971
 Số bằng: LP 621 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 1911 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kinh Kệ, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: TB 760 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 1912 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN NGHĨA**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1966
 Số bằng: LP 691 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1975
- 1913 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DIÊN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1965.
 Số bằng: K 372 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1974
- 1914 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã
 hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: HE 426 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974
- 1915 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG VIỆT**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , tỉnh Thái Nguyên, đã hy sinh trong sự
 nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1978
 Số bằng: 8E 859 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 21 tháng 5 năm 1979
- 1916 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM OANH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê,, tỉnh Vĩnh Phú,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: GV 390 bm Quyết định số: 389/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 1917 Liệt sĩ: **ĐỖ MẠNH KHIÊN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê,, tỉnh Vĩnh Phú, đã
 hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1973
 Số bằng: TV 246 bm Quyết định số: 83/TTg ngày 8 tháng 2 năm 1977
- 1918 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh
 Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: HĐ 284 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

- 1919 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN DÀY**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thanh Nga, huyện Cẩm Khê,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 1 năm 1954
Số bằng: XT 102 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959
- 1920 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THUẬN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê,, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1969
Số bằng: GN 183 bm Quyết định số: 302/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973
- 1921 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHÂU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê,, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1969
Số bằng: GS 876 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973
- 1922 **Liệt sĩ: BUI VĂN RUỘNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Xương, huyện Cẩm Khê,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 9 năm 1952
Số bằng: XU 259 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 1923 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN TUẤT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Xương, huyện Cẩm Khê,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1949
Số bằng: XU 288 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 1 tháng 1 năm 1960
- 1924 **Liệt sĩ: NGUYỄN CÔNG AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MA 134 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 15 tháng 1 năm 1970
- 1925 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1974
Số bằng: PT 538 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975
- 1926 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN THÍCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: XN 574 kp Quyết định số: 256/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1961
- 1927 **Liệt sĩ: HÀ VĂN KIẾN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1970
Số bằng: AS 379 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971
- 1928 **Liệt sĩ: HÀ MẠNH CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: GS 878 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

- 1929 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN THAO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
Số bằng: KG 905 bm Quyết định số: 144/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974
- 1930 Liệt sĩ: **ĐINH TIẾN NA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã
hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1968
Số bằng: UR 238 bm Quyết định số: 236/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 1931 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN DIỆN**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: LO 393 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 1932 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN MỚI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã
hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1970
Số bằng: VK 338 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 1933 Liệt sĩ: **HÀ VĂN XÂY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968
Số bằng: OL 139 bm Quyết định số: 613/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 1934 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN MÁ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong
cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1949
Số bằng: XG 374 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959
- 1935 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Sơn, huyện Ba Vì,, thành phố Hà Nội,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1970
Số bằng: bm Quyết định số: 332/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1980
- 1936 Liệt sĩ: **HÀ THANH BÁCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú
Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NT 653 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1974
- 1937 Liệt sĩ: **HÀ ĐỨC THÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã
hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1969
Số bằng: YH 293 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 1938 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HÒN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1969
Số bằng: GE 490 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1973

- 1939 **Liệt sĩ: HÀ VĂN CHÍCH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: TB 241 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976
- 1940 **Liệt sĩ: HÀ PHONG IN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1966
 Số bằng: AG 001 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971
- 1941 **Liệt sĩ: HÀ MINH CHÁT**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 2 năm 1979
 Số bằng: 8M 404 bt Quyết định số: 464/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979
- 1942 **Liệt sĩ: HÀ VĂN CHÓN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 8 năm 1948
 Số bằng: XG 371 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959
- 1943 **Liệt sĩ: HÀ VĂN CHƠI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: YT 153 bm Quyết định số: 370/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 1944 **Liệt sĩ: HÀ XUÂN NGÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: OL 010 bm Quyết định số: 613/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 1945 **Liệt sĩ: HÀ VĂN XIÊM**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1970
 Số bằng: MV 288 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 30 tháng 12 năm 1970
- 1946 **Liệt sĩ: NGUYỄN NGỌC THẮNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Nghĩa, huyện Vũ Thư,, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1971
 Số bằng: CQ 294 bm Quyết định số: 302/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972
- 1947 **Liệt sĩ: HÀ LONG BIÊN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: MG 303 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 1948 **Liệt sĩ: HÀ THÀNH KÍNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1966
 Số bằng: EB 268 bm Quyết định số: 73/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1973

- 1949 Liệt sĩ: **HÀ ĐỨC THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1951
Số bằng: NX 071 bp Quyết định số: 50/TTg ngày 15 tháng 2 năm 1967
- 1950 Liệt sĩ: **HÀ THANH ỨNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HK 610 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1973
- 1951 Liệt sĩ: **HÀ TRẦN VE**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1973
Số bằng: RT 456 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1975
- 1952 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN CHIỀU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 8T 495 bm Quyết định số: 634/TTga ngày 7 tháng 9 năm 1979
- 1953 Liệt sĩ: **XA MẠNH SINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GE 547 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1973
- 1954 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN PHÁT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: GR 647 bm Quyết định số: 392/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1973
- 1955 Liệt sĩ: **SA VĂN NẰNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: EV 721 kp Quyết định số: 289/TTg ngày 19 tháng 4 năm 2002
- 1956 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHUÝNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: LX 815 kp Quyết định số: 316/TTg ngày 10 tháng 5 năm 1962
- 1957 Liệt sĩ: **HÀ TRẦN VANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970
Số bằng: QV 336 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976
- 1958 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LIÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: XG 367 kp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

- 1959 Liệt sĩ: **HÀ THANH ĐÍCH**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1968
Số bằng: QN 935 bm Quyết định số: 147/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 1960 Liệt sĩ: **HÀ VĂN MAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GV 838 bm Quyết định số: 373/TTGa ngày 27 tháng 8 năm 1973
- 1961 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN HỮU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1968
Số bằng: GV 198 bm Quyết định số: 362/TTGa ngày 18 tháng 8 năm 1973
- 1962 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BƯƠng**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 12 năm 1950
Số bằng: LX 072 bp Quyết định số: 50/TTg ngày 15 tháng 2 năm 1962
- 1963 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NHIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: MP 642 bm Quyết định số: 211/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 1964 Liệt sĩ: **HÀ SINH ĐẰM**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GL 838 bm Quyết định số: 373/TTGa ngày 27 tháng 8 năm 1973
- 1965 Liệt sĩ: **HÀ ĐỨC LINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MS 942 bm Quyết định số: 295/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1970
- 1966 Liệt sĩ: **HÀ ĐỨC SÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1967
Số bằng: MS 979 bm Quyết định số: 298/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1970
- 1967 Liệt sĩ: **HÀ MINH XUYỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GE 556 bm Quyết định số: 279/TTGa ngày 3 tháng 7 năm 1973
- 1968 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KIM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1969
Số bằng: BB 687 bm Quyết định số: 291/TTGa ngày 20 tháng 12 năm 1971

- 1969 Liệt sĩ: **HÀ THANH KIỂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1970
Số bằng: RD 663 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976
- 1970 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH NGAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HE 617 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 1971 Liệt sĩ: **HÀ VĂN PHÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1970
Số bằng: SO 941 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1976
- 1972 Liệt sĩ: **PHÙNG THANH KÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1967
Số bằng: VP 033 bm Quyết định số: 236/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 1973 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1968
Số bằng: CQ 882 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972
- 1974 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGHỊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Việt Cường, huyện Lâm Thao,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XX 903 bp Quyết định số: 118/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1960
- 1975 Liệt sĩ: **TRIỆU VĂN LÊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nam Tiến, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1948
Số bằng: XX 894 bp Quyết định số: 118/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1960
- 1976 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Phương Xá, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 6 năm 1984
Số bằng: AL 482 bt Quyết định số: 446/CTKT ngày 26 tháng 12 năm 1984
- 1977 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN KẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Cát Trù, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 3 năm 1946
Số bằng: ZP 384 bp Quyết định số: 150/TTg ngày 13 tháng 4 năm 1957
- 1978 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN CANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Thu Cúc, huyện Thanh Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1968
Số bằng: CL 658 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972

- 1979 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN HỘI**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Kiệt Sơn, huyện Thanh Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1969
 Số bằng: AO 528 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971
- 1980 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH VÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Kiệt Sơn, huyện Thanh Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: KG 956 bm Quyết định số: 144/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974
- 1981 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LÉM**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1970
 Số bằng: SO 746 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 1982 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VĂNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nhân Kháng, Lý Nhân,, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 4 năm 1954
 Số bằng: XB 252 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 1983 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NHỜ**
 Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: Xã Xuân Đài, huyện Thanh Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 2 năm 1952
 Số bằng: CV 738 kp Quyết định số: 244/CTKT ngày 16 tháng 10 năm 1991
- 1984 Liệt sĩ: **PHÙNG ĐÌNH BA**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Xuân Đài, huyện Thanh Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1971
 Số bằng: LH 318 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1974
- 1985 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THÔNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Thanh Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 8 năm 1987
 Số bằng: CD 813 bt Quyết định số: 267 CTKT ngày 27 tháng 12 năm 1988
- 1986 Liệt sĩ: **HÀ ĐỨC CAO**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Xuân Đài, huyện Thanh Sơn,, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1972
 Số bằng: HE 254 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973

TỈNH BÌNH ĐỊNH

- 1987 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÔNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1971
 Số bằng: AK 422 km Quyết định số: 05 /CTKT ngày 2 tháng 1 năm 1985
- 1988 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1962
 Số bằng: 5X 742 bm Quyết định số: 721 /TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

- 1989 Liệt sĩ: **LÊ DU**
 Cơ sở cách mạng, Nguyên quán: xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1971
 Số bằng: PM 385 cm Quyết định số: 445 /TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 1990 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CHI**
 Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1974
 Số bằng: YT 546 bm Quyết định số: 498 /TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977
- 1991 Liệt sĩ: **HUỖNH THỊ GHI**
 Chị nuôi bệnh xá, Nguyên quán: xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1974
 Số bằng: 3E 312 cm Quyết định số: 989 /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 1992 Liệt sĩ: **THÁI VĂN HUÂN**
 Trưởng ban an ninh thôn, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1973
 Số bằng: 1G 279 cm Quyết định số: 1113 /TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 1993 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XUÔI**
 ủy viên nông hội xã, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1966
 Số bằng: 2G 613 cm Quyết định số: 228 /TTga ngày 13 tháng 3 năm 1978
- 1994 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUỖN**
 ủy viên kinh tài thôn, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
 Số bằng: 2G 669 cm Quyết định số: 228 /TTga ngày 13 tháng 3 năm 1978
- 1995 Liệt sĩ: **LÊ BẦY**
 ủy viên nông hội thôn, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1968
 Số bằng: 1G 257 ct Quyết định số: 1113 /TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 1996 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SAO**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1966
 Số bằng: 9C 793 bm Quyết định số: 05 /TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 1997 Liệt sĩ: **VÕ THÔNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1972
 Số bằng: 1Đ 669 km Quyết định số: 1103 /TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 1998 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ CHÍNH**
 Nhân viên đội vận chuyển, Nguyên quán: xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: 5N 090 cm Quyết định số: 281 /TTga ngày 6 tháng 7 năm 1981

- 1999 **Liệt sĩ: LÊ CHIỀU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1970
Số bảng: ĐO 962 km Quyết định số: 04/QĐ-TTg ngày 5 tháng 1 năm 1998
- 2000 **Liệt sĩ: VÕ NGỌC ANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1972
Số bảng: 7E 722 bm Quyết định số: 1350 /TTga ngày 29 tháng 11 năm 1978
- 2001 **Liệt sĩ: PHAN VĂN SAO**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1975
Số bảng: 1E 473 cm Quyết định số: 1108 /TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 2002 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1967
Số bảng: 6T 223 bm Quyết định số: 1124 /TTga ngày 4 tháng 10 năm 1978
- 2003 **Liệt sĩ: PHẠM CỘC**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1968
Số bảng: EK 869 cm Quyết định số: 133/QĐ-TTg ngày 11 tháng 2 năm 2001
- 2004 **Liệt sĩ: PHAN VĂN ĐẬU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1971
Số bảng: 5X 050 bm Quyết định số: 710 /TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978
- 2005 **Liệt sĩ: NGUYỄN PHÓT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1973
Số bảng: 8G 048 bm Quyết định số: 351 /TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 2006 **Liệt sĩ: TRƯƠNG NGỌC PHÁT**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1964
Số bảng: 2N 439 cm Quyết định số: 429 /TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 2007 **Liệt sĩ: PHẠM PHƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1971
Số bảng: 7B 362 bm Quyết định số: 1456 /TTga ngày 20 tháng 12 năm 1978
- 2008 **Liệt sĩ: TRẦN NGÔ NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 9 năm 1988
Số bảng: CI 208 bt Quyết định số: 21/ CTKT ngày 22 tháng 2 năm 1990

- 2009 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHU**
Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1966
Số bằng: GD 753 cm Quyết định số: 881/QĐ-TTg ngày 4 tháng 8 năm 2003
- 2010 Liệt sĩ: **HUỖNH THANH LONG**
Cán bộ kho, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 2K 320 cm Quyết định số: 139 /TTGa ngày 20 tháng 2 năm 1978
- 2011 Liệt sĩ: **ĐẶNG CẦU**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 4 năm 1948
Số bằng: IPC 141 bp Quyết định số: 1360 /TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1978
- 2012 Liệt sĩ: **NGÔ LỮ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 3Y 131 km Quyết định số: 736 /TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1980
- 2013 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LUẬN**
Đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1965
Số bằng: 1Đ 615 km Quyết định số: 1101 /TTGa ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 2014 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC ANH**
Trưởng ban tuyên huấn xã, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 1G 255 cm Quyết định số: 1113 /TTGa ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 2015 Liệt sĩ: **VÕ SỰ**
Công dân, Nguyên quán: xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 4H 045 cm Quyết định số: 131 /TTGa ngày 15 tháng 11 năm 1965
- 2016 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỎ**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 1G 005 cm Quyết định số: 1101 /TTGa ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 2017 Liệt sĩ: **NGUYỄN MAU**
Trung đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1973
Số bằng: 1Đ 619 km
- 2018 Liệt sĩ: **VÕ THĂNG**
Trưởng ban an ninh thôn, Nguyên quán: xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 3E 731 cm Quyết định số: 993 /TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1978

- 2019 Liệt sĩ: **HOÀNG LỤC**
Cán bộ, Nguyên quán: xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1974
Số bảng: 2L 277 cm Quyết định số: 318 /TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 2020 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÔNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1969
Số bảng: 5H 329 bm Quyết định số: 422 /TTga ngày 4 tháng 3 năm 1978
- 2021 Liệt sĩ: **HUYỀN ĐỨC THÀNH**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1965
Số bảng: 3X 445 km Quyết định số: 680 /TTga ngày 27 tháng 10 năm 1980
- 2022 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THỊ THANH**
Cán bộ phụ nữ huyện, Nguyên quán: xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1973
Số bảng: 3k 713 cm Quyết định số: 1114 /TTga ngày 2 tháng 2 năm 1973
- 2023 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÓA**
Trưởng ban tuyên huấn xã, Nguyên quán: xã Nhơn Mỹ, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bảng: 2Q 254 cm Quyết định số: 453 /TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 2024 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHÀNG**
Trưởng ban tự quản thôn, Nguyên quán: xã Nhơn Mỹ, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1967
Số bảng: 2I 496 cm Quyết định số: 108 TTg ngày 13 tháng 2 năm 1978
- 2025 Liệt sĩ: **TRẦN KHOA**
Trưởng ban tự quản thôn, Nguyên quán: xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1968
Số bảng: 1S 595 cm Quyết định số: 1722 /TTga ngày 14 tháng 12 năm 1977
- 2026 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TÁM**
Đội viên công tác xã, Nguyên quán: xã Bình Quang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1968
Số bảng: 3E 482 cm Quyết định số: 909 /TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 2027 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1968
Số bảng: 6I 465 bm Quyết định số: 991 /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 2028 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐÌNH**
Cán bộ ban binh vận, Nguyên quán: xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1967
Số bảng: 3R 885 cm Quyết định số: 1396 /TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

- 2029 Liệt sĩ: **PHAN TĂNG**
Cơ sở mật, Nguyên quán: xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1966
Số bằng: DS 098 cm Quyết định số: 263 TTg ngày 3 tháng 5 năm 1995
- 2030 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC ĐÌNH**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1966
Số bằng: HM 090 cm Quyết định số: 434 /TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977
- 2031 Liệt sĩ: **TẠ QUANG BÓI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hiệp, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 8L 373 bm Quyết định số: 494 TTg ngày 4 tháng 7 năm 1979
- 2032 Liệt sĩ: **HỒ TRIÊM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 6 năm 1953
Số bằng: P 473 bp Quyết định số: 353 CTKT ngày 5 tháng 10 năm 1983
- 2033 Liệt sĩ: **TRƯƠNG HÙNG ANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 5V 715 bm Quyết định số: 803 /TTga ngày 26 tháng 7 năm 1978
- 2034 Liệt sĩ: **TRẦN BÌNH BA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1965
Số bằng: DS 255 km Quyết định số: 263/ TTg ngày 3 tháng 5 năm 1995
- 2035 Liệt sĩ: **TRẦN MINH DƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1965
Số bằng: 3Đ 409 bm Quyết định số: 1505 /TTga ngày 16 tháng 11 năm 1977
- 2036 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ CHƯA**
Cán bộ phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Ân Hào Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1963
Số bằng: AY 755 cm Quyết định số: 459 /CTKT ngày 4 tháng 12 năm 1985
- 2037 Liệt sĩ: **ĐỖ THỊ RỄ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1971
Số bằng: YM 776 km Quyết định số: 895 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 2038 Liệt sĩ: **TRẦN THƠ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1967
Số bằng: YM 811 km Quyết định số: 895 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

- 2039 Liệt sĩ: **VƯƠNG PHỤ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1969
Số bằng: YM 770 km Quyết định số: 895 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 2040 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1965
Số bằng: YM 768 km Quyết định số: 895 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 2041 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN LUÔN**
Phó Chủ tịch, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 03 năm 1975
Số bằng: YM 764 km Quyết định số: 895 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 2042 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIẾN**
Thôn đội trưởng, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1965
Số bằng: YM 785 km Quyết định số: 895 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 2043 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ KHÁNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 05 năm 1966
Số bằng: YM 797 km Quyết định số: 895 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 2044 Liệt sĩ: **TRẦN HƯNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 06 năm 1966
Số bằng: YM 760 km Quyết định số: 895 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 2045 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÁNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ân Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 01 năm 1968
Số bằng: YM 665 km Quyết định số: 895 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 2046 Liệt sĩ: **ĐỖ THỊ BÌNH**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1973
Số bằng: YM 740 km Quyết định số: 895 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 2047 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CƯ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1960
Số bằng: 1X 381 bm Quyết định số: 966 /TTga ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 2048 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÂY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1971
Số bằng: 1X 387 bm Quyết định số: 966 /TTga ngày 5 tháng 9 năm 1977

- 2049 **Liệt sĩ: LÊ VĂN VINH**
Tham mưu trưởng tiểu đoàn, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 01 năm 1970
Số bằng: 1X 427 bm Quyết định số: 966 /TTGa ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 2050 **Liệt sĩ: HỒ CÔNG THẠNH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1973
Số bằng: 1X 435 bm Quyết định số: 966 /TTGa ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 2051 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TUÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 02 năm 1970
Số bằng: 1X 425 bm Quyết định số: 966 /TTGa ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 2052 **Liệt sĩ: TRƯƠNG KIÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1971
Số bằng: 1X 396 bm Quyết định số: 966 /TTGa ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 2053 **Liệt sĩ: TRẦN NĂM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 05 năm 1967
Số bằng: 1X 408 bm Quyết định số: 966 /TTGa ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 2054 **Liệt sĩ: NGÔ QUANG CHUẨN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 03 năm 1975
Số bằng: 1X 430 bm Quyết định số: 966 /TTGa ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 2055 **Liệt sĩ: TRẦN ĐÌNH TÀI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1973
Số bằng: 1X 418 bm Quyết định số: 966 /TTGa ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 2056 **Liệt sĩ: NGUYỄN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 09 năm 1972
Số bằng: 1X 434 bm Quyết định số: 966 /TTGa ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 2057 **Liệt sĩ: NGUYỄN MINH ĐỨC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 06 năm 1974
Số bằng: 1X 388 bm Quyết định số: 966 /TTGa ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 2058 **Liệt sĩ: VÕ XUÂN HÙNG**
Phó ban lương thực, Nguyên quán: xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 02 năm 1969
Số bằng: 1E 770 cm Quyết định số: 967 /TTGa ngày 5 tháng 9 năm 1977